

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC**

**ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
(Tập 1)**

**NGÀNH ĐÀO TẠO: RĂNG HÀM MẶT
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: TIẾN SĨ
MÃ SỐ: 9720501**

Thừa Thiên Huế, năm 2023

MỤC LỤC

TỜ TRÌNH	1
PHẦN 1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	7
1. Giới thiệu về Đại học Huế	7
2. Giới thiệu về Trường Đại học Y - Dược	11
2.1. Tổng quan về Trường Đại học Y - Dược	11
2.2. Giới thiệu Khoa RHM	14
2.2.1. <i>Quá trình phát triển</i>	14
2.2.2. <i>Nhân lực</i>	16
2.2.3. <i>Đào tạo</i>	17
2.2.4. <i>Nghiên cứu khoa học - hợp tác quốc tế</i>	17
2.2.5. <i>Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo</i>	19
3. Lý do đề nghị mở ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ	20
4. Kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo Tiến sĩ ngành RHM	21
4.1. Mục tiêu, phạm vi và đối tượng khảo sát	21
4.2. Phương pháp khảo sát và các chỉ tiêu khảo sát	22
4.3. Kết quả khảo sát	22
PHẦN 2. NĂNG LỰC CỦA ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO	24
1. Khái quát chung về quá trình đào tạo	24
2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo	32
2.1. Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo	32
2.2. Mạng công nghệ thông tin	34
2.3. Khoa Răng Hàm Mặt	34
3. Hoạt động nghiên cứu khoa học	62
PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO	128
1. Chương trình đào tạo	128
1.1. Ngành đăng ký đào tạo	128
1.2. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo	128
1.3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	129
1.3.1. <i>Mục tiêu</i>	129
1.3.2. <i>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Tiến sĩ RHM</i>	130

1.4. Đối sánh khung chương trình đào tạo	134
1.4.1. Đối sánh khung chương trình đào tạo trong nước	134
1.4.2. Đối sánh khung chương trình đào tạo nước ngoài	137
1.5. Chương trình đào tạo	138
1.5.1. Nội dung chương trình đào tạo	138
1.5.2. Khối lượng kiến thức của các học phần	140
1.5.3. Chuyên đề Tiến sĩ và tiểu luận tổng quan	153
1.5.4. Nghiên cứu khoa học và luận án Tiến sĩ	154
2. Kế hoạch tuyển sinh và đào tạo	154
2.1. Kế hoạch tuyển sinh	154
2.1.1. Phương án tuyển sinh ngành đào tạo và chỉ tiêu đào tạo dự kiến 5 năm đầu	154
2.1.2. Đối tượng tuyển sinh	154
2.1.3. Danh mục chuyên ngành đăng ký đào tạo	155
2.1.4. Danh mục các môn học bổ sung kiến thức	155
2.2. Kế hoạch đào tạo	156
2.2.1. Thời gian đào tạo toàn khóa	156
2.2.2. Kế hoạch đào tạo	156
2.2.3. Phân công cán bộ giảng dạy	156
2.2.4. Mức học phí	156
2.2.5. Kế hoạch đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo	156
3. Đề nghị và cam kết thực hiện	157
PHẦN 4. CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN	158
1. Nội dung chi tiết các học phần bắt buộc	158
2. Nội dung chi tiết các học phần tự chọn	181

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y-DƯỢC

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Huế, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH
ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO

Ngành: RHM

Mã số: 9720501

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Kính gửi: - Vụ Giáo dục Đại học - Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo - Bộ Y tế
- Ban Đào tạo và Công tác sinh viên - Đại học Huế

1. Sự cần thiết mở ngành, chuyên ngành đào tạo

Tiến sĩ là loại hình đào tạo Sau đại học nhằm mục đích đào tạo các chuyên gia bậc 8 theo khung trình độ quốc gia (2016), có kiến thức thực tế và lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của chuyên ngành đào tạo; có kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, có kỹ năng tư duy, nghiên cứu độc lập, độc đáo, sáng tạo tri thức mới; có kỹ năng truyền bá, phổ biến kiến thức, thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn; thể hiện năng lực sáng tạo, có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn; thể hiện khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia.

Khu vực miền Trung - Tây Nguyên có địa bàn rộng lớn gồm 19 tỉnh, với tổng dân số gần 27 triệu dân. Hiện nay, các trường Đại học tại miền Trung - Tây Nguyên đã và đang tham gia đào tạo rất nhiều mã ngành ở bậc Đại học và Sau đại học liên quan đến khối ngành Khoa học sức khỏe. Đối với đào tạo Sau đại học ngành Răng Hàm Mặt (RHM), các trường Đại học ở khu vực đã có các mã ngành Bác sĩ nội trú (BSNT), Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa I (BSCKI), Bác sĩ chuyên khoa II (BSCKII), tuy nhiên chưa có mã ngành Tiến sĩ. Do đó, để đáp ứng nhu cầu xã hội về đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế tiến hành việc khảo sát trên 15 đơn vị trường, viện có sử dụng nguồn nhân lực RHM và các cựu học viên, sinh viên ngành RHM. Kết

quả phân tích cho thấy 92,8% đối tượng được khảo sát đồng ý rằng việc mở ngành Tiến sĩ RHM ở thời điểm hiện tại là cần thiết. Điều này cho thấy rõ sự cần thiết mở ngành và nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ Tiến sĩ ngành RHM hiện nay và trong tương lai là rất lớn.

Mặc dù Khoa RHM đã đào tạo BS RHM từ năm 1999 đến nay có khoảng 1020 BS RHM, 671 BSCKI RHM, 79 BSCKII RHM, 58 Thạc sĩ RHM, 10 BSNT RHM. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của khoa học và công nghệ, yêu cầu của người dân về chất lượng khám chữa bệnh trong ngành RHM đòi hỏi Bác sĩ RHM cần phải cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực để đáp ứng với yêu cầu và sự phát triển trong nước, trong khu vực và trên thế giới. Ngoài ra, Đại học Huế đang đẩy mạnh đào tạo trình độ Tiến sĩ thuộc một số chuyên ngành khoa học sức khỏe như Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Nội khoa, Y tế công cộng, Điện quang và y học hạt nhân. RHM là ngành chuyên môn rộng, bao gồm nhiều chuyên ngành trong RHM, đóng vai trò quan trọng trong khối ngành khoa học sức khỏe. Những tiến bộ trong ngành RHM ngày nay đã mở ra nhiều tiềm năng, cơ hội cho việc đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ để tiếp cận, đáp ứng nhu cầu phát triển xã hội là thực sự cần thiết. Vì vậy, nhu cầu đào tạo Tiến sĩ ngành RHM tại Việt Nam hiện nay là rất cần thiết để đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực RHM trình độ cao cũng như nhu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

Với sứ mạng chung của Nhà trường là “Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, chuyển giao kỹ thuật và công nghệ, khám chữa bệnh, đáp ứng yêu cầu bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân đặc biệt khu vực miền Trung-Tây nguyên và cả nước”, Khoa RHM đã xây dựng chiến lược phát triển và tầm nhìn đến năm 2030 như sau: “Phát triển bền vững, nâng cao chất lượng trong đào tạo, nghiên cứu khoa học ngành RHM sánh ngang với các cơ sở đào tạo có uy tín trong nước và khu vực”. Do đó, Khoa RHM mong muốn được mở ngành đào tạo RHM trình độ Tiến sĩ.

2. Giới thiệu khái quát về đơn vị đào tạo

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế được thành lập vào tháng 3/1957, được giao nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, là cơ sở đào tạo và bồi dưỡng cán bộ y tế có trình độ Đại học và Sau đại học cho khu vực miền Trung, Tây Nguyên và cả nước.

Về đào tạo Đại học, Trường đào tạo nhiều ngành hệ chính quy và liên thông, trong đó hệ chính quy gồm 10 ngành (*Y khoa, Y học Dự phòng, Y học Cổ truyền, RHM, Dược học, Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Y tế Công cộng*); hệ liên thông chính quy có 07 ngành (*Y khoa, Y học Dự phòng, Y học Cổ truyền, Dược học (liên thông từ Trung cấp và Cao đẳng lên Đại học), Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học*); hệ liên thông hình thức vừa làm vừa học có các ngành (*Điều dưỡng đa khoa, Điều dưỡng phụ sản, Điều dưỡng Gây mê Hồi sức, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Y tế Công cộng*). Số lượng tuyển sinh hàng năm trên 1.500 sinh viên chính quy, đưa quy mô đào tạo Đại học của Trường hiện nay gần 8.500 sinh viên hệ chính quy.

Về đào tạo Sau đại học, Trường đào tạo 107 ngành/chuyên ngành, trong đó BSCKI có 34 chuyên ngành; BSCKII có 33 chuyên ngành; BSNT có 16 chuyên ngành; Thạc sĩ có 15 ngành; Nghiên cứu sinh có 07 ngành; Chương trình đào tạo liên kết quốc tế có 02 chuyên ngành. Số lượng tuyển sinh hàng năm hơn 1.000 học viên, đưa quy mô đào tạo Sau đại học của Trường hiện nay hơn 2.000 học viên.

Bộ môn RHM, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế được thành lập năm 1975 với nhiệm vụ giảng dạy RHM cho sinh viên Y Khoa. Năm 1993, Bộ môn đào tạo Sau đại học cho Bác sĩ định hướng RHM và BSCKI RHM. Đến năm 1999, Bộ môn bắt đầu đào tạo Bác sĩ RHM chính quy khóa đầu tiên. Ngày 10/11/2004, Đại học Huế ra quyết định thành lập Khoa RHM trên cơ sở Bộ môn RHM, gồm có 3 bộ môn trực thuộc.

Về đào tạo Đại học, Khoa RHM đang đào tạo Bác sĩ RHM hệ chính quy với số lượng sinh viên tuyển sinh hiện nay khoảng 120 sinh viên mỗi khóa. Chương trình đào tạo được thay đổi và điều chỉnh phù hợp với xu hướng đào tạo của các nước trên thế giới. Hiện nay chương trình đào tạo Bác sĩ RHM từ khóa tuyển sinh 2018 đang được thực hiện theo chương trình đổi mới theo hướng tích hợp dựa trên năng lực. Chương trình đào tạo Bác sĩ RHM đã thực hiện chương trình đánh giá nội bộ năm 2016 và đánh giá của Liên đoàn nha khoa Đông Nam Á (SEAADE) năm 2018. Ngoài ra, Khoa RHM cũng đã và đang tham gia đào tạo cho các đối tượng sinh viên Y khoa, Y học dự phòng, Y học cổ truyền, cử nhân điều dưỡng, ...

Về đào tạo Sau đại học, từ năm 1993, Khoa RHM được Bộ Y Tế cho phép đào tạo chương trình BSCKI ngành RHM với số lượng học viên ổn định. Bắt đầu từ năm

2006, Khoa RHM tiếp tục được cho phép đào tạo chương trình BSCKII RHM. Hiện tại, Khoa RHM, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế đã phối hợp với các bệnh viện trong cả nước để tiến hành đào tạo cho các học viên BSCKI, BSCKII ở các tỉnh thành như Huế, Hồ Chí Minh, Thủ Đức và Đà Nẵng. Đối với Thạc sĩ, chương trình đã được Bộ GD&ĐT thẩm định và phê duyệt năm 2014, đã tuyển sinh và đào tạo 08 khóa Thạc sĩ RHM (từ năm 2015). Về đào tạo BSNT, Khoa đã tuyển sinh và đào tạo 06 khóa BSNT RHM (từ năm 2017). Ngoài ra, Khoa RHM cũng đã và đang tham gia đào tạo cho các đối tượng học viên Sau đại học các chuyên ngành khác: Tai mũi họng, Cấp cứu đa khoa và Y học gia đình.

Về nguồn nhân lực, Khoa RHM, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế có đội ngũ cán bộ giảng dạy ngành RHM gần 25 năm kinh nghiệm gồm: 2 Phó Giáo sư và 11 Tiến sĩ. Cùng chung với các Khoa, Bộ môn và các phòng ban thuộc Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế, Khoa RHM đã có kinh nghiệm trong việc tổ chức và quản lý bậc đào tạo Đại học và Sau đại học. Khoa có đầy đủ các điều kiện về năng lực đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn và cơ sở vật chất từ giảng đường, phòng thực hành với các trang thiết bị, thư viện đáp ứng phục vụ cho công tác giảng dạy.

3. Ngành đào tạo và chương trình đào tạo

3.1. Tên ngành đào tạo

- Tên tiếng Việt: RHM.
- Tên Tiếng Anh: Odonto - Stomatology.
- Mã số: 9720501.

3.2. Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

3.3. Tóm tắt về chương trình đào tạo

- Tổng số khối lượng kiến thức toàn khóa: 90 tín chỉ (TC) đối với học viên có bằng Thạc sĩ RHM/ BSCKII RHM và 148 TC đối với học viên có bằng tốt nghiệp Đại học ngành RHM.

- Thời gian đào tạo: Thời gian đào tạo trình độ Tiến sĩ 03 năm đối với học viên có bằng Thạc sĩ RHM, BSCKII RHM và 04 năm đối với học viên có bằng Bác sĩ RHM.

3.4. Khả năng đáp ứng cho chương trình đào tạo

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế có tổng số giảng viên là 456 người gồm 60 Giáo sư, Phó giáo sư; 84 Tiến sĩ, 260 Thạc sĩ; 08 BSCKII, 04 BSCKI; 57 Giảng viên cao cấp, 67 Giảng viên chính và 04 Chuyên viên chính. Khoa RHM, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế là đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ đào tạo trình độ Tiến sĩ RHM. Các Khoa, các bộ môn, Đơn vị huấn luyện kỹ năng và các phòng ban khác phối hợp cùng với Khoa RHM trong việc thực hiện nhiệm vụ này. Đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực RHM cùng tham gia đào tạo. Số lượng giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy cho khóa đào tạo là 24 giảng viên học vị Tiến sĩ (9 Tiến sĩ ngành RHM/Nha khoa), trong đó có 9 giảng viên có học hàm Phó Giáo sư, phù hợp để giảng dạy các học phần đúng chuyên ngành. Số lượng cán bộ cơ hữu để quản lý ngành đào tạo là 3 người trong đó 2 Phó Giáo sư, 1 Tiến sĩ. Ngoài công tác đào tạo, cán bộ viên chức Khoa RHM cũng thực hiện nhiều công trình nghiên cứu khoa học các cấp. Kết quả nghiên cứu góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và cơ sở để triển khai ứng dụng khoa học công nghệ. Với kinh nghiệm đã đào tạo trình độ Sau đại học: Thạc sĩ RHM; BSNT RHM; BSCKI RHM; BSCKII RHM, việc mở và đào tạo trình độ Tiến sĩ ngành RHM là hoàn toàn phù hợp với năng lực của Khoa RHM.

Bên cạnh việc chuẩn bị tốt về đội ngũ giảng dạy, cơ sở vật chất, trang thiết bị cũng như thư viện, Khoa RHM cũng rất chú trọng đến viết sách, giáo trình, tài liệu hướng dẫn học tập và bài giảng chi tiết phục vụ chương trình đào tạo. Các giảng viên của Khoa thường xuyên cập nhật tài liệu giảng dạy. Quan hệ hợp tác quốc tế cũng là một trong những thế mạnh của Khoa, qua đó huy động được sự giúp đỡ về nguồn nhân lực và cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo.

3.5. Dự kiến tuyển sinh trong 5 năm đầu của ngành (chuyên ngành) đăng ký đào tạo

Dự kiến chỉ tiêu đào tạo: 2 năm đầu, dự kiến 3 - 5 học viên/năm. Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5, dự kiến 4 - 6 học viên/năm.

4. Kết luận và kiến nghị

Hiện nay việc đào tạo Tiến sĩ ngành RHM là cần thiết và đáp ứng nhu cầu nhân lực cán bộ của các cơ sở y tế, tổ chức y tế, cũng như nhu cầu về nhân lực đội ngũ cán

bộ công tác trong các trường đào tạo RHM trong cả nước. Khoa RHM, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế có đủ năng lực và kinh nghiệm để đảm đương nhiệm vụ đào tạo trình độ Tiến sĩ. Đề án đăng ký mở đào tạo Tiến sĩ ngành RHM của Nhà trường đã được Đoàn kiểm tra và xác nhận điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế và Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo xác nhận đủ điều kiện mở ngành đào tạo theo các quy định liên quan.

Kính đề nghị Vụ Giáo dục Đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, chấp thuận để Nhà trường có thể tuyển sinh đào tạo trình độ Tiến sĩ ngành RHM.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 2023

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

- Tên ngành đào tạo: Răng Hàm Mặt
- Mã số: 9720501
- Tên đơn vị đào tạo: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

PHẦN 1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Giới thiệu về Đại học Huế

Đại học Huế - tiền thân là Viện Đại học Huế được thành lập vào tháng 3 năm 1957, bao gồm 5 phân khoa Đại học: Khoa học, Sư phạm, Y khoa, Văn khoa, Luật khoa. Sau năm 1975 đất nước hoàn toàn thống nhất, trên cơ sở các khoa cũ, các trường Đại học độc lập đã được thành lập ở Huế: Trường Đại học Sư phạm Huế, Trường Đại học Tổng hợp Huế và Trường Đại học Y khoa Huế. Năm 1983, Trường Đại học Nông lâm Huế được thành lập, nguyên là Trường Đại học Nông nghiệp II từ Hà Bắc chuyển vào. Theo Nghị định 30/CP ngày 4/4/1994 của Chính phủ, Đại học Huế được thành lập trên cơ sở sáp nhập các trường Đại học ở khu vực Huế, đánh dấu giai đoạn mới của sự phát triển giáo dục Đại học ở Huế.

Hiện tại, Đại học Huế là Đại học đa ngành lớn có 09 đơn vị thành viên: Trường Đại học Khoa học, Trường Đại học Sư phạm, Trường Đại học Y - Dược, Trường Đại học Nông Lâm, Trường Đại học Nghệ thuật, Trường Đại học Kinh tế, Trường Đại học Ngoại ngữ, Trường Đại học Luật, Viện Công nghệ Sinh học; 01 Trường thuộc: Trường Du lịch; 03 khoa thuộc: Khoa Giáo dục Thể chất, Khoa Quốc tế, Khoa Kỹ thuật và Công nghệ; Phân hiệu tại tỉnh Quảng Trị; các ban chức năng; các trung tâm, viện đào tạo, nghiên cứu và phục vụ đào tạo, Nhà xuất bản.

Là một trong 3 Đại học quản lý theo mô hình 2 cấp của cả nước, Đại học Huế được Chính phủ xác định là một trong 14 Đại học trọng điểm quốc gia. Nhiệm vụ chính của Đại học Huế là đào tạo cán bộ khoa học có trình độ Đại học và Sau đại học, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Nhiệm vụ chính của Đại học Huế là đào tạo cán bộ khoa học có trình độ Cao đẳng, Đại học và Sau đại học, nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước nói chung, các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên nói riêng. Đến nay, số lượng sinh viên và ngành nghề đào tạo liên tục phát triển.

**** Sứ mạng - Tâm nhìn***

Sứ mạng của Đại học Huế là thúc đẩy sự phát triển đất nước và khu vực bằng việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và sản phẩm khoa học - công nghệ tiên tiến, hiệu quả.

Tầm nhìn đến năm 2030: Đại học Huế sẽ trở thành một trong những Đại học nghiên cứu hàng đầu Đông Nam Á và top 300 trường Đại học châu Á, hoạt động theo các tiêu chuẩn chất lượng quốc gia và khu vực, là một cơ sở đào tạo tiên phong, nòng cốt của hệ thống giáo dục Đại học vùng.

**** Mục tiêu và các giải pháp chiến lược***

Mục tiêu phát triển tổng quát của Đại học Huế đến 2020 và định hướng đến 2030 là xây dựng Đại học Huế trở thành một Đại học nghiên cứu, một trung tâm đào tạo, khoa học – công nghệ chất lượng cao, với trọng tâm là các lĩnh vực mũi nhọn hàng đầu trong khu vực về khoa học sức khỏe, nông-lâm-ngư, môi trường, công nghệ sinh học, khoa học cơ bản, giáo dục, nghệ thuật; đảm bảo sinh viên tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có đủ kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ, chủ động thích ứng với môi trường làm việc hội nhập quốc tế năng động.

Từ mục tiêu tổng quát trên, Đại học Huế xác định các chiến lược phát triển Đại học Huế giai đoạn 2021-2030 như sau:

Chiến lược 1: Quản trị Đại học trước xu thế tự chủ. Xây dựng Đại học Huế theo mô hình Đại học thông minh và đổi mới sáng tạo, quản lý hệ thống các cấp theo tiêu chuẩn quốc tế trong toàn hệ thống.

Chiến lược 2: Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho toàn quốc, xứng tầm là một trung tâm đào tạo Quốc gia. Phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên trình độ cao phù hợp với tiêu chí Đại học nghiên cứu; thu hút các học giả trong nước và quốc tế có trình độ cao đến giảng dạy và nghiên cứu dài hạn tại Đại học Huế.

Chiến lược 3: Xây dựng chương trình đào tạo Đại học và Sau đại học linh hoạt, thích ứng cao; đồng thời, bảo đảm chất lượng trong đào tạo và hội nhập quốc tế. Hướng đến một hệ thống Đại học định hướng nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực, tiên phong, trọng điểm của hệ thống giáo dục Đại học Việt Nam và xếp hàng đầu khu vực Đông Nam Á và châu Á vào năm 2030.

Chiến lược 4: Phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ vào thực tiễn

Chiến lược 5: Phát triển Đại học Huế thành Đại học Quốc gia trên tất cả các lĩnh vực để tham gia vào Chương trình Khoa học công nghệ Quốc gia miền Trung - Tây Nguyên và Chương trình Biển đảo Việt Nam về phát triển kinh tế, bảo vệ chủ quyền và tham gia sâu vào các tổ chức thế giới: WB/ASD, FAO/ACP/ACZM, WHO/COVID 19, EUN, ...

*** *Đội ngũ cán bộ:***

Về đội ngũ, tính đến tháng 8 năm 2021 Đại học Huế có 3.787 cán bộ viên chức, trong đó có 19 giáo sư, 196 Phó Giáo sư, 717 Tiến sĩ, 10 BSCKII, 1125 Thạc sĩ, 03 BSCKI và 84 Cử nhân. Số lượng giảng viên là 1.939 người (*Theo số liệu thống kê từ Hệ thống thông tin quản lý*).

*** *Các cấp học và ngành học:***

Đại học Huế có hệ thống ngành nghề đào tạo đa ngành đa lĩnh vực: khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn, nông lâm sinh, y, dược, nghệ thuật, kinh tế, công nghệ, sư phạm, ngôn ngữ nước ngoài... Đại học Huế có 150 ngành đào tạo trình độ Đại học cấp văn bằng Cử nhân, Kỹ sư, Kiến trúc sư, Bác sĩ, Dược sĩ; 105 chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ; 32 chuyên ngành đào tạo BSCKI, 33 chuyên ngành đào tạo BSCKII, 16 chuyên ngành đào tạo BSNT; 55 chuyên ngành đào tạo Tiến sĩ.

Hàng năm Đại học Huế đào tạo chuyên ngành bậc Đại học với chỉ tiêu tuyển sinh hơn 4500 sinh viên hệ chính quy tập trung và hơn 5000 sinh viên hệ không tập trung và đào tạo từ xa. Hiện tại, Đại học Huế đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo Sau đại học cho 105 chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ và 55 chuyên ngành đào tạo Tiến sĩ cho khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

*** Các loại hình đào tạo:**

- Chính quy.
- Không chính quy (đào tạo từ xa, vừa học vừa làm, chuyên tu).
- Liên kết đào tạo với trong nước và nước ngoài.
- Các loại hình đào tạo khác:
 - + Đào tạo bằng ĐH thứ 2 (chính quy, không chính quy).
 - + TH chuyên nghiệp.
 - + THPT Năng khiếu.
 - + Các lớp đào tạo cấp chứng chỉ.

*** Cơ sở vật chất:**

Đại học Huế có hệ thống cơ sở vật chất khá hiện đại và đồng bộ đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của 8 trường Đại học thành viên, các khoa, Viện và trung tâm trực thuộc.

- Quy mô sử dụng đất:

Tổng diện tích đất sử dụng: 1.267.624 m², trong đó:

- + Đất khu thực hành thực nghiệm: 862.650m².
- + Đất công sở: 22.525 m².
- + Phòng học: 270.210 m².
- Diện tích nhà làm việc: 125.956 m² sàn.
 - + Phòng học: 47.767 m².
 - + Thực hành thí nghiệm: 12.875 m².
- Ký túc xá: 10 ký túc xá sinh viên đáp ứng 6.000 chỗ nội trú.
- Khu quy hoạch Đại học Huế tại phường An Tây, thành phố Huế diện tích 135 ha được thiết kế như một đô thị Đại học hiện đại văn minh với đầy đủ tiện nghi, văn phòng làm việc, nhà học, ký túc xá sinh viên, khu nghỉ ngơi vui chơi giải trí, ...
- Hệ thống thư viện:

Trung tâm Học liệu được trang bị 500 máy tính nối mạng, hệ thống tra cứu tài liệu dạy và học hiện đại và các chương trình đào tạo trực tuyến.

Ngoài ra hệ thống thư viện tại các trường, khoa thành viên với 1.010.432 bản của 94.976 đầu sách được kết nối liên thông với Trung tâm Học liệu nhằm chia sẻ tài nguyên giữa các đơn vị.

2. Giới thiệu về Trường Đại học Y - Dược

2.1. Tổng quan về Trường Đại học Y - Dược

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế được thành lập vào tháng 3/1957, được giao nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Cùng với Trường Đại học Y Hà Nội và Trường Đại học Y - Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế là cơ sở đào tạo và bồi dưỡng cán bộ y tế có trình độ Đại học và Sau đại học cho khu vực miền Trung, Tây Nguyên và cả nước, thực hiện 4 nhiệm vụ là đào tạo, nghiên cứu khoa học, khám chữa bệnh và công tác cộng đồng - hỗ trợ tuyến trước.

- Năm 1989, được Bộ Y Tế giao nhiệm vụ đào tạo BSCKI, BSNT.
- Từ năm 1994 theo Nghị định 30/CP của Thủ tướng chính phủ, Trường trực thuộc Đại học Huế.
- Năm 1995, được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo Thạc sĩ.
- Năm 1997, được Chính phủ cho phép đào tạo nghiên cứu sinh.
- Năm 1998, được Bộ Y Tế, Bộ Giáo dục Đào tạo cho phép đào tạo BSCKII.
- Từ tháng 4/2007 theo quyết định số 334/QĐ của Thủ tướng chính phủ, Trường được đổi tên từ Trường Đại học Y Khoa thành Trường Đại học Y - Dược trực thuộc Đại học Huế.

- Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế là thành viên và là hạt nhân của trung tâm y tế chuyên sâu miền Trung. Trường được trang bị hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, có đội ngũ chuyên gia giỏi trên hầu hết các lĩnh vực y tế và đã đạt được nhiều thành tựu trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chăm sóc sức khỏe nhân dân khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Từ năm 1975 về trước, quy mô đào tạo nhỏ, Trường mới đào tạo được trên 200 Bác sĩ. Qua hơn 65 năm xây dựng và phát triển, đặc biệt hơn 40 năm sau ngày thống nhất đất nước, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế đã không ngừng vươn lên thực hiện tốt các nhiệm vụ của Nhà trường trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, khám chữa bệnh và chỉ đạo tuyến y tế cơ sở. Đến nay, Trường đã đào tạo được gần 30.000 Bác sĩ, Dược sĩ, Cử nhân Đại học và đào tạo được hơn 12.000 cán bộ y tế trình độ Sau đại học cho khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Hiện nay, số lượng cán bộ Viên chức - Người lao động cơ hữu của Trường và Bệnh viện Trường là 1.190 người. Về cán bộ giảng dạy, Trường có 456 cán bộ giảng

dạy. Với lực lượng giảng viên như trên, tính đến nay, Trường có một đội ngũ giảng viên có trình độ Sau đại học khá hùng hậu trong đó, Trường: 691 người, Bệnh viện Trường: 499 người. Tổng số giảng viên là 456 người gồm 61 Giáo sư, Phó giáo sư; 98 Tiến sĩ, 209 Thạc sĩ; 11 BSCKII, 04 BSCKI; 61 Giảng viên cao cấp, 113 Giảng viên chính và 04 Chuyên viên chính.

- Về đào tạo Đại học, Trường đào tạo 29 ngành và chuyên ngành đào tạo Đại học hệ chính quy và liên thông, trong đó, hệ chính quy 10 ngành (Y khoa, RHM, Y học Dự phòng, Y học Cổ truyền, Dược học, Điều dưỡng, Xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Y tế Công cộng, Hộ sinh); Hệ liên thông chính quy 07 ngành (Y khoa, Y học Dự phòng, Y học Cổ truyền, Dược học (liên thông từ trung cấp và cao đẳng lên Đại học), Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học); Hệ liên thông hình thức vừa làm vừa học có 12 ngành và chuyên ngành (Điều dưỡng đa khoa, Điều dưỡng phụ sản, Điều dưỡng Gây mê Hồi sức, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Y tế Công cộng). Số lượng tuyển sinh hàng năm trên 1.500 sinh viên chính quy, đưa quy mô đào tạo Đại học của Trường hiện nay gần 8.500 sinh viên hệ chính quy. Hiện Nhà trường đang thực hiện đổi mới 2 chương trình đào tạo trọng điểm là Y khoa và RHM với sự hỗ trợ kỹ thuật của Đại học Y khoa Harvard Hoa Kỳ và các trường Đại học Y khoa hàng đầu thế giới. Theo lộ trình từ nay đến năm 2030 tất cả các chương trình đào tạo Đại học và Sau đại học của Trường sẽ được đổi mới theo hướng tích hợp dựa trên năng lực và hướng đến kiểm định quốc tế, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

- Về đào tạo Sau đại học, Trường đào tạo 33 chuyên ngành BSCKI; 33 chuyên ngành BSCKII; 16 chuyên ngành BSNT; 13 chuyên ngành Thạc sĩ; 07 chuyên ngành Nghiên cứu sinh; 02 Chương trình đào tạo liên kết quốc tế. Số lượng tuyển sinh hàng năm gần 1.000 học viên, đưa quy mô đào tạo Sau đại học của Trường hiện nay hơn 2.000 học viên.

- Trong giai đoạn 2017 - 2023, Nhà trường đã thực hiện hơn 1000 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, bao gồm: 01 chương trình khoa học công nghệ cấp Bộ, 01 đề tài cấp Nhà nước, 02 đề tài Nghị định thư, 12 đề tài cấp Bộ và cấp Bộ trọng điểm, 02 đề tài Quỹ Nafosted, 05 đề tài cấp Tỉnh (Thừa Thiên Huế, Quảng Bình, Quảng Trị, Bình Định), 69 đề tài cấp Đại học Huế và các đề tài cấp Trường. Số giảng viên có bài

đăng trên tạp chí trong nước và đặc biệt ở tạp chí quốc tế uy tín ngày càng tăng. Trong 5 năm qua, đã có 1.490 bài báo đăng trên các tạp chí trong nước và 593 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế. Trường có quan hệ hợp tác với trên 130 trường Đại học nước ngoài và các tổ chức y tế thế giới, đã triển khai thực hiện trên 14 dự án quốc tế và đào tạo nghiên cứu khoa học, điều trị bệnh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Đặc biệt, 2 chương trình hợp tác lớn với 2 tổ chức quốc tế Work the World, Vương quốc Anh và Tổ chức National Leadership Academies, Hoa Kỳ) với số lượng trên 300 sinh viên.

- Thực hiện Nghị quyết của Đảng về đổi mới toàn diện, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế là Trường Đại học khối Y Dược đầu tiên trong cả nước chính thức được công nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục Đại học cấp quốc gia theo QĐ số 26/QĐ-KĐCL vào tháng 12 năm 2016 và mới đây vào tháng 10/2022 Nhà trường tiếp tục là cơ sở Đại học đầu tiên của cả nước trong khối đào tạo sức khỏe được đón nhận Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Đại học chu kỳ 2. Sự công nhận và nhất trí cao của các thành viên Hội đồng là một khẳng định về sự thành công của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế trong những nỗ lực liên tục không ngừng nghỉ để xây dựng, nâng cao chất lượng giáo dục và tiếp tục phát triển văn hoá chất lượng trong nhà Trường. Tháng 10 năm 2019, Nhà trường tiếp tục là trường đầu tiên trong Đại học Huế và trong khối y dược toàn quốc được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành cho 3 chương trình đào tạo Dược học, cử nhân Y tế công cộng và cử nhân Điều dưỡng.

- Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế được thành lập năm 1998 với quy mô ban đầu là 200 giường. Đến nay Bệnh viện đã được công nhận là Bệnh viện Công lập hạng I với gần 700 giường và được trang bị khá đầy đủ máy móc hiện đại phục vụ cho công tác khám chữa bệnh, đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao kỹ thuật y học. Đây là mô hình mới, hoạt động theo đơn vị sự nghiệp có thu, tự hạch toán 100%. Thực hiện công tác kiểm tra đánh giá chất lượng Bệnh viện của Bộ Y tế, Bệnh viện đã đạt được kết quả với tổng điểm 4.04/5 điểm trong tổng số 82 tiêu chí của Bộ, được đánh giá là một trong những Bệnh viện có kết quả tốt của khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Với đội ngũ thầy thuốc giàu kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao, Bệnh viện được trang bị các trang thiết bị hiện đại trong chẩn đoán và điều trị như CT scan, máy tán sỏi tiết niệu ngoài cơ thể, hệ thống máy siêu âm màu, siêu âm tim gắng sức, siêu âm tim

qua thực quản, hệ thống máy nội soi chân đoán và can thiệp như nội soi phế quản, nội soi tiêu hoá, nội soi khớp, bàng quang, lồng ngực, phụ sản, các trang thiết bị hiện đại cho hệ thống phòng mổ, máy điều trị khớp bằng kích sóng, hệ thống máy xét nghiệm. Hàng năm Bệnh viện đã tiếp nhận khám chữa bệnh cho trên 1.000.000 người, phẫu thuật trên 10.000 người, điều trị gần 50.000 người, đặc biệt Bệnh viện đã nhận khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế cho trên 600.000 lượt. Tháng 4 năm 2018, Bệnh viện Trường đã vinh dự được trao tặng Huân chương Lao động hạng III của Chủ tịch nước nhân dịp kỷ niệm 20 năm thành lập Bệnh viện (1998 - 2018) và Huân chương Lao động hạng Ba của Bộ Giáo dục và Đào tạo vì đã có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước ngành Giáo dục giai đoạn 2016 - 2020 (năm 2018).

- Với những kết quả đã đạt được trong những năm qua, Nhà trường đã được tặng thưởng 02 Huân chương Lao động hạng Ba (01 Huân chương lao động hạng Ba của Bệnh viện Trường) và 01 Huân chương Lao động hạng Nhất, 01 cờ thi đua Chính phủ, 01 cờ thi đua Bộ Giáo dục và Đào tạo, 01 cờ thi đua Bộ Y tế, 31 Huân chương Lao động hạng Ba cho các tập thể và cá nhân giai đoạn 2001-2016, 63 Bằng khen Thủ Tướng Chính phủ cho 14 tập thể, 49 cá nhân, 252 Bằng khen Bộ Giáo dục-Đào tạo, 36 Bằng khen của Ủy ban Nhân dân các tỉnh Tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Bình, Quảng Trị, Thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Khánh Hoà, Kon Tum cho các tập thể và cá nhân vì đã có nhiều thành tích xuất sắc trong đào tạo đội ngũ cán bộ y tế cho các Tỉnh miền Trung, 50 Bằng khen của Tổng liên đoàn Lao động, liên đoàn Ngành, Tỉnh và các Bộ khác.

Ngoài ra, Trường còn ký hợp đồng với các bệnh viện thực hành khác như Bệnh viện Trung ương Huế, Bệnh viện Y học cổ truyền Thừa Thiên Huế, Bệnh viện RHM Huế, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị, Bệnh viện Ung Bướu Đà Nẵng, Bệnh viện Đa khoa Đà Nẵng...

2.2. Giới thiệu Khoa Răng Hàm Mặt

2.2.1. Quá trình phát triển

Khoa RHM được thành lập tiên thân là Bộ môn RHM được thành lập năm 1975 với nhiệm vụ giảng dạy RHM cho sinh viên Y Khoa.

- Từ những năm 1980, Bộ môn bắt đầu đào tạo Bác sĩ chuyên tu, Kỹ thuật viên RHM, Y sĩ nha học đường cho tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Năm 1993, Bộ môn đào tạo Sau đại học cho Bác sĩ định hướng RHM và BSCKI RHM.

- Đến năm 1999, Bộ môn bắt đầu đào tạo Bác sĩ RHM chính quy khóa đầu tiên gồm 17SV.

- Ngày 10/11/2004, Đại học Huế ra quyết định thành lập Khoa RHM trên cơ sở Bộ môn RHM. Khoa RHM gồm có 3 bộ môn trực thuộc.

- Bắt đầu từ 2006, Khoa đào tạo BSCKII RHM. Đến năm 2014, chương trình Thạc sĩ đã được Bộ GDĐT thẩm định và phê duyệt, đã tuyển sinh và đào tạo 7 khóa Thạc sĩ RHM. Về BSNT hiện nay đã tuyển sinh và đào tạo 06 khóa BSNT RHM.

- Hiện nay Khoa có 4 bộ môn:

- + BM Nha cơ sở - Nha cộng đồng.
- + BM Chữa răng nội nha - Răng trẻ em - Chỉnh nha.
- + BM Phẫu thuật miệng - Cây ghép nha khoa - Nha chu.
- + BM Bệnh lý miệng - Phẫu thuật hàm mặt - Phục hình.

- Thành tích đạt được của Khoa RHM từ năm học 2014 - 2015 đến 2021 - 2022:

* Năm học 2014 - 2015:

- + Tập thể Lao động Xuất sắc năm học 2014 - 2015.
- + Bằng khen của Bộ Y tế năm học 2014 - 2015.

* Năm học 2015 - 2016:

- + Tập thể Lao động Xuất sắc năm học 2015 - 2016.
- + Bằng khen của Bộ giáo dục và đào tạo năm học 2015 - 2016.

* Năm học 2016 - 2017:

- + Tập thể Lao động Xuất sắc năm học 2016 - 2017.
- + Giấy khen Hiệu trưởng Trường ĐHYD Huế năm học 2016 - 2017.

* Năm học 2018 - 2019:

- + Giấy khen Công đoàn Trường Đại học Y Dược Huế năm học 2018 - 2019.

* Năm học 2019 - 2020:

- + Tập thể Lao động Xuất sắc năm học 2019 - 2020.
- + Giấy khen Công đoàn Đại học Huế năm 2019 - 2020.
- + Giấy khen Giám đốc Đại học Huế năm học 2019 - 2020.

* Năm học 2020 - 2021:

- + Tập thể Lao động Xuất sắc năm học 2020 - 2021.
- + Bằng khen BCH Công đoàn ngành Giáo dục Việt Nam năm 2021.
- + Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2020 - 2021.
- + Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2020 - 2021, QĐ năm 2022.

* Năm học 2021 - 2022:

- + Tập thể Lao động Xuất sắc năm học 2021 - 2022.
- + Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế năm học 2021-2022.

Hướng phát triển của Khoa Răng Hàm Mặt

Với sứ mạng chung của nhà trường là “Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, chuyển giao kỹ thuật và công nghệ, khám chữa bệnh, đáp ứng yêu cầu bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân đặc biệt khu vực miền Trung-Tây nguyên và cả nước”, Khoa RHM đã xây dựng chiến lược phát triển và tầm nhìn đến năm 2030 như sau: *“Phát triển bền vững, nâng cao chất lượng trong đào tạo, nghiên cứu khoa học ngành RHM, sánh ngang với các cơ sở đào tạo có uy tín trong nước và khu vực”*.

2.2.2. Nhân lực

Với quá trình hình thành và phát triển, hiện nay Khoa RHM có tổng số 42 viên chức và người lao động gồm:

- 2 Phó giáo sư, 11 Tiến sĩ, 20 Thạc sĩ, 9 Bác sĩ (1 đang học Tiến sĩ tại Estonia, 1 đang học Tiến sĩ tại Nhật, 3 đang học Tiến sĩ tại Hàn Quốc), 1 Cử nhân, 1 Y sĩ Răng trẻ em, 1 Kỹ thuật viên xét nghiệm.

- 1 Giáo sư danh dự từ Hàn Quốc.

- Khoa còn mời thêm nhiều cán bộ giảng dạy có trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ, BSCKII kiêm nhiệm từ Bệnh viện RHM Huế, Trung Tâm RHM - Bệnh viện Trung ương Huế, Trung tâm y tế Phú Vang, Bệnh viện RHM thành phố Hồ Chí Minh, và Bệnh viện thành phố Thủ Đức.

- Ngoài ra với sự tham gia của đội ngũ các GS, PGS, TS trong toàn trường với 60 Giáo sư, Phó giáo sư; 84 Tiến sĩ.

2.2.3. Đào tạo

2.2.3.1. Đào tạo Đại học

Khoa RHM đào tạo Bác sĩ RHM hệ chính quy bắt đầu từ năm 1999 với 17 sinh viên khóa đầu tiên. Số lượng sinh viên tuyển sinh hiện nay khoảng 140 sinh viên mỗi khóa. Chương trình đào tạo được thay đổi và điều chỉnh phù hợp với xu hướng đào tạo của các nước trên thế giới. Chương trình niên chế mới được thực hiện từ năm 2013, sau đó theo hình thức TC được triển khai từ năm 2015. Hiện nay, chương trình đào tạo Bác sĩ RHM từ khóa tuyển sinh 2018 đang được thực hiện theo chương trình đổi mới theo hướng tích hợp y học cơ sở, nha khoa cơ sở với kỹ năng tiền lâm sàng, lâm sàng và thực hành cộng đồng dựa trên năng lực thực hành nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu xã hội, và hội nhập quốc tế. Chương trình đào tạo Bác sĩ RHM đã thực hiện chương trình đánh giá nội bộ năm 2016 và đánh giá của Liên đoàn nha khoa Đông Nam Á (SEAADE) năm 2018. Ngoài ra, Khoa RHM cũng đã và đang tham gia đào tạo cho các đối tượng sinh viên Y khoa, Y học dự phòng, Y học cổ truyền, cử nhân điều dưỡng, ...

2.2.3.2. Đào tạo Sau đại học

Khoa RHM mở ngành đào tạo BSCKI RHM từ năm 1992, đến nay đã đào tạo 26 khóa BSCKI chuyên ngành RHM. Chương trình đào tạo BSCKII RHM bắt đầu từ 2006 và đã đào tạo 15 khóa BSCKII chuyên ngành RHM. Đối với chương trình đào tạo Thạc sĩ RHM, Khoa RHM đã được Bộ GD&ĐT thẩm định và phê duyệt đào tạo từ năm 2014, đã tuyển sinh và đào tạo 08 khóa Thạc sĩ RHM (từ năm 2015). Về đào tạo BSNT, Khoa RHM đã tuyển sinh và đào tạo 06 khóa BSNT RHM (từ năm 2017). Ngoài ra, Khoa RHM cũng đã và đang tham gia đào tạo cho các đối tượng học viên Sau đại học các ngành khác: Tai mũi họng, Cấp cứu đa khoa, Y học gia đình.

2.2.4. Nghiên cứu khoa học - hợp tác quốc tế

- Nghiên cứu khoa học:

Sau khi thành lập Khoa RHM từ năm 2004 đến nay, cán bộ Khoa đã tổ chức thực hiện và hoàn thành nhiều đề tài cấp Bộ, cấp Đại học Huế và cấp Trường; công bố nhiều công trình nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành uy tín, tham gia báo cáo khoa học tại nhiều hội nghị trong nước và nước ngoài.

Trong 5 năm từ 2018 - 2023, Khoa đã thực hiện 3 đề tài cấp Bộ (1 đề tài chủ nhiệm và 2 đề tài tham gia chính), 13 đề tài cấp Đại học Huế, 40 đề tài cấp Trường. Các cán bộ của Khoa đã có 47 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế chuyên ngành uy tín, 59 bài báo ở các tạp chí chuyên ngành trong nước. Các thầy cô tham gia báo cáo chuyên đề tại các hội nghị ngành RHM. Tham gia báo cáo và đạt giải tại các Hội nghị Khoa học cấp cơ sở và cấp Ngành/ cấp Nhà nước và tại các Hội nghị Khoa học quốc tế.

Trong thời gian từ 2018 đến 2023 và những năm sắp tới, các hướng nghiên cứu chính của Khoa bao gồm:

+ Ứng dụng vật liệu mới trong Phục hình hay Nha khoa phục hồi (vật liệu CAD/CAM), Cây ghép Nha khoa.

+ Mối liên quan giữa các bệnh lý răng miệng và toàn thân

+ Ứng dụng tế bào gốc/vật liệu sinh học

+ Nha khoa trẻ em: Chỉnh nha tăng trưởng, dự phòng sâu răng ở trẻ em có nhu cầu chăm sóc sức khỏe đặc biệt, hiệu quả của thuốc an thần trong chữa răng trẻ em, phục hình răng sữa bằng mao làm sẵn...

+ Ứng dụng công nghệ tái tạo 3D, sử dụng vật liệu mới, phương pháp phẫu thuật mới trong điều trị chấn thương hàm mặt, bệnh lý vùng hàm mặt hay tạo hình.

+ Sử dụng các công nghệ và phương tiện kỹ thuật mới (trí tuệ nhân tạo, thực tế ảo, laser, kích thích điện bề mặt, ...) trong chẩn đoán, lập kế hoạch và điều trị các bệnh lý hàm mặt (ung thư khoang miệng, chỉnh nha, rối loạn thái dương hàm, nha chu,...) và chức năng miệng (nghiến răng, hội chứng ngưng thở khi ngủ, ...)

- Hợp tác quốc tế:

+ Triển khai và thực hiện có hiệu quả hợp tác quốc tế về đào tạo, nghiên cứu khoa học; qua đó tiến hành chuyển giao công nghệ, đào tạo liên tục, nâng cao chất lượng giảng dạy và điều trị với nhiều nước trên thế giới: Mỹ, Pháp, Đức, Estonia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Indonesia.

+ Từ năm 2005 - nay, Khoa RHM đã ký kết các hợp tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học với các Khoa/Trường Nha của các nước tiên tiến trên thế giới. Cụ thể:

- Năm 2005 bắt đầu hợp tác về đào tạo, nghiên cứu khoa học và điều trị phẫu thuật khe hở môi - vòm miệng với Đại học Quốc gia Jeonbuk - Hàn Quốc, từ đó tiến đến ký biên bản ghi nhớ MOU vào năm 2007.

- Năm 2005: Hợp tác với Khoa RHM Đại học Paris Descartes Cộng hòa Pháp: mỗi năm tiếp nhận 1-5 sinh viên Pháp thực tập lâm sàng tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế.

- Năm 2018, kí Biên bản ghi nhớ MOU với Trường Đại học Y Nha Tokyo, Nhật Bản. Nhiều cán bộ trong Khoa đã tốt nghiệp nghiên cứu sinh từ Trường, bên cạnh đó Khoa và các bộ môn của Trường Đại học Y Nha Tokyo Nhật Bản đã có các hợp tác nghiên cứu về nhiều lĩnh vực như Nha khoa cộng đồng, nghiên cứu về chức năng miệng...

- Năm 2019, ký Biên bản ghi nhớ MOU với Trường Đại học Brawijaya, Indonesia. Tham dự Chương trình trao đổi sinh viên, học viên Sau đại học của trường về chủ đề Phẫu thuật miệng vào năm 2022.

- Năm 2022, ký Biên bản ghi nhớ MOU với Trường Đại học Nha Khoa Seoul, Hàn Quốc và Trường Đại học Chulalongkorn, Thái Lan.

- Năm 2023, hợp tác cùng tổ chức DEVIEMED - Đức tiến hành phẫu thuật cho trẻ có khe hở môi - hàm ếch; tiến hành tổ chức các hội thảo chuyên ngành về Phẫu thuật và Chỉnh nha.

2.2.5. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

Hiện nay, với nguồn lực hiện có, Nhà trường và BCN Khoa Răng Hàm Mặt luôn đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất để triển khai các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống 71 phòng học, giảng đường, 30 phòng thí nghiệm, 54 phòng thực hành, 6 phòng hội thảo cùng với hệ thống Trung tâm Thông tin - Thư viện của Nhà trường đã đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, NCKH của cán bộ, sinh viên và học viên. Các phòng học, giảng đường đều được trang bị đầy đủ máy chiếu, hệ thống âm thanh, quạt, điện, bàn ghế và được sử dụng với lịch học 2 buổi/ngày, đồng thời phục vụ cho các hoạt động học tập và sinh hoạt ngoài giờ của cán bộ, sinh viên và học viên. Khoa Răng Hàm Mặt có 05 phòng thực hành tiền lâm sàng với các trang thiết bị và các dụng cụ đặc thù cho ngành Răng Hàm Mặt. Đây là nơi để sinh viên thực hành tiền lâm sàng trước khi thực hành tại bệnh viện, đồng thời là nơi các giảng viên, học viên Sau đại học và sinh viên có không gian phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu. Khoa còn được trang bị một phòng kho để lưu trữ tất cả các mô hình trang thiết bị và dụng

cụ tiêu hao phục vụ việc giảng dạy tiền lâm sàng. Bên cạnh đó, Khoa có 04 phòng làm việc và 01 phòng họp lớn để sinh hoạt chuyên môn (đồng thời là thư viện Khoa) được trang bị máy tính, máy in, tủ đựng tài liệu và các trang thiết bị đảm bảo về điều kiện ánh sáng, nhiệt độ phù hợp.

Trường có tổng số lượng máy tính để bàn với gần 600 máy, đã nâng cấp và phủ sóng WIFI toàn khuôn viên tạo điều kiện cho cán bộ, sinh viên và học viên có thể truy cập vào mạng Internet tốc độ cao, thuận lợi tìm kiếm các tài liệu học thuật. Nhà trường cũng đã trang bị cho Khoa Răng Hàm Mặt đầy đủ mạng máy tính, bao gồm cả mạng LAN và mạng WIFI, máy vi tính, máy in để phục vụ cho giảng viên, sinh viên và học viên học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Mặt bằng của Nhà trường đã được nâng cấp mở rộng khung trang, với diện tích sử dụng 47,554,8m² đủ để đáp ứng với quy mô đào tạo và các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao. Trong đó, Khoa RHM được Nhà trường giao cho sử dụng tầng 2 khu nhà B và tầng 3 khu nhà B đảm bảo môi trường giảng dạy và học tập cho giảng viên, sinh viên và học viên. Nhà trường thường xuyên có kế hoạch trong việc xây dựng, sửa chữa, mua sắm các trang thiết bị để nâng cấp phát triển cơ sở vật chất hiện có, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Lý do đề nghị mở ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ

Tiến sĩ là loại hình đào tạo Sau đại học nhằm mục đích đào tạo các chuyên gia bậc 8 theo khung trình độ quốc gia (2016), có kiến thức thực tế và lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của chuyên ngành đào tạo; có kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, có kỹ năng tư duy, nghiên cứu độc lập, độc đáo, sáng tạo tri thức mới; có kỹ năng truyền bá, phổ biến kiến thức, thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn; thể hiện năng lực sáng tạo, có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn; thể hiện khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia.

Khu vực miền Trung - Tây Nguyên có địa bàn rộng lớn gồm 24 tỉnh, với tổng dân số trên 30 triệu dân. Mặc dù Khoa RHM đã đào tạo BS RHM từ năm 1999 đến nay có khoảng 1020 BS RHM, 671 BSCKI RHM, 79 BSCKII RHM, 58 Thạc sĩ RHM, 10 BSNT RHM. Tuy nhiên với sự phát triển của khoa học và công nghệ, yêu cầu của người dân về chất lượng khám chữa bệnh trong ngành RHM đòi hỏi Bác sĩ

RHM cần phải cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực để đáp ứng với yêu cầu và sự phát triển trong nước, trong khu vực và trên thế giới. Ngoài ra, Đại học Huế đang đẩy mạnh đào tạo trình độ Tiến sĩ thuộc một số chuyên ngành khoa học sức khỏe như Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Nội khoa, Y tế công cộng, Điện quang và y học hạt nhân. RHM là ngành chuyên môn rộng, bao gồm nhiều chuyên ngành trong RHM, đóng vai trò quan trọng trong khối ngành khoa học sức khỏe. Những tiến bộ trong ngành RHM ngày nay đã mở ra nhiều tiềm năng, cơ hội cho việc đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ để tiếp cận, đáp ứng nhu cầu phát triển xã hội là thực sự cần thiết.

Khoa RHM với đội ngũ cán bộ cơ hữu có trình độ cao, 2 Phó Giáo Sư, 9 Tiến sĩ RHM/Nha khoa. Cán bộ khoa học được đào tạo bài bản trong nước (Hà Nội) và nước ngoài (Pháp, Hàn Quốc, Nhật...) đã và đang chủ trì nhiều đề tài cấp Bộ và cấp Đại học Huế... Nhiều công trình đã được đăng tải ở các tạp chí khoa học quốc gia và quốc tế về RHM trong những năm trở lại đây. Trong thời gian qua, các cán bộ của Khoa đã tham gia giảng dạy và hướng dẫn nhiều luận văn Thạc sĩ, BS nội trú, BSCKII và luận án Tiến sĩ thuộc lĩnh vực RHM, Y tế công cộng, Y sinh học. Bên cạnh đó, Khoa cũng đang nhận được sự hỗ trợ của nhiều Khoa, Bộ môn trong trường cũng như các trường Đại học về RHM nước ngoài làm tăng cường thêm đội ngũ cán bộ phối hợp nghiên cứu và giảng dạy. Về cơ sở vật chất, Khoa RHM đã được đầu tư đầy đủ về cơ sở vật chất, các phòng thí nghiệm của trường với các thiết bị nghiên cứu hiện đại và đồng bộ, nhằm phục vụ tốt hơn cho việc giảng dạy Sau đại học cũng như triển khai ứng dụng các thành tựu của RHM.

4. Kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo Tiến sĩ ngành Răng Hàm Mặt

4.1. Mục tiêu, phạm vi và đối tượng khảo sát

Mục tiêu

Xác định được sự cần thiết của việc mở ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ RHM, đồng thời xác định các thông tin cần thiết từ thị trường lao động nhằm giúp ích cho việc hoàn thiện chương trình đào tạo Tiến sĩ ngành RHM.

Phạm vi và đối tượng khảo sát

* Phạm vi khảo sát: các trường Đại học, cơ quan, tổ chức có sử dụng lao động thuộc ngành RHM hoặc có tiềm năng sử dụng lao động ngành RHM ở các tỉnh miền Trung và cả nước và các cựu học viên và cựu sinh viên RHM.

* Đối tượng khảo sát:

- Các đơn vị sử dụng lao động: cơ quan quản lý nhà nước, bệnh viện, trường Đại học/cao đẳng, viện nghiên cứu, cơ quan chuyên môn,... Trong đó, đối tượng được phỏng vấn bao gồm các cán bộ quản lý, giảng viên, nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động và các thành viên trong đơn vị sử dụng lao động.

- Các cựu học viên BSKII, Thạc sĩ, Nội trú và cựu sinh viên ngành RHM trong cả nước đã tốt nghiệp tại trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế trong vòng 5 năm.

4.2. Phương pháp khảo sát và các chỉ tiêu khảo sát

Phương pháp khảo sát

- Xây dựng bảng câu hỏi có đầy đủ thông tin theo mục tiêu đặt ra để phỏng vấn.
- Phỏng vấn trực tiếp các bên liên quan thông qua bảng câu hỏi.

Các chỉ tiêu khảo sát

- Tính cấp thiết việc mở ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ RHM hiện nay.
- Khối lượng kiến thức đạt được của các ứng viên sau khi được đào tạo tiến sĩ RHM.
- Yêu cầu về năng lực của đơn vị sử dụng lao động đối với ứng viên sau khi tốt nghiệp Tiến sĩ RHM (kiến thức, thái độ và kỹ năng).

4.3. Kết quả khảo sát

Hiện nay, các trường Đại học tại miền Trung - Tây Nguyên đã và đang tham gia đào tạo rất nhiều mã ngành ở bậc Đại học và Sau đại học liên quan đến khối ngành Khoa học sức khỏe. Các ngành ở bậc Đại học bao gồm Bác sĩ Y khoa, Bác sĩ Y học cổ truyền, Bác sĩ Y học dự phòng, Bác sĩ RHM, Cử nhân kỹ thuật Y học, Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm, Cử nhân Y tế Công cộng... Ở bậc Sau đại học có các ngành Thạc sĩ Khoa học Y sinh, Thạc sĩ Công nghệ Y sinh, Thạc sĩ và Tiến sĩ Nội khoa, Thạc sĩ và Tiến sĩ Ngoại Khoa, BSKKI và BSKKII các chuyên ngành... Học viên tốt nghiệp từ các ngành này hiện đang công tác ở tất cả các lĩnh vực sức khỏe trong đời sống xã hội ở miền Trung cũng như trong cả nước, trong đó tập trung nhiều ở các Bệnh viện, Trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp, các Viện nghiên cứu về khoa học sức khỏe và các cơ quan quản lý nhà nước như Sở Y tế, các Công ty tư nhân, Trung tâm xét nghiệm... Để đáp ứng nhu cầu xã hội về đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế tiến hành việc khảo sát trên 15 đơn vị trường, viện có sử dụng nguồn nhân lực RHM và các cựu học viên, sinh viên ngành RHM.

Kết quả phân tích cho thấy: 92,8% đối tượng được khảo sát đồng ý rằng việc mở ngành Tiến sĩ RHM ở thời điểm hiện tại là cần thiết. Điều này cho thấy rõ sự cần thiết mở ngành và nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ tiến sĩ ngành RHM hiện nay và trong tương lai là rất lớn.

95,2% người khảo sát đồng ý rằng khối lượng kiến thức cần đạt được trong đào tạo tiến sĩ RHM là tối thiểu 90 TC đối với ứng viên có bằng tốt nghiệp thạc sĩ/BSNT/BSCCKII ngành RHM và tối thiểu 148 TC đối với ứng viên có bằng ĐH/CKI ngành RHM với bằng Đại học đạt loại Giỏi trở lên. Kết quả khảo sát cho thấy 100% người khảo sát đồng ý với yêu cầu năng lực về kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm do Khoa RHM, trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế xây dựng cho chương trình đào tạo tiến sĩ ngành RHM hiện nay. Điều này cho thấy việc xây dựng năng lực cho ứng viên sau khi tốt nghiệp tiến sĩ RHM là phù hợp với yêu cầu về năng lực của đơn vị sử dụng lao động.

Trên cơ sở nhu cầu xã hội, năng lực đội ngũ cán bộ cơ hữu và cơ sở vật chất của Khoa RHM và Trường Đại học Y - Dược, chúng tôi kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở mã ngành đào tạo Tiến sĩ RHM tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế. Chương trình này được thiết kế để đào tạo ra những nhà lâm sàng, nhà nghiên cứu, giảng viên và chuyên gia trong ngành RHM.

Việc mở mã ngành đào tạo sẽ đáp ứng được các tiêu chí:

- Phù hợp với năng lực của đội ngũ cán bộ cơ hữu cũng như cơ sở vật chất của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.
- Đảm bảo nguồn tuyển sinh từ các ngành học Đại học và Thạc sĩ từ các Trường Đại học Y Dược trên toàn quốc.
- Nhu cầu xã hội đối với ngành RHM lớn, đặc biệt là ở các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên.

PHẦN 2. NĂNG LỰC CỦA ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

1. Khái quát chung về quá trình đào tạo

Sứ mạng của Đại học Huế là thực hiện nhiệm vụ chiến lược quốc gia, nhiệm vụ phát triển vùng của đất nước; phát huy truyền thống đào tạo tinh hoa, chất lượng cao.

Tính đến năm 2023, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế đã đào tạo được gần 30.000 Bác sĩ, Dược sĩ, Cử nhân Đại học và đào tạo được hơn 12.000 cán bộ y tế trình độ Sau đại học cho khu vực miền Trung, Tây Nguyên và cả nước. Hiện nay, số lượng cán bộ Viên chức - Người lao động cơ hữu của Trường và Bệnh viện Trường là 1.190 người. Đến nay Trường có một đội ngũ cán bộ khá lớn, trong đó Trường có: 691 người và Bệnh viện Trường: 499 người. Tổng số giảng viên là 456 người, trong đó bao gồm 61 Giáo sư, Phó giáo sư; 98 Tiến sĩ, 209 Thạc sĩ; 11 BSCKII và 04 BSCKI; 61 Giảng viên cao cấp, 113 Giảng viên chính và 04 Chuyên viên chính. Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế tập trung vào 3 hoạt động chính là Đào tạo, Nghiên cứu khoa học - Hợp tác quốc tế và Khám chữa bệnh tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế.

Về đào tạo Đại học, Trường đào tạo nhiều ngành hệ chính quy và liên thông, trong đó hệ chính quy gồm 10 ngành (*Y khoa, Y học Dự phòng, Y học Cổ truyền, RHM, Dược học, Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Y tế Công cộng*); Hệ liên thông chính quy có 07 ngành (*Y khoa, Y học Dự phòng, Y học Cổ truyền, Dược học (liên thông từ Trung cấp và Cao đẳng lên Đại học), Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học*); Hệ liên thông hình thức vừa làm vừa học có các ngành (*Điều dưỡng đa khoa, Điều dưỡng phụ sản, Điều dưỡng Gây mê Hồi sức, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Y tế Công cộng*). Số lượng tuyển sinh hàng năm trên 1.500 sinh viên chính quy, đưa quy mô đào tạo Đại học của Trường hiện nay gần 8.500 sinh viên hệ chính quy.

Khoa RHM đào tạo Bác sĩ RHM hệ chính quy bắt đầu từ năm 1999, số lượng sinh viên tuyển sinh hiện nay khoảng 120 sinh viên mỗi khoá. Hiện nay chương trình đào tạo Bác sĩ RHM từ khóa tuyển sinh 2018 đang được thực hiện theo chương trình đổi mới theo hướng tích hợp y học cơ sở, nha khoa cơ sở với kỹ năng tiền lâm sàng, lâm sàng và thực hành cộng đồng dựa trên năng lực nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

Về đào tạo Sau đại học, Trường đào tạo 107 ngành/chuyên ngành, trong đó BSCKI có 34 chuyên ngành; BSCKII có 33 chuyên ngành; BSNT có 16 chuyên ngành; Thạc sĩ có 13 ngành; Nghiên cứu sinh có 07 ngành; Chương trình đào tạo liên kết quốc tế có 02 chuyên ngành. Số lượng tuyển sinh hàng năm gần 1.000 học viên, đưa quy mô đào tạo Sau đại học của Trường hiện nay hơn 2.000 học viên.

Khoa RHM, thuộc Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế xây dựng từ năm 2004 (phát triển từ Bộ môn RHM thành lập năm 1975) với đội ngũ cán bộ cơ hữu có trình độ cao, 2 Phó Giáo Sư, 9 Tiến sĩ ngành RHM. Các cán bộ cơ hữu đã và đang chủ trì nhiều đề tài về RHM, bao gồm: đề tài cấp Bộ, cấp Tỉnh, cấp Đại học Huế, cấp Trường... Nhiều công trình đã được báo cáo hoặc đăng tải ở các tạp chí khoa học quốc gia và quốc tế về RHM trong những năm trở lại đây. Trong thời gian qua, các cán bộ của Khoa đã tham gia giảng dạy và hướng dẫn nhiều luận văn Thạc sĩ, BSNT, BSCKII và luận án Tiến sĩ thuộc lĩnh vực RHM. Bên cạnh đó, Trường cũng đang nhận được sự hỗ trợ từ các giảng viên ở các Khoa/Bộ môn khác trong trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế cũng như các trường/viện nghiên cứu nước ngoài làm tăng cường thêm đội ngũ cán bộ phối hợp nghiên cứu và giảng dạy. Về cơ sở vật chất, Khoa RHM đã được đầu tư đầy đủ về cơ sở vật chất, xây dựng các phòng thực hành Tiền lâm sàng, cơ sở khám và điều trị RHM ngoại trú và nội trú với các thiết bị hiện đại và đồng bộ, nhằm phục vụ tốt hơn cho việc giảng dạy Sau đại học cũng như triển khai các nghiên cứu liên quan RHM.

Bảng 2.1. Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (7 cán bộ)

S T T	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
1	Nguyễn Toại, 1952, Nguyên Trưởng Khoa RHM	PGS, 2012	Tiến sĩ, Việt Nam, 2003	RHM	1993, Trường Đại học Y - Dược,	2 đề tài cấp Bộ, 7 đề tài cấp Trường, 33 bài báo khoa học - trong đó 11 bài báo quốc tế

					Đại học Huế	
2	Trần Tấn Tài, 1962, Nguyên Phụ trách Khoa RHM	PGS, 2023	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	RHM/ Y tế công cộng	2009, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	1 đề tài cấp Bộ, 5 đề tài cấp Đại học Huế, 6 đề tài cấp trường, 47 bài báo khoa học – trong đó 11 bài báo quốc tế
3	Nguyễn Văn Minh, 1981, Phụ trách Khoa RHM		Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	RHM	2010, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	3 đề tài cấp Đại học Huế, 1 đề tài cấp Bộ, 1 đề tài cấp Trường, 11 bài báo khoa học, trong đó 2 bài báo quốc tế
4	Phan Anh Chi, 1983, Trưởng bộ môn Nha cơ sở - Nha cộng đồng		Tiến sĩ, CH Pháp, 2016	RHM/ Kỹ sư vật liệu	2010, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	1 đề tài cấp Đại học Huế, 1 đề tài cấp Trường, 22 bài báo khoa học, trong đó 5 bài báo quốc tế
5	Nguyễn Thị Thùy Dương, 1986, Trợ lý giáo vụ Sau đại học Khoa RHM		Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2017	RHM	2017, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	2 đề tài cấp Bộ, 3 đề tài cấp Đại học Huế, 5 đề tài cấp Trường, 23 bài báo khoa học, trong đó 11 bài báo quốc tế
6	Nguyễn Thị Nhật Vy, 1988, Giảng viên		Tiến sĩ, Nhật Bản, 2021	RHM	2021, Trường Đại học Y - Dược,	2 đề tài cấp Đại học Huế, 3 bài báo quốc tế

					Đại học Huế	
7	Nguyễn Gia Kiều Ngân, 1989, Giảng viên		Tiến sĩ, Nhật Bản, 2019	RHM	2019, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	2 đề tài cấp Đại học Huế, 2 đề tài cấp Trường, 4 bài báo quốc tế

Bảng 2.2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu tham gia đào tạo (22 cán bộ)

S T T	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
1	Nguyễn Toại, 1952, Nguyên Trưởng Khoa RHM	PGS, 2012	Tiến sĩ, Việt Nam, 2003	RHM	1993, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	2 đề tài cấp Bộ, 7 đề tài cấp Trường, 33 bài báo khoa học - trong đó 11 bài báo quốc tế
2	Trần Tấn Tài, 1962, Nguyên Phụ trách Khoa RHM	PGS, 2023	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	RHM, Y tế công cộng	2009, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	1 đề tài cấp Bộ, 5 đề tài cấp Đại học Huế, 6 đề tài cấp trường, 47 bài báo khoa học – trong đó 11 bài báo quốc tế
3	Nguyễn Văn Minh, 1981, Phụ trách Khoa RHM		Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	RHM	2010, Trường Đại học Y - Dược, Đại học	3 đề tài cấp Đại học Huế, 1 đề tài cấp Bộ, 1 đề tài cấp Trường, 11 bài báo khoa

					Huế	học, trong đó 2 bài báo quốc tế
4	Phan Anh Chi, 1983, Trưởng bộ môn Nha cở sở - Nha cộng đồng		Tiến sĩ, CH Pháp, 2016	RHM, Kỹ sư vật liệu	2010, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	1 đề tài cấp Đại học Huế, 1 đề tài cấp Trường, 22 bài báo khoa học, trong đó 5 bài báo quốc tế
5	Nguyễn Thị Thùy Dương, 1986, Trợ lý giáo vụ Sau đại học Khoa RHM		Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2017	RHM	2017, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	2 đề tài cấp Bộ, 3 đề tài cấp Đại học Huế, 5 đề tài cấp Trường, 23 bài báo khoa học, trong đó 11 bài báo quốc tế
6	Nguyễn Thị Thanh Hoàng, 1986, Giảng viên		Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2021	RHM	2021, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	1 đề tài cấp Đại học Huế, 5 bài báo quốc tế
7	Trần Xuân Phương, 1986, Giảng viên		Tiến sĩ, Nhật Bản, 2022	RHM	2014, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	1 đề tài cấp Trường, 4 bài báo khoa học, trong đó 1 bài báo quốc tế
8	Nguyễn Thị Nhật Vy, 1988, Giảng viên		Tiến sĩ, Nhật Bản, 2021	RHM	2021, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	2 đề tài cấp Đại học Huế, 3 bài báo quốc tế
9	Đặng Minh Huy,		Tiến sĩ,	RHM	2019,	1 đề tài cấp Đại

	1989, Giảng viên		Hàn Quốc, 2019		Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	học Huế, 4 bài báo quốc tế
10	Nguyễn Gia Kiêu Ngân, 1989, Giảng viên		Tiến sĩ, Nhật Bản, 2019	RHM	2019, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	2 đề tài cấp Đại học Huế, 2 đề tài cấp Trường, 4 bài báo quốc tế
11	Lê Văn Nhật Thắng, 1992, Giảng viên		Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2022	RHM	2022, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	11 bài báo khoa học, trong đó 10 bài báo quốc tế
12	Lê Hồng Phúc, 1979, Giảng viên		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Ngoại khoa	2007, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	2 đề tài cấp Đại học Huế, 18 bài báo khoa học, trong đó 3 bài báo quốc tế
13	Nguyễn Thanh Tùng, 1985, Giảng viên		Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2017	Khoa học Y khoa	2019, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	6 đề tài cấp Bộ, 2 đề tài cấp ĐHH, 31 bài báo khoa học, trong đó có 25 bài báo quốc tế
14	Võ Văn Thắng, 1961, Nguyên Trưởng Khoa Y tế công cộng, Giám	GS, 2022	Tiến sĩ, 2007, Việt Nam	Y tế Công cộng	2009, Trường Đại học Y - Dược,	2 đề tài cấp Bộ, 2 đề tài cấp Tỉnh, 01 đề tài cấp Đại học

	đốc Viện Nghiên cứu Sức khỏe Cộng đồng				Đại học Huế	Huế, 204 bài báo khoa học, trong đó có 52 bài báo quốc tế
15	Lê Thanh Thái, 1965, Trưởng Bộ môn Tai Mũi Họng		Tiến sĩ, 2012, Việt Nam	Tai Mũi Họng	2003, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	1 đề tài cấp Bộ, 1 đề tài cấp Đại học Huế, 4 đề tài cấp Trường, 40 bài báo khoa học, trong đó có 2 bài báo quốc tế
16	Nguyễn Thanh Thảo, 1980, Trưởng Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh	PGS, 2022	Tiến sĩ, 2011, CHLB Đức	Chẩn đoán hình ảnh	2011, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	19 bài báo khoa học, trong đó có 12 bài báo quốc tế
17	Nguyễn Văn Mão, 1975, Trưởng Bộ môn Mô phôi, Giải phẫu bệnh và Phẫu y	PGS, 2018	Tiến sĩ, 2012, Việt Nam	Giải phẫu bệnh	2012, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	2 đề tài cấp Bộ, 1 đề tài cấp Đại học Huế, 2 đề tài cấp Tỉnh, 7 đề tài cấp Trường, 25 bài báo khoa học, trong đó có 5 bài báo quốc tế
18	Đặng Thị Anh Thư, 1982, Trưởng Khoa Y tế công cộng, Giám đốc Viện Nghiên cứu Sức khỏe Cộng		Tiến sĩ, 2019, Úc	Sức khỏe môi trường, Y tế công	2008, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	01 đề tài cấp Nhà nước, 04 đề tài cấp Trường, 22 bài báo khoa học, trong đó có 8 bài báo quốc

	đồng			cộng		tế
19	Nguyễn Văn Hùng, 1979, Trưởng Phòng Tổ chức, Hành chính, Thanh tra và Pháp chế; Thư ký Hội đồng trường; Giảng viên chính Khoa Y tế công cộng, Phó trưởng Khoa Y tế công cộng, Trưởng Bộ môn Tâm lý Y học và Giáo dục sức khỏe - Tổ chức Y tế, Khoa YTCC		Tiến sĩ, 2014, Thái Lan	Y tế Công cộng, Giáo dục Y học	2007, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	01 đề tài cấp Tỉnh, 01 đề tài cấp Đại học Huế, 01 đề tài cấp Trường, 11 bài báo khoa học, trong đó có 2 bài báo quốc tế
20	Hoàng Bùi Bảo, 1968, Bộ môn Nội Trường Đại học Y Dược Huế; Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Huế	PGS, 2012	Tiến sĩ, 2009, Việt Nam	Y học	2009, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	75 bài báo khoa học, trong đó có 9 bài báo quốc tế
21	Nguyễn Văn Minh, 1972, Trưởng Bộ môn Gây mê hồi sức và Cấp cứu, Trưởng Khoa Gây mê hồi sức - Cấp cứu - Chống độc, Bệnh viện Đại học Y Dược Huế, Phó Chủ tịch Chi Hội	PGS, 2018	Tiến sĩ, 2013, Việt Nam	Y học	2013, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	4 đề tài cấp Bộ, 1 đề tài cấp Tỉnh, 7 đề tài cấp Trường, 55 bài báo khoa học, trong đó có 5 bài báo quốc tế

	Gây mê hồi sức Miền Trung - Tây Nguyên, Phó Chủ tịch Hội Gây mê hồi sức Việt Nam.					
22	Nguyễn Minh Tâm, 1977, Phó Hiệu trưởng, Giám đốc Trung tâm Y học Gia đình, Trưởng Phòng khám Bác sĩ Gia đình, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.	PGS, 2017	Tiến sĩ, 2010, Úc	Y đa khoa/ Y tế công cộng	2010, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	5 đề tài cấp Bộ, 3 đề tài cấp Đại học Huế, 10 đề tài cấp Trường, 84 bài báo khoa học, trong đó có 21 bài báo quốc tế

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

Nhà trường hiện có 08 Phòng chức năng (Tổ chức - Hành chính, Đào tạo Đại học, Đào tạo Sau đại học, Công tác sinh viên, Khảo thí - Đảm bảo chất lượng giáo dục, Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế, Quản trị - Cơ sở vật chất, Kế hoạch tài chính), 03 Trung tâm (Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trung tâm Y học gia đình, Trung tâm đào tạo điều dưỡng tiên tiến Huế - Halla), 03 viện (Viện Nghiên cứu sức khỏe cộng đồng, Viện Y Sinh học, Viện đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý y tế); 07 Khoa (Dược, Điều Dưỡng, RHM, Y tế Công cộng, Cơ bản, Y học cổ truyền, Đào tạo quốc tế), 01 Tổ Thanh tra - Pháp chế trực thuộc nhà trường. Bệnh viện Trường với quy mô 600 giường, được công nhận bệnh viện hạng I từ năm 2014, là cơ sở điều trị và thực hành cho SV và học viên.

Hiện nay, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế có hệ thống trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học khá đầy đủ và đồng bộ với tổng số lượng trên 200 thiết bị.

2.1. Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo

** Trung tâm Thông tin - thư viện Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế*

Có diện tích 3187m², với 6 tầng, bao gồm 12 phòng.

- Tầng 1 dành để sinh viên tự học và tra cứu Internet, phòng Dịch vụ Thông tin, phòng Tài nguyên Thông tin 1.

- Tầng 2 là khu vực đọc sách giáo trình và sách tham khảo tiếng Việt phục vụ cho sinh viên và cán bộ tham khảo tại chỗ hoặc mượn sách về nhà, phòng Tài nguyên Thông tin 2, phòng nhân viên, phòng hành chính, phòng Giám đốc và phòng Phó Giám đốc.

- Tầng 3 là khu vực phục vụ tham khảo tạp chí và sách tham khảo ngoại văn, phòng đọc dành riêng cho cán bộ và 2 kho lưu trữ luận văn/luận án.

- Tầng 4 bao gồm phòng Công nghệ thông tin, phòng máy tính, phòng máy chủ.

+ Tầng 5 có phòng số hóa tài liệu.

+ Tầng 6 là khu vực lưu trữ tài liệu cũ.

Trung tâm đã tổ chức các hệ thống quầy lưu hành dành cho mượn trả sách, hướng dẫn thông tin cho độc giả tại các tầng.

Các khu vực đọc dành cho sinh viên có diện tích khoảng 300m² chứa được 400 chỗ ngồi bao gồm: khu vực tự học tập tầng 1: có 120 chỗ ngồi; khu vực tham khảo sách tiếng Việt (tầng 2): có 100 chỗ ngồi; khu vực tham khảo sách ngoại văn, tạp chí và luận văn (tầng 3): có 100 chỗ. Tất cả các khu vực đọc đều được trang bị bàn ghế đồng bộ, đầy đủ ánh sáng và thoáng mát.

Trung tâm hiện có cơ sở dữ liệu:

- Sách Tiếng Việt: 1.791 nhan đề với 12.284 bản.

- Sách Ngoại văn: 5.425 nhan đề với 7.041 bản.

- Tạp chí Tiếng Việt: 125 nhan đề với 8.049 bản.

- Tạp chí ngoại văn: 118 nhan đề với 8.154 bản.

- Luận văn/luận án: 5.494 cuốn.

Với các trang thiết bị máy móc đã được trang bị, Trung tâm đã và đang triển khai xây dựng các Cơ sở dữ liệu số từ các nguồn tài liệu nội sinh (hiện đang thực hiện số hóa luận văn/ luận án đã bảo vệ từ năm 2015 trở về trước); cập nhật biên mục các tài liệu in vào phần mềm quản lý Thư viện, giúp độc giả tra cứu tài liệu nhanh nhất; dán thẻ từ vào tài liệu để kiểm soát an ninh Thư viện; bố trí các điểm truy cập tại các tầng giúp độc giả tra cứu trên OPAC (cổng tra cứu trực tuyến) được thuận tiện, ngoài ra có 12 máy tính được bố trí ở (tầng 1) khu vực tự học tạo điều kiện cho sinh viên có thể ứng dụng CNTT trong học tập và lắp đặt 50 máy tính có kết nối mạng internet tại phòng CNTT (tầng 4) sử dụng cho việc giảng dạy môn Tin học của Nhà Trường và tổ chức các lớp tập huấn về kỹ năng tìm kiếm thông tin trực tuyến.

*** Trung tâm học liệu Đại học Huế (Cơ sở dùng chung Đại học Huế)**

- Hơn 140.000 đầu sách điện tử.

- 120 máy tính nối mạng.

- Hơn 200 tạp chí chuyên ngành truy cập điện tử.
- Nối mạng thông tin với nhiều Trung tâm thông tin, tư liệu Châu Âu, Mỹ, Úc, Nhật, Trung Quốc... và trong cả nước.

2.2. Mạng công nghệ thông tin

Thông tin Website Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế có trang thông tin điện tử cung cấp và cập nhật thường xuyên các hoạt động của nhà trường, công khai cam kết giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục tại địa chỉ: <http://www.huemed-univ.edu.vn/>.

Các trung tâm trực thuộc trường cũng có các trang thông tin riêng để phục vụ các hoạt động của từng đơn vị, cụ thể như Phòng đào tạo Đại học chuyên cung cấp các thông tin về lịch học, lịch thi, công tác sinh viên, các tin tức hoạt động tại địa chỉ: <http://dtdh-ydh.edu.vn/>, Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế tại địa chỉ: <http://www.khcn-yhue.vn/>, Viện nghiên cứu sức khỏe cộng đồng tại địa chỉ: <http://iccchr-hue.org.vn/>, Bộ môn Nội Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế tại địa chỉ: <http://bomonnoiydhue.edu.vn/>, Bộ môn Ngoại Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế tại địa chỉ: <http://bomongoaiydhue.net/>, Bộ môn Nhi Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế tại địa chỉ: <http://www.bomonniydhue.edu.vn/>, Bộ môn Mắt Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế tại địa chỉ: <http://www.bomonmatydhue.net/>, Trung tâm thông tin thư viện tại địa chỉ: <http://www.hcmp.edu.vn/>.

2.3. Khoa Răng Hàm Mặt

Phòng tiền lâm sàng, cơ sở thực hành

Khoa Răng Hàm Mặt có cơ sở các phòng tiền lâm sàng và trang thiết bị để thực hiện các hoạt động chuyên môn gồm đào tạo Đại học và Sau đại học, nghiên cứu khoa học và xét nghiệm. Phòng tiền lâm sàng của Khoa được chia làm 5 khu vực:

- Phòng tiền lâm sàng 1 ở tầng 2 khu nhà B với 23 mô hình thực tập đầu người mô phỏng trung cấp.
- Phòng tiền lâm sàng 2 ở tầng 2 khu nhà B với 4 mô hình thực tập đầu người mô phỏng cao cấp kèm hệ thống máy quét mẫu hàm, máy in 3D và hệ thống thực hành nha khoa kỹ thuật số được sử dụng để đánh giá sinh viên.

- Phòng tiền lâm sàng 3 ở tầng 2 khu nhà B với 16 mô hình thực tập đầu người mô phỏng đơn giản.

- Phòng tiền lâm sàng 4 ở tầng 2 khu nhà B với 19 mô hình thực tập đầu người mô phỏng đơn giản.

- Phòng tiền lâm sàng 5 ở tầng 3 khu nhà B được trang bị bàn đá, máy mài thạch cao.

Theo nghị định 111/2017/NĐ-CP, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế là cơ sở thực hành của sinh viên, học viên theo học tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế. Ngoài bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế thì nhà trường đã ký hợp đồng đào tạo thực hành, thực tập với Bệnh viện Trung Ương Huế (số 21/ĐHYD-HĐ, ký ngày 23/08/2021), Bệnh viện RHM Huế (số 11/HĐTH-ĐHYD, ký ngày 08/02/2018), Trung Tâm Y tế Huyện Phú Vang (số 04/03/HĐTH-TTYT, ký ngày 02/03/2020). Như vậy, theo quy định Điều c khoản 3 Điều 3 TT02/2022, các cơ sở trên cũng là cơ sở thực hành của các sinh viên, học viên của Khoa RHM, trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế. Cụ thể như sau:

Phòng khám Răng Hàm Mặt - Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Phòng khám Răng Hàm Mặt- Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế với quy mô 12 ghế nha khoa và được trang bị khá đầy đủ máy móc hiện đại phục vụ cho công tác khám chữa bệnh, đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao kỹ thuật y học. Cơ sở chuyên môn phục vụ đào tạo thực hành học viên Tiến sĩ Răng Hàm Mặt.

Đây là cơ sở thực hành chính của việc giảng dạy thực hành cho học viên.

Khoa Tai Mũi Họng - Mắt - Răng Hàm Mặt - Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Khoa Tai Mũi Họng - Mắt - Răng Hàm Mặt - Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế với quy mô 43 giường bệnh phục vụ cho công tác khám chữa bệnh nội trú Răng Hàm Mặt.

Trung tâm Răng Hàm Mặt - Bệnh viện Trung Ương Huế

Trung tâm Răng Hàm Mặt - Bệnh viện Trung Ương Huế với quy mô 52 giường bệnh và 20 ghế nha khoa cùng trang thiết bị máy móc hiện đại phục vụ cho công tác khám chữa bệnh, đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao kỹ thuật mới trong Răng Hàm Mặt.

Bệnh viện Răng Hàm Mặt Huế

Bệnh viện Răng Hàm Mặt Huế với quy mô cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, đầy đủ thiết bị chuyên dụng, đáp ứng đầy đủ điều kiện để làm cơ sở thực hành phục vụ đào tạo thực hành học viên Tiến sĩ Răng Hàm Mặt.

Khoa Răng Hàm Mặt - Mắt - Tai Mũi Họng - Trung tâm y tế huyện Phú Vang

Khoa Răng Hàm Mặt - Mắt - Tai Mũi Họng - Trung tâm y tế huyện Phú Vang với quy mô 24 giường bệnh và 7 ghế cùng trang thiết bị máy móc hiện đại phục vụ cho công tác khám chữa bệnh, đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao kỹ thuật mới trong Răng Hàm Mặt.

Bảng 2.3. Trang thiết bị phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

S T T	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu	Mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Ghi chú
1	Mô hình đầu với hàm răng		2013	5	Nhiều môn	RHM
2	Máy nén khí dung trong nha khoa (YH-IIB)		2015	2	Nhiều môn	RHM
3	Giá khớp và hệ thống mô phỏng giá khớp kèm bộ quét 3D Dentsply Sirona. Bao gồm: bộ giá khớp, máy Scan mẫu hàm.		Dentsply Sirona, Mỹ, 2020	1	Nhiều môn	RHM
4	Mô hình thực tập nha khoa		2020	35	Nhiều môn	RHM
5	Bộ tổng nha		2020	35	Nhiều môn	RHM
6	Bộ gây tê dẫn truyền		2020	2	Nhiều môn	RHM
7	Mô hình hộp sọ		2020	3	Nhiều môn	RHM

8	Bộ nha khoa di động		2020	4	Nhiều môn	RHM
9	Máy nén khí		2020	8	Nhiều môn	RHM
10	Hệ thống thực hành nha khoa kỹ thuật số dùng đánh giá sinh viên		2020	1	Nhiều môn	RHM
11	Bảng tương tác thông minh & máy chiếu		2020	4	Nhiều môn	RHM
12	Máy đo chiều dài ống tủy Propex Dentsply Model PIXI APEX LOCATOR		2021	1	Nhiều môn	RHM
13	Máy mài mẫu thạch cao		2013	2	Nhiều môn	RHM
14	Mô tơ đánh bóng			2	Nhiều môn	RHM
15	Cân ép mức cố định lớn			2	Nhiều môn	RHM
16	Mô tơ mài			2	Nhiều môn	RHM
17	Máy rung Double Mixtre			2	Nhiều môn	RHM
18	Bộ mô phỏng răng dùng cho giảng viên		Nissin,2020	4	Nhiều môn	RHM
19	Bộ mô phỏng răng dùng cho sinh viên		Nissin,2020	23	Nhiều môn	RHM
20	Máy cắt côn bằng điện		2021	1	Nhiều môn	RHM
21	Bộ kiểm tốc 2 đầu		2021	10	Nhiều môn	RHM
	Tủ an Toàn sinh	Thực hiện các	2014	1	HP tự chọn,	Mô

22	học cấp 2	thao tác vô khuẩn trong tủ an toàn sinh học			chuyên đề, luận án	Phôi
23	Máy rửa siêu âm	Rửa dụng cụ	2014	1	HP tự chọn, chuyên đề, luận án	Mô Phôi
24	Tủ lạnh sâu -86 ⁰ C	Lưu trữ mẫu	2014	1	HP tự chọn, chuyên đề, luận án	Mô Phôi
25	Hệ thống máy làm tiêu bản	Làm tiêu bản	2014	1	HP tự chọn, chuyên đề, luận án	Mô Phôi
26	Máy ly tâm	Ly tâm mẫu	2014	1	HP tự chọn, chuyên đề, luận án	Mô Phôi
27	Máy điện não (HM-EEG-VISION 40D)	Đo điện não đồ (EEG)	Mỹ, 2014	1	Thăm dò chức năng Y sinh học	Sinh Lý
28	Máy điện cơ (NEUROWERK EMG2)	Đo điện cơ đồ (EMG)	Đức, 2014	1	Thăm dò chức năng Tiến sĩ Y sinh học Thực hành labo	Sinh Lý
29	Máy huyết học CELLTAC 18TS	Làm xét nghiệm công thức máu 18 thông số	Nhật, 2014	1	Thăm dò chức năng Tiến sĩ Y sinh học Thực hành labo	Sinh Lý

30	Máy trắc nghiệm gắng sức - Thăm lãng	Làm test trắc nghiệm gắng sức	Hungary, 2014	1	Thăm dò chức năng Y sinh học	Sinh Lý
31	Máy hô hấp kế Spirolab III	Đo các chỉ số thông khí phổi	Italy, 2014	1	Thăm dò chức năng Y sinh học Thực hành labo	Sinh Lý
32	Máy PCR	Thực hiện khuếch đại có chọn lọc các trình tự DNA đích trong ống nghiệm bằng kỹ thuật PCR	Agilent, Mỹ, 2014 (1), 2016 (2)	3	-Ứng dụng kỹ thuật di truyền trong chẩn đoán và điều trị (Bộ môn DTYH)	DTYH
33	Hệ thống điện di đứng	Sử dụng để phân tách các chất trong mẫu bằng phương pháp điện di	Labnet, Mỹ, 2016	1	-Ứng dụng kỹ thuật di truyền trong chẩn đoán và điều trị (Bộ môn DTYH)	DTYH
34	Hệ thống điện di ngang	Sử dụng để phân tách các chất trong mẫu bằng phương pháp điện di	Labnet, Mỹ, 2014 (1), 2016 (2)	3	-Ứng dụng kỹ thuật di truyền trong chẩn đoán và điều trị (Bộ môn DTYH)	DTYH
35	Hệ thống chụp hình và phân tích gel UVITEC	Chụp hình và phân tích các hình ảnh điện	UVITEC, Anh, 2016	1	-Ứng dụng kỹ thuật di truyền trong	DTYH

		di trên gel agarose			chẩn đoán và điều trị (Bộ môn DTYH)	
36	Máy quang phổ định lượng Nano Drop 2000c	Đo độ hấp phụ quang để định lượng nồng độ protein, DNA,... trong mẫu	Thermo, Mỹ, 2011	1	-Ứng dụng kỹ thuật di truyền trong chẩn đoán và điều trị (Bộ môn DTYH)	DTYH
37	Hệ thống Realtime-PCR	Phát hiện và định lượng các tác nhân gây bệnh bằng kỹ thuật Realtime-PCR.	Agilent, Mỹ, 2013	1	-Ứng dụng kỹ thuật di truyền trong chẩn đoán và điều trị (Bộ môn DTYH)	DTYH
38	Lò lai UV (Hybridization Oven)	Sử dụng để thực hiện phản ứng tái tổ hợp DNA, giữa các đầu dò là các đoạn DNA mạch đơn đặc hiệu với các đoạn DNA cần phân tích trên màng lai.	Thermo, Mỹ, 2012 và 2016		-Ứng dụng kỹ thuật di truyền trong chẩn đoán và điều trị (Bộ môn DTYH)	DTYH
39	Hệ thống phân tích gene ABI 3130	Phân tích, giải mã trình tự gene, chẩn	ABI, Mỹ, 2012	1	-Ứng dụng kỹ thuật di truyền trong	DTYH

		đoán các bất thường số lượng nhiễm sắc thể bằng kỹ thuật QF-PCR			chẩn đoán và điều trị (Bộ môn DTYH) -Các phương pháp chẩn đoán trong thời đại Y học chính xác (Bài “Giải trình tự gene và genome người” của Bộ môn DTYH)	
40	Máy lai Thermobrite	Sử dụng để thực hiện phản ứng tái tổ hợp DNA trong kỹ thuật FISH, giữa các đầu dò là các đoạn DNA đặc hiệu được đánh dấu huỳnh quang với mẫu vật trên tiêu bản.	Thermo, Mỹ, 2012 và 2016	2	- Ứng dụng kỹ thuật di truyền trong chẩn đoán và điều trị (Bộ môn DTYH)	DTYH
41	Kính hiển vi huỳnh quang	Sử dụng để quan sát hình ảnh mẫu vật được nhuộm	Nikon, Nhật Bản, 2007	1	Ứng dụng kỹ thuật di truyền trong chẩn đoán và	DTYH

		huỳnh quang hoặc đánh dấu huỳnh quang (FISH) với độ phóng đại lên đến 1000 lần			điều trị (Bộ môn DTYH)	
42	Hệ thống DNA Microarray	Ứng dụng kỹ thuật DNA tái tổ hợp để chẩn đoán nhiều đột biến gene cùng lúc bằng chip DNA có mang sẵn các đầu dò của các đột biến gene đã biết.	INNOPSY S Pháp, 2014	1	Ứng dụng kỹ thuật di truyền trong chẩn đoán và điều trị (Bộ môn DTYH)	DTYH
43	Tủ âm CO ₂	Sử dụng để nuôi cấy tế bào	ESCO, Singapore, 2016	1	Ứng dụng kỹ thuật di truyền trong chẩn đoán và điều trị (Bộ môn DTYH)	DTYH
44	Kính hiển vi truyền hình ảnh Nikon	Quan sát và chụp ảnh mẫu vật với độ phóng đại lên đến 1000 lần	Nikon, Nhật Bản, 2014 (1) và 2016 (2)	3	Ứng dụng kỹ thuật di truyền trong chẩn đoán và điều trị (Bộ môn DTYH)	DTYH

45	Kính hiển vi đảo ngược	Quan sát và thao tác trên mẫu với độ phóng đại lên đến 1000 lần.	Nikon, Nhật Bản, 2016	1	Ứng dụng kỹ thuật di truyền trong chẩn đoán và điều trị (Bộ môn DTYH)	DTYH
46	Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)	Sử dụng phương pháp sắc ký để phân tách các chất trong mẫu theo thời gian lưu trên cột.	Thermo, Mỹ, 2013	1	Ứng dụng kỹ thuật di truyền trong chẩn đoán và điều trị (Bộ môn DTYH)	DTYH
47	Buồng thao tác PCR	Sử dụng để thực hiện các thao tác của kỹ thuật PCR	Huy Hoàng, Việt Nam, 2010 và 2014	1	Ứng dụng kỹ thuật di truyền trong chẩn đoán và điều trị (Bộ môn DTYH)	DTYH
48	Tủ an toàn sinh học cấp II	Sử dụng để thực hiện các thao tác kỹ thuật, đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp II	Labogene, Đan Mạch, 2016	1	Nhiều môn	DTYH
49	Tủ hút khí độc FTFH703	Sử dụng để thực hiện các thao tác kỹ	Fume Hood, Hàn Quốc, 2016	1	Nhiều môn	DTYH

		thuật với các loại hóa chất bay hơi.				
50	Nồi hấp tiệt trùng dung tích 72L	Hấp tiệt trùng	Hirayama, Nhật Bản, 2016	1	Nhiều môn	DTYH
51	Hệ thống lọc nước siêu sạch	Lọc nước để sử dụng cho các kỹ thuật.	PALL, Mỹ, 2016	1	Nhiều môn	DTYH
52	Bình đựng Ni tơ lỏng	Sử dụng để trữ mẫu	MRC, Isarel, 2016	1	Nhiều môn	DTYH
53	Cân phân tích điện tử A&D 10-4	Cân mẫu vật với độ chính xác đến 0,0001 g	A&D, Nhật Bản, 2016	1	Nhiều môn	DTYH
54	Cân kỹ thuật A&D 10-2	Cân mẫu vật với độ chính xác đến 0,01 g	A&D, Nhật Bản, 2016	1	Nhiều môn	DTYH
55	Kính hiển vi quang học Nikon E100	Sử dụng để quan sát và phân tích mẫu với độ phóng đại lên đến 1000 lần	Nikon, Nhật Bản, 2014	20	Nhiều môn	DTYH
56	Máy đo pH để bàn Hanna	Sử dụng để đo nhiệt độ và độ pH của các dung dịch hóa chất	Hanna, Romania, 2007 và 2016	2	Nhiều môn	DTYH
57	Tủ lạnh âm sâu (-86 °C)	Sử dụng để bảo quản mẫu và hóa chất	Thermo, Trung Quốc, 2014	1	Nhiều môn	DTYH

58	Tủ lạnh âm sâu (-30 °C)	Sử dụng để bảo quản mẫu và hóa chất	Liebherr, Đức, 2014	1	Nhiều môn	DTYH
59	Tủ đông Alaska dung tích 1000 L	Sử dụng để bảo quản mẫu và hóa chất	Alaska, Việt Nam, 2018	2	Nhiều môn	DTYH
60	Tủ mát Alaska dung tích 500 L	Sử dụng để bảo quản mẫu và hóa chất	Alaska, Việt Nam, 2007 (1), 2018 (2)	3	Nhiều môn	DTYH
61	Máy ly tâm lạnh Mikro 200 R	Sử dụng để ly tâm mẫu với tốc độ cao (16.000 vòng/phút) đồng thời có chức năng làm lạnh để không làm hư hỏng và biến tính mẫu.	Hettich, Đức, 2007	1	Nhiều môn	DTYH
62	Máy ly tâm góc tốc độ cao	Sử dụng để ly tâm mẫu với tốc độ ly tâm lên đến 13.000 vòng/phút	Labnet, Mỹ, 2014 (1), 2016 (2)	3	Nhiều môn	DTYH
63	Máy ly tâm quăng	Sử dụng để ly tâm ống tế bào nuôi cấy	Hettich, Đức, 2018	1	Nhiều môn	DTYH
64	Tủ ẩm INB 400	Sấy và ủ mẫu	Memmert, Đức, 2016	1	Nhiều môn	DTYH
65	Tủ mát Alaska	Sử dụng để	Liebherr,	1	Nhiều môn	DTYH

	dung tích 500 L	bảo quản mẫu và hóa chất	Đức, 2014			
66	Tủ mát Alaska dung tích 500 L	Sử dụng để bảo quản mẫu và hóa chất	Alaska, Việt Nam, 2018	2	Nhiều môn	DTYH
67	Tủ mát Alaska dung tích 500 L	Sử dụng để bảo quản mẫu và hóa chất	Alaska, Việt Nam, 2013	1	Nhiều môn	DTYH
68	Bể ỏn nhiệt (Water bath)	Ủ mẫu ở nhiệt độ cài đặt	Memmert, Đức, 2007	2	Nhiều môn	DTYH
69	Máy nhuộm Hóa mô miễn dịch tự động	Nhuộm Hóa mô miễn dịch, Lai tại chỗ nhuộm 2 màu DUAL - ISH	Bench Mark GX, Roch, Mỹ, 2006	1	Nhiều môn	GPB
70	Máy cắt lạnh	Sinh hiết tức thì, lưu mô nhiệt độ âm sâu < - 30 ⁰	CM 3050 S, Leica, Đức, 2016	1	Nhiều môn	GPB
71	Máy nhuộm tiêu bản	Nhuộm tiêu bản HMMD, DUAL-ISH, H.E, PAS, PAP...	Varistain 24-4, Shadon, Anh, 2004	1	Nhiều môn	GPB
72	Máy chuyên đúc bệnh phẩm	Chuyên, đúc bệnh phẩm	Citadel 1000, Shadon, Anh, 2000	1	Nhiều môn	GPB
73	Máy cắt vi thể nẻn	Cắt tiêu bản lát mỏng 3-4 µm	Microm HM 325, Leica, Đức	1	Nhiều môn	GPB

74	Kính hiển vi quang học	Soi tiêu bản, chẩn đoán bệnh	Nikon, Nhật	30	Nhiều môn	GPB
75	Hệ thống ELISA tự động (Coda)	Thực hiện các phản ứng liên kết kháng nguyên-kháng thể	Bio-Rad, Mỹ, 2004	1	Nhiều môn	Hóa Sinh
76	Máy phân tích khí máu điện giải Model: OPTI CCA TS	Phân tích khí máu, điện giải	Opti Medical – Mỹ	1	Hóa sinh	Hóa Sinh
77	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến Model: 2021		Cecil - Anh	1	Hóa sinh	Hóa Sinh
78	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động Mã số: AU480	Định lượng nồng độ các chất trong máu và các dịch cơ thể	Beckman Coulter – Mỹ	1	Hóa sinh	Hóa Sinh
79	Hệ thống điện di	Điện di protein	Labnet - Mỹ	1	Hóa sinh	Hóa Sinh
80	Máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động Mã số: Stat Fax 4500	Định lượng nồng độ các chất trong máu và các dịch cơ thể	AWAREN ESS – Mỹ	2	Hóa sinh	Hóa Sinh
81	Máy xét nghiệm nước tiểu tự động 10 thông số Mã số: Teco 101	Phát hiện các chất bất thường trong nước tiểu	Teco Diagnostics – Mỹ	1	Hóa sinh	Hóa Sinh
82	Rocker (1660619)	Lắc bập bênh	Bio-Rad,	2	Nhiều môn	Hóa

		để trộn mẫu	Mỹ, 2004 và 2006			Sinh
83	Máy rửa dụng cụ bằng siêu âm Model 500HD	Rửa dụng cụ	SONICLE AN (Úc)	1	Hóa sinh	Hóa Sinh
84	Cân phân tích có chuẩn nội Model: GR200	Cân	A&D - Nhật	1	Hóa sinh	Hóa Sinh
85	Máy ủ nhiệt khô Model:D1200-230V	Ủ nhiệt	Labnet - Mỹ	1	Hóa sinh	Hóa Sinh
86	Máy ly tâm lạnh ống eppendorf Mã số: Mikro 200R	Ly tâm mẫu	Hettich - Đức	1	Hóa sinh	Hóa Sinh
87	Hệ thống máy đếm tế bào tự động XN 550	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi	Nhật,2017	2	Nhiều môn	Huyết học
88	Hệ thống máy đếm tế bào tự động XS 800i	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi	Nhật,2012	1	Nhiều môn	Huyết học
89	Máy đông máu CS1600	Phân tích chức năng đông máu	Nhật,2015	1	Nhiều môn	Huyết học
90	Máy đông máu STA – R - Max	Phân tích chức năng đông máu	Pháp,2018	1	Nhiều môn	Huyết học
91	Máy đông máu STA - Compact	Phân tích chức năng đông máu	Pháp,2012	1	Nhiều môn	Huyết học
92	Máy ngưng tập tiểu cầu Chrono - log	Phân tích chức năng tiểu cầu	Mỹ, 2014	1	Nhiều môn	Huyết học

93	Máy tách tế bào tự động Trima	Tách tiểu cầu tự động	Mỹ, 2014	1	Nhiều môn	Huyết học
94	Máy ly tâm lạnh túi máu	Tách các chế phẩm máu	Đức, 2016	1	Nhiều môn	Huyết học
95	Hệ thống điện di IEF	Điện di Hb, protein	Biorad – Mỹ, 2012	1	Nhiều môn	Huyết học
96	Máy định nhóm máu tự động Gelcard	Định nhóm máu và phản ứng chéo	Ấn Độ, 2016	1	Nhiều môn	Huyết học
97	Hệ thống sàng lọc máu bằng kỹ thuật NAT (kèm máy trộn mẫu và máy chuẩn bị thuốc thử)	Sàng lọc HIV, HBsAg, HCV (NAT)	USA, Hologic, Inc-Procleix Panther System. (2015)	1	Nhiều môn	Huyết học
98	Hệ thống sàng lọc máu bằng kỹ thuật NAT	Sàng lọc HIV, HBsAg, HCV (NAT)	Thụy Sĩ, Roche-Cobas s201. (2014)	1	Nhiều môn	Huyết học
99	Hệ thống XN miễn dịch tự động	Sàng lọc HIV, HBsAg, HCV (Hóa phát quang MD)	Nhật, Hitachi-Cobas 6000. (2014)	1	Nhiều môn	Huyết học
100	Hệ thống XN miễn dịch tự động	Sàng lọc HIV, HBsAg, HCV (Hóa phát quang MD)	USA. Abbott-Architecti2 000R. (2014)	1	Nhiều môn	Huyết học
101	Máy phân tích miễn dịch tự động	Sàng lọc HIV, HBsAg, HCV, Syphilis (ELISA)	Italia. Diasorin ETIMAX3 000(2014)	1	Nhiều môn	Huyết học

102	Máy XN nhóm máu tự động	Định nhóm máu ABO/Rh tự động	Qwalys 2 up. Diagast/France. (2018)	1	Nhiều môn	Huyết học
103	Máy XN nhóm máu tự động	Định nhóm máu ABO/Rh tự động	Wadiana Compact-Grifols-Spain (2018)	1	Nhiều môn	Huyết học
104	Máy tách thành phần máu tự động	Tách khối tiểu cầu	Amicore-Fresenius Kabi-Malaysia	2	Nhiều môn	Huyết học
105	Máy tách thành phần máu tự động	Tách khối tiểu cầu	TQ.Nigale XCF3000-Sichuan Nigale Biotechnology (2017)	2	Nhiều môn	Huyết học
106	Máy tách tế bào gốc ngoại vi và tiểu cầu tự động	Tách tế bào gốc & khối tiểu cầu	ComTec-Fresenius Kabi-Thụy Điển (2008 và 2009)	2	Nhiều môn	Huyết học
107	Máy đếm tế bào máu tự động - kéo lam - Advia 2120i -Autoslide	Thực hiện xét nghiệm CTM và tự động phết lam kính nhuộm khi phát hiện bất thường	Siemens/IR 47861636 / 2016	1	Nhiều môn	Huyết học
108	Máy đếm tế bào máu tự động	CTM	Sysmex, Nhật/	1	Nhiều môn	Huyết học

	Sysmex XS1000i		71236 / 2015			
109	Máy đếm tế bào máu tự động DX Neuss	CTM	Horiba / 709PNX08 69 / 2018	1	Nhiều môn	Huyết học
110	Máy đếm tế bào máu tự động DxH 600	CTM	Beackman Coulter/ BB03612/ 2018	1	Nhiều môn	Huyết học
111	Máy đông máu tự động hoàn toàn STA R MAX	Cầm máu đông máu	Stago/Pháp /CP760505 68/2016	1	Nhiều môn	Huyết học
112	Máy đông máu tự động hoàn toàn ACL TOP 500	Cầm máu đông máu	IL/Mỹ/140 32836/201 7	1	Nhiều môn	Huyết học
113	Máy đông máu tự động hoàn toàn CS 5100	Cầm máu đông máu	Sysmex/Nh ật/25433/2 019	1	Nhiều môn	Huyết học
114	Máy đo tốc độ máu lắng Linear Chemicals.S.L	Máy đo tốc độ máu lắng	Erline AR/ 161399/ 2003	1	Nhiều môn	Huyết học
115	Máy ngưng tập tiểu cầu Chronolog	Ngưng tập tiểu cầu	Gregomette r/ 2010	1	Nhiều môn	Huyết học
116	Máy Minicap Flex Piercing	Điện di mao quản	Sebia/9377 8/2017	1	Nhiều môn	Huyết học
117	Hệ thống máy đếm tế bào dòng chảy BD Facsanto TM Flow Cytometry	Đếm tế bào	BD Biosciens/ V65733800 0375/ 2017	1	Nhiều môn	Huyết học
118	Máy cắt lát mỏng bán tự động	Cắt tiêu bản xương, sinh	Slee Mainz/	1	Nhiều môn	Huyết học

	cut5062	thiết tủy xương	8905 / 2005			
119	Máy định lượng nhanh acide nucleic Biomate 3	định lượng nhanh acide nucleic	Biomate 3/ Thermo - Mỹ/2009	1	Nhiều môn	Huyết học
120	Máy luân nhiệt AB Applied Biosystems - Veriti FAST96 Well	Ly trích DNA	AB Applier / Singapor / 2009	1	Nhiều môn	Huyết học
121	Máy Realtime PCR-CFX 96 (Máy PCR) C1000	PCR	Thermo/M ỹ/ 2009	1	Nhiều môn	Huyết học
122	Máy Realtime PCR - Sacycler	PCR	Sacycler/ Ý/ 2018	1	Nhiều môn	Huyết học
123	Hệ thống phân tích gen Dolphin - View	Phân tích Gel	Wealtest/M ỹ/2009	1	Nhiều môn	Huyết học
124	Máy khuấy từ có gia nhiệt C - MAG HS 7	PCR	IKA/ Đức/ 2009	1	Nhiều môn	Huyết học
125	Bộ điện di HU 10	Điện di	HU10/Đức/ 2009	1	Nhiều môn	Huyết học
126	Máy giải trình tự 3130 Genetic Analyzer	Giải trình tự gel	Genetic/ Mỹ/2009	1	Nhiều môn	Huyết học
127	Máy xử lý tế bào gốc Sepax S-100	CN tế bào gốc	Sepax / Mỹ / 2009	1	Nhiều môn	Huyết học
128	Máy ly tâm	Ly tâm ống nghiệm	Đức, 2010	3	Nhiều môn	Huyết học
129	Máy lắc ngang	Trộn mẫu	Đức, 2012	1	Nhiều môn	Huyết học
130	Vortex	Trộn mẫu	Đức, 2012	1	Nhiều môn	Huyết học

131	Tủ lạnh âm sâu	Trữ chế phẩm máu	2016	1	Nhiều môn	Huyết học
132	Tủ lạnh trữ máu	Trữ chế phẩm máu	Nhật,2010	1	Nhiều môn	Huyết học
133	Tủ lạnh thường	Trữ hóa chất	Nhật.2010	4	Nhiều môn	Huyết học
134	Tủ hút khí độc	Pha chế hóa chất	Việt nam, 2018	1	Nhiều môn	Huyết học
135	Máy ly tâm các loại	Ly tâm thường và ly tâm lạnh, ống nghiệm các kích cỡ	Thermo	7	Nhiều môn	Huyết học
136	Bể chung cách thủy các loại	Ủ ấm mẫu	JS RESEARCH	6	Nhiều môn	Huyết học
137	Tủ mát các loại	Bảo quản mẫu, hóa chất sinh phẩm	Sanyo	4	Nhiều môn	Huyết học
138	Tủ ấm CO2	Tủ ấm có khí CO2 trong nuôi cấy tế bào	SL SHEL LAB/ Đức / 2306-3 / 2006	1	Nhiều môn	Huyết học
139	Tủ ấm các loại	Tủ ấm	DRA	7	Nhiều môn	Huyết học
140	Tủ an toàn sinh học cấp 3 Esco	Thực hành vô khuẩn	ESCO/Indonesia/ AC3-4B1/2018	1	Nhiều môn	Huyết học
141	Tủ an toàn sinh học cấp 2 các loại	Thực hành vô khuẩn	ESCO/ Thermo	4	Nhiều môn	Huyết học
142	Kính hiển vi 5 mắt Nikon - Eclipse 50i	Đọc tiêu bản	Nikon/Nhật bản/ 2008	1	Nhiều môn	Huyết học

143	Kính hiển vi huỳnh quang và bộ camera lạnh Olympus BX41TF	Trong xn MDDT	Olympus/5 k12713/ 1994	1	Nhiều môn	Huyết học
144	Kính hiển vi soi ngược Axio Vert	Trong xn MDDT	Carl Zeiss / Đức/ 667915/ 2002	1	Nhiều môn	Huyết học
145	Cân tiểu ly Sartorius AG	Cân vi lượng	Sartorius/ Singapore/ ED114S	1	Nhiều môn	Huyết học
146	Block ủ nhiệt Torrey Pinesscientific Inc	PCR	SC20/Mỹ/3 230905	1	Nhiều môn	Huyết học
147	Tủ lạnh âm sâu Fiocchetti (tủ 2)	Lưu trữ mẫu và hóa chất - 20 độ C	Fiocchetti - Đức/2009	02	Nhiều môn	Huyết học
148	Hệ thống phân tích các yếu tố Miễn dịch Bioplex-200	Thực hiện các phản ứng định lượng Cytokine, HLA,	Biorad, Mỹ , 2013	01	Nhiều môn	Miễn dịch
149	Hệ thống chụp ảnh và phân tích hình ảnh gel	Chụp ảnh gel sau khi điện di, phân tích hình ảnh của gel	Nhật - 2015	01	Nhiều môn	Miễn dịch
150	Máy đọc ELISA	Đọc và phân tích kết quả của các xét nghiệm ELISA	Biorad, Nhật, 2002	01	Nhiều môn	Miễn dịch
151	Bộ chuyển phân	Chuyển phân	Labnet,	01	Nhiều môn	

	tử lên màng lai	tử từ gel sang màng giấy cenlulo để đọc là phân tích sau điện di	Anh, 2013			
152	Bộ điện di đứng loại nhỏ	Thực hiện điện di các protein trong môi trường gel	Labnet, Anh, 2013	02	Nhiều môn	Miễn dịch
153	Hệ thống điện di động 2 Gel	Thực hiện điện di các protein trong môi trường gel	Labnet, Anh, 2013	02	Nhiều môn	Miễn dịch
154	Máy nhân gene (PCR)	Thực hiện nhân bản ADN trong phản ứng PCR	Mỹ, 2013	01	Nhiều môn	Miễn dịch
155	Máy ly tâm	Ly tâm tách mẫu bệnh phẩm	Trung Quốc, 2016	01	Nhiều môn	Miễn dịch
156	Tủ sấy	Sấy khô dụng cụ thủy tinh, ủ mẫu huyết thanh với thuốc thử	Tây Ban Nha, 2013	01	Nhiều môn	Miễn dịch
157	Tủ lạnh thường	Lưu trữ hóa chất, sinh phẩm, lưu trữ mẫu trong thời gian ngắn ngày	Hitachi, Nhật, 2005	02	Nhiều môn	Miễn dịch

158	Tủ lạnh âm sâu - 80°C	Lưu trữ các mẫu cần điều kiện bảo quản nghiêm ngặt và thời gian lâu dài	Thermo Scientific, Trung Quốc, 2013	01	Nhiều môn	Miễn dịch
159	Tủ lạnh âm sâu - 30°C	Lưu trữ các mẫu bệnh phẩm cần lưu trữ ở điều kiện nghiêm ngặt và lâu.	Nhật, 2000	01	Nhiều môn	Miễn dịch
160	Bộ nguồn điện di	Cung cấp nguồn điện cho các buồng điện di	Đài Loan, 2013	02	Nhiều môn	Miễn dịch
161	Tủ an toàn sinh học cấp 02	Tạo môi trường an toàn để thao tác các kỹ thuật yêu cầu vô khuẩn cao (nuôi cấy tế bào, thao tác với các mẫu bệnh phẩm có nguy cơ lây lan cao...)	Thermo scientific – Mỹ, 2014	01	Nhiều môn	Miễn dịch
162	Tủ hút khí độc	Là khu vực để tiến hành pha hóa chất, thao tác với hóa chất có tính độc hại...	Hàn Quốc, 2014	01	Nhiều môn	Miễn dịch

163	Máy rửa dụng cụ bằng sóng siêu âm	Dùng để rửa và khử trùng các dụng cụ tiến hành thao tác thí nghiệm.	Úc, 2014	01	Nhiều môn	Miễn dịch
164	Máy ủ nhiệt khô	Ủ mẫu bệnh phẩm đến nhiệt độ thích hợp theo yêu cầu của thao tác thí nghiệm	Đài Loan, 2014	01	Nhiều môn	Miễn dịch
165	Máy ly tâm lạnh ống eppendorf	Sử dụng để ly tâm các loại ống eppendorf	Đức, 2014	01	Nhiều môn	Miễn dịch
166	Máy lọc nước siêu sạch	Sử dụng để sản xuất nước tinh khiết, phục vụ thí nghiệm	Anh, 2013	01	Nhiều môn	Miễn dịch
167	Máy PCR 96 giếng	Khuếch đại DNA	Applied Biosystems, Mỹ, 2008	1	Nhiều môn	Vi Sinh
168	Real-time PCR 96 giếng, 4 màu huỳnh quang	Khuếch đại DNA	Stratagene, Đức, 2008		Nhiều môn	Vi Sinh
169	Máy đo quang phổ SmartSpec Plus	Đo mật độ quang các loại mẫu	Bio-Rad, Mỹ, 2008	1	Nhiều môn	Vi Sinh
170	Máy quang phổ BioMate 3S	Đo mật độ quang các loại mẫu	Thermo Fisher, Mỹ, 2008	1	Nhiều môn	Vi Sinh

171	Kính hiển vi huỳnh quang	Quan sát tiêu bản nhuộm huỳnh quang	Nikkon, Nhật, 2008	1	Nhiều môn	Vi Sinh
172	Hệ thống tách chiết acid nucleic tự động công nghệ hạt từ	Tách chiết, tinh sạch acid nucleic	Sacace, Ý, 2018	1	Nhiều môn	Vi Sinh
173	Máy real-time PCR 96 giếng, 5 màu huỳnh quang	Khuếch đại DNA	Sacace, Ý, 2018	1	Nhiều môn	Vi Sinh
174	Máy ly tâm góc	Ly tâm mẫu	KUBOTA , Nhật, 1978	1	Nhiều môn	Vi Sinh
175	Máy ly tâm văng	Ly tâm mẫu	KUBOTA , Nhật, 2014	1	Nhiều môn	Vi Sinh
176	Máy ly tâm để bàn	Ly tâm mẫu	Denverinstrument, Mỹ, 2008	1	Nhiều môn	Vi Sinh
177	Máy Ly tâm lạnh để bàn	Ly tâm mẫu	Eppendorf centrifuge, Đức, 2008	1	Nhiều môn	Vi Sinh
178	Máy ly tâm lạnh để bàn	Ly tâm mẫu	Hettich, Đức, 2008	1	Nhiều môn	Vi Sinh
179	Buồng an toàn sinh học cấp II	Thao tác mẫu trong điều kiện an toàn sinh học	Esco, Singapore, 2008	1	Nhiều môn	Vi Sinh
180	Buồng an toàn sinh học cấp II	Thao tác mẫu trong điều kiện an toàn sinh học	JENCON PLS, , 2008	1	Nhiều môn	Vi Sinh
181	Buồng an toàn sinh học cấp II	Thao tác mẫu trong điều kiện an toàn sinh học	Nuaire, Mỹ, 2008	4	Nhiều môn	Vi Sinh

182	PCR cabinet	Chuẩn bị phản ứng PCR điều kiện an toàn sinh học	ESCO, Singapore, 2008	1	Nhiều môn	Vi Sinh
183	Kính hiển vi soi nổi	Phóng đại và hình ảnh lập thể của mẫu vật	Motic, 2008, HongKong			Vi Sinh
184	Kính hiển vi quang học		Nikon, Trung Quốc, 2016	4	Nhiều môn	Vi Sinh
185	Cân kỹ thuật		Sartorius, Canada, 2006		Nhiều môn	Vi Sinh
186	Cân phân tích		Prescisa, Thụy Sĩ,		Nhiều môn	Vi Sinh
187	Cân phân tích		METTLER TOLEDO, , 2006		Nhiều môn	Vi Sinh
188	Lò vi sóng		LG, Việt Nam, 2009		Nhiều môn	Vi Sinh
189	Nồi hấp tiệt trùng		TOMY, Nhật, 1998	2	Nhiều môn	Vi Sinh
190	Tủ sấy		Sanyo Oven, Nhật, 2008	3	Nhiều môn	Vi Sinh
191	Tủ làm đá		, Nhật, 2008	1	Nhiều môn	Vi Sinh
192	Máy chung nước cất 2 lần		Aquatron, , 2006		Nhiều môn	Vi Sinh
193	Máy làm nước		Water	1	Nhiều môn	Vi Sinh

	tinh sạch		Purification System, Pháp, 2008			
194	Máy lọc nước siêu sạch dùng trong sinh học phân tử		Ultra-pure water filter system, Pháp, 2008	1	Nhiều môn	Vi Sinh
195	Tủ đông sâu -20		Liebehrr, Úc, 1978		Nhiều môn	Vi Sinh
196	Tủ đông sâu -80		KANOOU, Nhật, 2014		Nhiều môn	Vi Sinh
197	Tủ đông sâu -80		SANYO, Nhật, 1998		Nhiều môn	Vi Sinh
198	Tủ đông sâu -80		SANYO, Nhật, 2008		Nhiều môn	Vi Sinh
199	Tủ đông sâu -20		SANYO, Nhật, 2008		Nhiều môn	Vi Sinh
200	Tủ đông sâu -20		SANYO, Nhật, 2008		Nhiều môn	Vi Sinh
201	Máy lắc		Labnet, Mỹ, 2008	1	Nhiều môn	Vi Sinh
202	Máy lắc đĩa		Thomas CLINICAL ROTATOR, Mỹ, 1978	1	Nhiều môn	Vi Sinh
203	Máy lắc trộn		ERICH WIEGAN D, Đức, 1978	1	Nhiều môn	Vi Sinh
204	Máy lắc trộn có gia nhiệt		Eppendorf, Đức, 2008	2	Nhiều môn	Vi Sinh
205	Máy lắc vòng		Bio-Rad, Mỹ, 2008	1	Nhiều môn	Vi Sinh

206	Máy lắc vòng		Labnet, Mỹ, 2008	1	Nhiều môn	Vi Sinh
207	Máy lắc ủ nhiệt		Labnet, Mỹ, 2008	1	Nhiều môn	Vi Sinh
208	Máy lai ProBlot		Labnet, Mỹ, 2008	1		Vi Sinh
209	Buồng điện di đứng loại nhỏ		Bio-Rad, Mỹ, 2011	1	Nhiều môn	Vi Sinh
210	Buồng điện di đứng loại lớn		Bio-Rad, Mỹ, 2011	1	Nhiều môn	Vi Sinh
211	Buồng điện di ngang loại nhỏ		Bio-Rad, Mỹ, 2011	1	Nhiều môn	Vi Sinh
212	Buồng điện di đứng loại lớn		Bio-Rad, Mỹ, 2011	1	Nhiều môn	Vi Sinh
213	Nguồn điện di đa chức năng		Bio-Rad, Mỹ, 2011	1		Vi Sinh
214	Thiết bị chuyển protein lên màng lai		Bio-rad, Mỹ, 2011	1		Vi Sinh
215	Buồng đọc điện di GelDoc		Bio-Rad, Mỹ, 2008	1	Nhiều môn	Vi Sinh
216	Buồng đọc điện di UV Transilluminator		UPV, Mỹ, 2008	1	Nhiều môn	Vi Sinh
217	Tủ âm		SANYO, Nhật, 2008	3	Nhiều môn	Vi Sinh
218	Tủ âm CO2		SANYO CO2, N, 2008	2	Nhiều môn	Vi Sinh
219	Buồng chung cách thủy	Chung cách thủy, ủ nhiệt	Lab Companion , Hàn Quốc, 2008	1	Nhiều môn	Vi Sinh

220	Buồng chưng cách thủy có lắc	Chung cách thủy, ủ nhiệt kèm lắc mẫu	Lab Companion, Hàn Quốc, 2008	1	Nhiều môn	Vi Sinh
221	Bình chứa nitrogen lỏng 10L			1	Nhiều môn	Vi Sinh
222	Bình chứa nitrogen lỏng 30L			1	Nhiều môn	Vi Sinh
223	Máy ấp trứng gà lộn			1	Nhiều môn	Vi Sinh
224	Máy soi phôi trứng gà lộn			1	Nhiều môn	Vi Sinh
225	Máy đo pH			1	Nhiều môn	Vi Sinh
226	Máy khuấy từ gia nhiệt			1	Nhiều môn	Vi Sinh
227	Pipette tự động			3	Nhiều môn	Vi Sinh

3. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Trong giai đoạn 2017 - 2023, Nhà trường đã thực hiện hơn 1000 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, bao gồm: 01 chương trình khoa học công nghệ cấp Bộ, 01 đề tài cấp Nhà nước, 02 đề tài Nghị định thư, 12 đề tài cấp Bộ và cấp Bộ trọng điểm, 02 đề tài Quỹ Nafosted, 05 đề tài cấp Tỉnh (Thừa Thiên Huế, Quảng Bình, Quảng Trị, Bình Định), 69 đề tài cấp Đại học Huế và các đề tài cấp Trường. Số giảng viên có bài đăng trên tạp chí trong nước và đặc biệt ở tạp chí quốc tế uy tín ngày càng tăng. Trong 5 năm qua, đã có 1.490 bài báo đăng trên các tạp chí trong nước và 593 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế.

Trong 5 năm từ 2018 - 2023, Khoa đã thực hiện 3 đề tài cấp Bộ (1 đề tài chủ nhiệm và 2 đề tài tham gia chính), 13 đề tài cấp Đại học Huế, 40 đề tài cấp Trường. Các cán bộ của Khoa đã có 53 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế chuyên ngành uy tín, 61 bài báo ở các tạp chí chuyên ngành trong nước. Các thầy cô tham gia báo cáo chuyên đề tại các hội nghị ngành RHM. Tham gia báo cáo và đạt giải tại các Hội nghị Khoa học cấp cơ sở và cấp Ngành/ cấp Nhà nước và tại các Hội nghị Khoa học quốc tế.

Bảng 2.4. Đề tài khoa học đã thực hiện trong 5 năm gần nhất tính đến ngày đơn vị đào tạo đề nghị mở ngành

STT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu	Ghi chú
I	Cấp Nhà nước				
II	Cấp Bộ, cấp tỉnh và tương đương				
1	Nghiên cứu bào chế và khả năng ức chế vi khuẩn gây bệnh viêm nha chu của gel chứa tiểu phân nano tinidazol	Đề tài cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo Mã số: B2022-DHH-19		Đang thực hiện	PGS.TS. Trần Tấn Tài (Thành viên chính) TS. Nguyễn Văn Minh (Thành viên chính)
2	Nghiên cứu khả năng tái sinh xương ổ răng của vật liệu ghép sticky bone chứa tế bào gốc tủy xương	Đề tài cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo Mã số: B2022-ĐHH-20		Đang thực hiện	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương (chủ nhiệm)
3	Nghiên cứu đặc tính và khả năng tái sinh mô sụn của tế bào đơn nhân tủy xương (bone marrow mononuclear cells) và giá thể fibrin giàu tiểu cầu (platelet-rich fibrin scaffold)	Cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo Mã số: B2020-ĐHH-12	Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu số 2643/QĐ-BGDĐT ngày 15/09/2022 Biên bản	Nghiệm thu, kết quả: đạt	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương (thư ký)

			họp hội đồng đánh giá nghiệm thu ngày 06/10/2022 Năm nghiệm thu: 2022		
III	Cấp Đại học Huế				
1	Nghiên cứu đánh giá kết quả điều trị phẫu thuật toàn diện dị tật bẩm sinh khe hở môi vòm miệng tại Huế	Đề tài cấp Đại học Huế Mã số: DHH 2016 – 04 - 60	Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu số 293/QĐ-ĐHH ngày 14/03/2019. Biên bản họp hội đồng đánh giá nghiệm thu ngày 04/04/2019. Năm nghiệm thu: 2019	Nghiệm thu, kết quả: Tốt	TS. Nguyễn Văn Minh (chủ nhiệm)
2	Nghiên cứu chẩn đoán và điều trị phẫu thuật u tuyến nước bọt mang tai	Đề tài cấp Đại học Huế Mã số: DHH2019-04-93	Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu số 290/QĐ-ĐHH ngày 10/03/2022. Biên bản họp hội	Đang thực hiện	PGS.TS. Trần Tấn Tài, TS. Nguyễn Văn Minh

			đồng đánh giá nghiệm thu ngày 01/04/2022. Năm nghiệm thu: 2022		
3	Đánh giá tái tạo khe hở xương ổ răng bằng màng fibrin giàu tiểu cầu kết hợp với bột xương nhân tạo	Đề tài cấp Đại học Huế Mã số: DHH 2019-04-89	Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu số 155/QĐ-ĐHH ngày 16/02/2022. Biên bản họp hội đồng đánh giá nghiệm thu ngày 13/04/2022. Năm nghiệm thu: 2022	Nghiệm thu, kết quả: Tốt	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương (chủ nhiệm)
4	Thực trạng sâu răng và hiệu quả của các biện pháp dự phòng sâu răng cho trẻ từ 3 – 5 tuổi ở một số trường mầm non tại thành phố Huế	Đề tài cấp Đại học Huế Mã số: DHH2020-04-131	Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu số 929/QĐ-ĐHH ngày 17/06/2022. Biên bản họp hội đồng đánh giá nghiệm	Nghiệm thu, kết quả: Tốt	PGS.TS. Trần Tấn Tài (chủ nhiệm)

			thu ngày 22/06/2022. Năm nghiệm thu: 2022		
5	Nghiên cứu đánh giá hiệu quả của các phương pháp điều trị sâu răng sớm trên răng cối lớn vĩnh viễn đang mọc	Đề tài cấp Đại học Huế Mã số: DHH 2023-04-205		Đang thực hiện	TS. Lê Văn Nhật Thăng (chủ nhiệm)
6	Nghiên cứu ứng dụng khí cụ chỉnh hình mũi – xương ổ răng (khí cụ N.A.M) ở trẻ dị tật khe hở môi vòm miệng toàn bộ một bên	Đề tài cấp Đại học Huế Mã số: DHH2023-04-187		Đang thực hiện	PGS. TS. Trần Tấn Tài (tham gia chính)
7	Đánh giá kết quả điều trị của Laser Diode sử dụng tổng mức năng lượng thấp ở bệnh nhân sau phẫu thuật nhổ răng khôn hàm dưới	Đề tài cấp Đại học Huế Mã số: DHH2022-04-168		Đang thực hiện	TS. Đặng Minh Huy (chủ nhiệm)
8	Nghiên cứu mối tương quan giữa vị trí của lõi cầu xương hàm dưới và rối loạn thái dương hàm	Đề tài cấp Đại học Huế Mã số: DHH 2017-04-73	Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu số 1797/QĐ-DHH ngày 31/12/2019. Biên bản	Nghiệm thu kết quả: Tốt	TS. Phan Anh Chi (chủ nhiệm)

			họp hội đồng đánh giá nghiệm thu ngày 19/02/2020. Năm nghiệm thu: 2020		
9	Nghiên cứu mối liên hệ giữa sinh trắc học dấu vân tay và một số bệnh lý răng miệng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Đề tài cấp Đại học Huế Mã số: DHH 2022-04-171		Đang thực hiện	TS. Nguyễn Thị Thanh Hoàng (chủ nhiệm)
10	Đánh giá hiệu quả của các phương pháp vệ sinh răng miệng trong kiểm soát và dự phòng hôi miệng	Đề tài cấp Đại học Huế Mã số: DHH 2023-04-192		Đang thực hiện	TS. Nguyễn Thị Nhật Vy (chủ nhiệm)
11	Đặc điểm của chứng nghiến răng khi ngủ ở người trưởng thành và giá trị của các phương pháp chẩn đoán.	Đề tài cấp Đại học Huế Mã số: DHH2022-04-174		Đang thực hiện	TS. Nguyễn Gia Kiều Ngân (chủ nhiệm)
12	Nghiên cứu áp dụng đường rạch sau hàm trong điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới	Đề tài cấp Đại học Huế Mã số: DHH2023-04-185		Đang thực hiện	TS. Nguyễn Văn Minh (chủ nhiệm)

Trên cơ sở năng lực chuyên môn được đào tạo của các cán bộ tham gia đào tạo cũng như năng lực cơ sở vật chất của Trường, học viên có thể lựa chọn thực hiện đề tài luận án theo các hướng sau:

Bảng 2.5. Các hướng nghiên cứu đề tài luận án và dự kiến người hướng dẫn

STT	Hướng nghiên cứu	Họ tên, trình độ, chức danh người hướng dẫn thực hiện	Số lượng học viên
1	Ứng dụng tiến bộ công nghệ trong cấy ghép nha khoa	PGS.TS. Trần Tấn Tài	2
2	Liên quan giữa bệnh nha chu và bệnh toàn thân	PGS.TS. Trần Tấn Tài	1
3	Rối loạn thái dương hàm trong cộng đồng và các yếu tố nguy cơ	TS. Nguyễn Gia Kiều Ngân TS. Nguyễn Thị Nhật Vy	1
4	Nghiến răng, ngưng thở khi ngủ và các vấn đề về chức năng miệng	TS. Nguyễn Gia Kiều Ngân PGS. TS. Hoàng Anh Tiến	2
5	Liệu pháp phân phối thuốc tại chỗ trong điều trị nha chu	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương	1
6	Ứng dụng vật liệu sinh học chứa tế bào trong tái tạo xương ổ răng	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương TS. Nguyễn Thanh Tùng	1
7	Ứng dụng vật liệu sinh học trong nha khoa phục hồi	TS. Phan Anh Chi	1
8	Mối liên quan giữa sức khỏe răng miệng và sức khỏe toàn thân	TS. Nguyễn Thị Nhật Vy TS. Nguyễn Thị Thùy Dương, TS. Nguyễn Văn Minh	1
9	Ứng dụng tiến bộ công nghệ trong việc nâng cao sức khỏe răng miệng	TS. Nguyễn Thị Nhật Vy TS. Nguyễn Gia Kiều Ngân	1
10	Điều trị sai khớp cắn hạng II bằng khí cụ Twin block cải tiến ở bệnh nhân đang tăng trưởng	TS. Phan Anh Chi	1
11	Tác động lên lời cầu của khí cụ chức năng Twin block cải tiến	TS. Phan Anh Chi	1

12	Tái lập khớp cắn theo nguyên lý OCTA	TS. Phan Anh Chi	1
13	Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong chẩn đoán các bệnh lý Răng Hàm Mặt	TS. Lê Văn Nhật Thăng PGS.TS. Trần Tấn Tài TS. Nguyễn Văn Minh TS. Nguyễn Thị Thùy Uyên	3
14	Ứng dụng thực tế ảo/in 3D trong giáo dục/ điều trị nha khoa	TS. Lê Văn Nhật Thăng PGS.TS. Trần Tấn Tài TS. Nguyễn Văn Minh TS. Đặng Minh Huy	2
15	Nha khoa trẻ em: ứng dụng tế bào gốc/vật liệu sinh học/laser, chỉnh nha tăng trưởng, dự phòng sâu răng ở trẻ em có nhu cầu chăm sóc sức khỏe đặc biệt, hiệu quả của thuốc an thần trong chữa răng trẻ em, phục hình răng sữa bằng mào làm sẵn, kém khoáng hóa men răng cối lớn - răng cửa (MIH)	TS. Lê Văn Nhật Thăng PGS.TS. Trần Tấn Tài TS. Nguyễn Văn Minh TS. Phan Anh Chi	3
16	Ứng dụng vật liệu CAD/CAM trong nha khoa phục hồi	TS. Đặng Minh Huy	1
17	Phục hình cá nhân hóa trên implant	TS. Đặng Minh Huy	1
18	Ung thư niêm mạc miệng: Dấu ấn sinh học (biomarker) trong ung thư miệng, Phẫu thuật tái tạo sau PT cắt ung thư	TS Trần Xuân Phương, TS. Nguyễn Văn Minh	1
19	Bệnh lý khối u tuyến nước bọt mang tai: Hóa mô miễn dịch, giải phẫu TK VII, điều trị phẫu thuật	TS. Nguyễn Văn Minh, PGS. Nguyễn Văn Mão	1
20	Chấn thương hàm mặt: ứng dụng tái tạo 3D, sử dụng vật liệu mới, phương	TS. Nguyễn Văn Minh	1

	pháp PT mới		
21	Tạo hình hàm mặt	TS. Nguyễn Văn Minh, TS. Lê Hồng Phúc	1
22	Laser trong nha khoa	TS. Nguyễn Văn Minh, TS. Đặng Minh Huy	1
23	Khiếm khuyết bẩm sinh KHM-VM: Gen, điều trị toàn diện	TS. Nguyễn Văn Minh, TS. Lê Văn Nhật Thăng	1
24	Implant nha khoa	PGS. Trần Tấn Tài, TS. Nguyễn Văn Minh	1
25	Phẫu thuật Nha chu	PGS.TS. Trần Tấn Tài, TS. Nguyễn Văn Minh, TS. Nguyễn Thị Thùy Dương	1
26	Liệu pháp giảm đau trong nha khoa	TS. Nguyễn Thị Thanh Hoàng	1
27	Ảnh hưởng của Covid-19 đối với nha khoa	TS. Nguyễn Thị Thanh Hoàng	1

Các công trình đã công bố của giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu

Từ kết quả các đề tài đã thực hiện, trong 5 năm qua các cán bộ cơ hữu của Khoa RHM đã công bố trên 151 bài báo trên các tạp chí quốc gia và quốc tế. Kết quả công bố này góp phần khẳng định năng lực nghiên cứu khoa học của các cán bộ thuộc Khoa.

Bảng 2.6. Danh mục các công trình đã công bố của cán bộ cơ hữu trong 5 năm

STT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm	Nguồn công bố	Ghi chú
1	Oral Health Status of Patients with Repair Cleft lip and Palate in Central Vietnam	PGS. TS. Nguyễn Toại	2019	Oral Health & Preventive Dentistry Sep/Oct 2019. Vol. 17(5), 457-463.	Đồng tác giả
2	Association of Temporomandibular Joint	PGS. TS. Nguyễn	2019	East Asian Archives of Psychiatry 29(1),20.	Đồng tác giả

	Osseous Changes with Anxiety, Depression, and Limitation of Mandibular Function in Elderly Vietnamese	Toại			
3	Oral Health Behaviour and Oral Health Status of Elderly Vietnamese.	PGS. TS. Nguyễn Toại	2018	Oral Health & Preventive Dentistry 16 (2), 153–161.	Đồng tác giả
4	Early Childhood Caries and Risk Factors in Vietnam	PGS. TS. Nguyễn Toại	2018	Journal of Clinical Pediatric Dentistry	Đồng tác giả
5	Nasolabial aesthetics of patients with repaired unilateral cleft lip and palate: A comparison of three rating methods in two countries	PGS. TS. Nguyễn Toại	2018	Journal of Cranio-Maxillo-Facial Surgery	Đồng tác giả
6	Phương pháp phẫu thuật u đa hình tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII: báo cáo 1 trường hợp tại bệnh viện trường Đại học Y Dược Huế	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 4/2018	Kỹ yếu khoa học BV Trường Đại học Y Dược Huế NXB Đại học Huế	Đồng tác giả
7	Khảo sát mòn răng và các yếu tố liên quan ở người trên 18 tuổi đến khám tại bệnh viện Đại học Y Dược Huế	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 6/2018	Tạp chí Y Dược học ISSN 1859-3836	Tác giả chính
8	Đánh giá những biến dạng môi mũi ở bệnh nhân sau tạo hình khe hở môi một bên lần đầu	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 10/ 2018	Tạp chí Y Dược học ISSN 1859-3836	Đồng tác giả

9	Đánh giá kết quả phẫu thuật nhỏ răng khôn hàm dưới lệch ngầm có sử dụng laser công suất thấp.	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 12/ 2018	Tạp chí Y Dược học ISSN 1859-3836	Tác giả liên hệ
10	Thực trạng bệnh nha chu, kiến thức, thái độ, thực hành và nhu cầu điều trị ở phụ nữ mang thai	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 12/ 2018	Tạp chí Y Dược học ISSN 1859-3836	Tác giả liên hệ
11	Khảo sát vị trí đỉnh viền nướu và tỷ lệ chiều cao gai nướu ở nhóm răng trước hàm trên	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 12/ 2018	Tạp chí Y Dược học ISSN 1859-3836	Tác giả liên hệ
12	Đánh giá kết quả cấy ghép nha khoa tức thì sau nhổ răng	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 12/ 2018	Tạp chí Y Dược học ISSN 1859-3836	Tác giả liên hệ
13	So sánh hiệu quả của trám quay liên tục Hyflex và trám tay thông thường trong điều trị nội nha ở ống tủy ngoài gần của răng cối lớn thứ nhất hàm dưới	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 4/2019	Tạp chí Y Dược học ISSN 1859-3836	Tác giả chính
14	Nghiên cứu áp dụng phương pháp Champy trong điều trị gãy góc xương hàm dưới	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 4/2019	Tạp chí Y Dược học ISSN 1859-3836	Đồng tác giả
15	Đánh giá sự vững ổn lâm sàng ở bệnh nhân được cấy ghép nha khoa tức thì sau nhổ răng ở nhóm răng cửa và tiền hàm hàm trên	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 11/ 2019	Tạp chí Y Học Thực Hành ISSN 1859-1663	Đồng tác giả

16	Caries status and risk factors among urban and rural primary students in Thua Thien Hue province, Vietnam.	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 11/ 2020	Journal of Global Health Science. ISSN: 2671-6933.	Tác giả chính
17	Impact of School-Based Oral Health Education on Vietnamese Adolescents: A 6-Month Study	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 3/2021	International Journal of Environmental Research and Public Health ISSN: 1660- 4601	Đồng tác giả
18	Establishment and Characterization of Rabbit Model for Alveolar Bone Regeneration	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 5/2021	Journal of International Dental and Medical Research ISSN 1309-100X	Đồng tác giả
19	Khảo sát đặc điểm lâm sàng, x quang và kết quả điều trị phẫu thuật gãy xương hàm trên	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 8/ 2021	Tạp chí Y Dược học ISSN 1859-3836	Tác giả chính
20	Đánh giá kết quả phẫu thuật gãy phức hợp hàm - gò má theo đường rạch trán – thái dương	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 10/ 2021	Tạp chí Y Dược học ISSN 1859-3836	Tác giả liên hệ
21	Effect of Two Nonsurgical Periodontal Treatment Modalities in Type 2 Diabetes Mellitus Patients with Chronic Periodontitis: A Randomized Clinical Trial	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 11/ 2021	The Journal of Contemporary Dental Practice ISSN: 1526-3711	Tác giả chính
22	Đánh giá kết quả phẫu thuật u hỗn hợp tuyến nước bọt mang tai	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 12/ 2021	Tạp chí Y Dược học ISSN 1859-3836	Tác giả liên hệ

23	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng u tuyến nước bọt mang tai tại bệnh viện trường Đại học Y Dược Huế	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 12/ 2021	Tạp chí Y Dược học ISSN 1859-3836	Đồng tác giả
24	Các yếu tố liên quan đến kết quả điều trị phẫu thuật gãy xương gò má cung tiếp bằng nẹp vít nhỏ	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 12/ 2021	Tạp chí Y Dược học ISSN 1859-3836	Tác giả liên hệ
25	Current status of oral disease among 3-5 year-old children in some kindergartens in Hue city in 2019	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 12/ 2021	Journal of Medicine and Pharmacy ISSN 1859-3836	Tác giả chính
26	Periodontal status in hypertensive patients at Hue University of Medicine and Pharmacy Hospital	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 12/ 2021	Journal of Medicine and Pharmacy ISSN 1859-3836	Tác giả chính
27	Thực trạng bệnh quanh răng và các yếu tố liên quan ở người cao tuổi thành phố Huế	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 12/ 2021	Tạp chí Y tế Công cộng ISSN 1859-1132	Tác giả chính
28	Adherence to COVID-19 Preventive Measures among Dental Care Workers in Vietnam: An Online Cross-Sectional Survey	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 01/ 2022	International Journal of Environmental Research and Public Health ISSN: 1660- 4601	Tác giả chính
29	Khảo sát tình trạng nha chu ở bệnh nhân mắc bệnh mạch vành tại bệnh viện trường Đại học Y Dược Huế	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 02/ 2022	Tạp chí Y Dược học ISSN 1859-3836	Tác giả chính

30	Nghiên cứu in vitro tác dụng của gel glycerine và băng mylar lên khả năng khít sát bề mặt của inlay gắn bằng composite	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 02/ 2022	Tạp chí Y Dược học ISSN: 1859-3836	Tác giả liên hệ
31	Community-based Interventions to Prevent Dental Caries among Kindergarten Children in Vietnam: A 12-month Study of Field Trial	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 02/ 2022	The Journal of Contemporary Dental Practice ISSN: 1526-3711	Tác giả chính
32	Khảo sát tình hình sâu răng sữa và các yếu tố liên quan ở trẻ mầm non thành phố Huế năm 2020	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 4/2022	Tạp chí Y Dược học ISSN: 1859-3836	Tác giả chính
33	Tình hình bệnh răng miệng và các yếu tố liên quan của người cao tuổi tại khu vực vùng B Đại Lộc, Quảng Nam năm 2020	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 6/2022	Tạp chí Y Dược học ISSN: 1859-3836	Tác giả liên hệ
34	So sánh kết quả lâm sàng sau phẫu thuật nhổ răng khôn hàm dưới lệch ngầm bằng vật tam giác và vật hình phễu	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 6/2022	Tạp chí Y Dược học ISSN: 1859-3836	Tác giả liên hệ
35	Huế dental students' use and perception of an online dental learning platform: A pilot study	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 12/ 2022	Journal of Dental Education ISSN: 00220337, 19307837	Đồng tác giả

36	Khảo sát tình hình bệnh nha chu ở trẻ độ tuổi mầm non tại thành phố Huế	PGS. TS. Trần Tấn Tài	Tháng 6/2023	Tạp chí Y Dược học ISSN: 1859-3836	Tác giả chính
37	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và hình thái thần kinh VII ở bệnh nhân phẫu thuật u tuyến nước bọt mang tai	TS. Nguyễn Văn Minh	2023	Tạp chí Y Dược học- Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
38	Đánh giá kết quả lâu dài của điều trị nha chu đối với chỉ số nha chu và đường huyết ở bệnh nhân đái tháo đường týp 2	TS. Nguyễn Văn Minh	2022	Tạp chí Y Dược học- Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả chính
39	Đánh giá tình trạng nha chu và các mối liên quan ở bệnh nhân đái tháo đường týp 2 có viêm nha chu	TS. Nguyễn Văn Minh	2022	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108	Tác giả chính
40	Đánh giá kết quả điều trị u tuyến nước bọt mang tai tại bệnh viện trường đại học Y Dược Huế	TS. Nguyễn Văn Minh	2022	Tạp chí Y Dược học- Trường đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
41	Temporalis Muscle Flap for the Immediate Reconstruction of Oral defects after Oncologic Resection	TS. Nguyễn Văn Minh	2021	Case Rep Oncol 2021	Đồng tác giả
42	Formulation and characterization of hydroxyethyl cellulose-based gel containing metronidazole-	TS. Nguyễn Văn Minh	2021	International Journal of Biological Macromolecules	Đồng tác giả

	loaded solid lipid nanoparticles for buccal mucosal drug delivery				
43	Đánh giá hiệu quả điều trị nha chu không phẫu thuật có/không có hỗ trợ laser diode lên kiểm soát đường huyết ở bệnh nhân đái tháo đường tít 2: nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng có đối chứng	TS. Nguyễn Văn Minh	2021	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108	Tác giả chính
44	Đánh giá hiệu quả điều trị viêm nha chu có hỗ trợ laser diode lên kiểm soát đường huyết, protein phản ứng C, và các cytokine viêm ở bệnh nhân đái tháo đường tít 2	TS. Nguyễn Văn Minh	2021	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108	Tác giả chính
45	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng u tuyến nước bọt mang tai tại bệnh viện trường đại học Y Dược Huế	TS. Nguyễn Văn Minh	2021	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
46	Nghiên cứu áp dụng phương pháp Champy trong điều trị gãy góc hàm xương hàm dưới	TS. Nguyễn Văn Minh	2019	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
47	Đánh giá ảnh hưởng của điều trị nha chu đối với kiểm soát đường huyết trên bệnh nhân đái tháo đường tít 2	TS. Nguyễn Văn Minh	2019	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả chính

48	So sánh vi kẽ vùng chóp răng khô giữa kỹ thuật trám bít ống tủy một côn và lèn dọc với các xi măng khác nhau	TS. Phan Anh Chi	2019	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả chính
49	Nghiên cứu vị trí lồi cầu ở tương quan trung tâm và ở lồng mũi tối đa trên hình ảnh cắt lớp vi tính hình nón	TS. Phan Anh Chi	2019	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả chính
50	Đánh giá in vitro vi kẽ trong phục hồi xoang loại II bằng inlay sứ zirconia	TS. Phan Anh Chi	2019	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
51	Nghiên cứu đặc điểm hình thái mô mềm mặt nghiêng trên sinh viên trường đại học y dược huế	TS. Phan Anh Chi	2019	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
52	Nghiên cứu in vitro sự thay đổi độ cong tủy và thời gian sửa soạn bằng trám safesider	TS. Phan Anh Chi	2020	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
53	Microleakage of class II restoration: an in vitro study	TS. Phan Anh Chi	2020	Southeast-Asian J. of Sciences	Tác giả chính
54	Comparison of the results of pit and fissure sealing in the first molar mandible by glass ionomercement and composite in age 6 - 8	TS. Phan Anh Chi	2020	Southeast-Asian J. of Sciences	Tác giả chính
55	Đánh giá kết quả điều trị viêm tủy có khả năng hồi phục của biodentine	TS. Phan Anh Chi	2021	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả chính

56	Đánh giá kết quả điều trị loạn năng thái dương hàm tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt thành phố Hồ Chí Minh	TS. Phan Anh Chi	2021	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả chính
57	Clinical effect of endodontic debridement for acute apical inflammation	TS. Phan Anh Chi	2021	Tạp chí Y Dược học, Trường đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả chính
58	Đánh giá hiệu quả của phương pháp không phẫu thuật đối với viêm quanh implant	TS. Phan Anh Chi	2022	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả chính
59	Nghiên cứu khả năng duy trì trục ống tuỷ của hai hệ thống trâm quay máy waveone gold và protaper next trên ống tuỷ nhựa	TS. Phan Anh Chi	2022	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
60	An in vitro scanning electron microscopic study: smear layer removal by chelat activation methods	TS. Phan Anh Chi	2022	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả chính
61	Comparison of colour improvement and stability of white spot lesions following infiltration, micro-abrasion, or cpp-acp treatments in vitro	TS. Phan Anh Chi	2022	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả chính
62	Effect of high-concentration bleaching agents on dentin bonding: an in vitro study	TS. Phan Anh Chi	2022	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả chính

63	Nghiên cứu invitro đánh giá sự ảnh hưởng của hiệu ứng vành đai và độ sâu chót lên độ kháng gãy của răng đã điều trị nội nha được gia cố bằng chót sợi	TS. Phan Anh Chi	2023	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả chính
64	Điều trị tăng sắc tố nướu bằng laser diode	TS. Phan Anh Chi	2023	Tạp chí y học lâm sàng	Tác giả chính
65	Nghiên cứu in vitro: môi trường lưu trữ tối ưu của răng sau khi rời khỏi xương ổ răng	TS. Phan Anh Chi	2023	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả chính
66	The effect of two-step surface modification for Ti-Ta-Mo-Zr alloys on bone regeneration: An evaluation using calvarial defect on rat model	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương	2018	Applied surface science	Đồng tác giả
67	In vitro wear behavior between enamel cusp and three aesthetic restorative materials: Zirconia, porcelain, and composite resin	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương	2019	Journal of Advanced Prosthodontics	Đồng tác giả
68	In vivo bone regeneration by differently designed titanium membrane with or without surface treatment: a study in rat calvarial defects	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương	2019	Journal of Tissue Engineering	Đồng tác giả
69	Effect of strontium doping on the biocompatibility of calcium phosphate-coated titanium substrates	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương	2019	Journal of Applied Biomaterials & Functional Materials	Tác giả chính

70	Effect of the surface treatment and hole size of pure titanium mesh on new bone formation	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương	2019	Emerging Materials Research	Đồng tác giả
71	Osteogenesis-related gene expression and guided bone regeneration of strontium-doped calcium-phosphate coated titanium mesh	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương	2019	ACS Biomaterials Science and Engineering	Tác giả chính
72	Đánh giá sự nhiễm màu thực phẩm lên men răng: Nghiên cứu in vitro	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương	2020	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả chính
73	So sánh kết quả điều trị phục hồi tổn thương mòn cổ răng bằng Composite và Glass ionomer cement	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương	2020	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả chính
74	So sánh vi kẽ phục hồi xoang V bằng cement thủy tinh và composite kết hợp vật liệu bảo vệ miếng trám	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương	2021	Tạp chí Y Dược học, Trường đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả chính
75	Nghiên cứu khả năng tái tạo xương ổ răng bằng bột xương nhân tạo in vivo	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương	2021	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả chính
76	Establishment and Characterization of Rabbit Model for Alveolar Bone Regeneration	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương	2021	Journal of International Dental and Medical Research	Tác giả chính

77	So sánh hiệu quả làm sạch calcium hydroxide trong ống tủy bằng các phương pháp bơm rửa khác nhau: nghiên cứu in vitro	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương	2021	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả liên hệ
78	Effect of Two Nonsurgical Periodontal Treatment Modalities in Type 2 Diabetes Mellitus Patients with Chronic Periodontitis: A Randomized Clinical Trial	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương	2021	The Journal of Contemporary Dental Practice	Tác giả liên hệ
79	Đánh giá kết quả điều trị viêm nha chu bằng phương pháp không phẫu thuật với sự hỗ trợ của gel nghệ đặt tại chỗ	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương	2022	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả liên hệ
80	Nghiên cứu in vitro: so sánh hiệu quả tẩy trắng răng nhiễm màu do thức uống có màu khác nhau	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương	2022	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả chính
81	Nhận xét đặc điểm lâm sàng và các yếu tố liên quan đến tình trạng viêm nha chu mạn tính trên bệnh nhân đến khám tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương	2023	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả liên hệ
82	Đánh giá in vitro độ chính xác của máy định vị chóp răng thể hệ thứ 4 Apex ID	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương	2023	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả liên hệ

83	Osteochondral Regeneration Ability of Uncultured Bone Marrow Mononuclear Cells and Platelet-Rich Fibrin Scaffold	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương	2023	Bioengineering	Đồng tác giả
84	Hiệu quả làm sạch calcium hydroxide trong ống tủy của phương pháp bơm rửa kết hợp trâm quay ProTaper và bơm rửa siêu âm: nghiên cứu <i>in vitro</i>	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương	2023	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả chính
85	Khảo sát tình trạng sâu răng sữa ở trẻ 2-4 tuổi tại một số trường mầm non, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng năm 2022	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương	2023	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả chính
86	Khảo sát tình hình bệnh nha chu ở trẻ độ tuổi mầm non tại thành phố Huế	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương	2023	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
87	Comparison of full-mouth and partial-mouth disinfection modalities in nonsurgical periodontal treatment for periodontitis: a randomized clinical trial in vietnam	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương	2023	Journal of Medicine and Pharmacy	Tác giả chính
88	Stem cell therapies for periodontal tissue regeneration: A meta-analysis of clinical trials	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương	2023	Journal of Oral Biology and Craniofacial Research	Tác giả chính

89	Potentiation of the Glycine Response by Bisphenol A, an Endocrine Disrupter, on the Substantia Gelatinosa Neurons of the Trigeminal Subnucleus Caudalis in Mice	TS. Nguyễn Thị Thanh Hoàng	2020	Chemical Research in Toxicology	Tác giả chính
90	Modulation of inhibitory and excitatory neurotransmissions by Zn ²⁺ on the substantia gelatinosa neurons of the trigeminal subnucleus caudalis in mice	TS. Nguyễn Thị Thanh Hoàng	2019	General Physiology and Biophysics	Tác giả chính
91	Potentiation of the glycine response by serotonin on the substantia gelatinosa neurons of the trigeminal subnucleus caudalis in mice	TS. Nguyễn Thị Thanh Hoàng	2019	The Korean Journal of Physiology and Pharmacology	Tác giả chính
92	Potential for reversing miR-634-mediated cytoprotective processes to improve efficacy of chemotherapy against oral squamous cell carcinoma.	TS. Trần Xuân Phương	2022	Molecular Therapy Oncolytics	Tác giả chính
93	Khảo sát vị trí đỉnh viền nướu và tỷ lệ chiều cao gai nướu ở nhóm răng trước hàm trên.	TS. Trần Xuân Phương	2018	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
94	Tình trạng nha chu của bệnh nhân đái tháo đường típ 2 tại bệnh viện trường Đại học Y Dược Huế.	TS. Trần Xuân Phương	2016	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả liên hệ

95	Concerning perceived and clinically-measured levels of halitosis	TS. Nguyễn Thị Nhật Vy	2022	Journal of Breath Research	Đồng tác giả
96	Periodontal health predicts self-rated general health: A time-lagged cohort study	TS. Nguyễn Thị Nhật Vy	2022	Community Dentistry and Oral Epidemiology	Tác giả chính
97	Impact of School-Based Oral Health Education on Vietnamese Adolescents: A 6-Month Study	TS. Nguyễn Thị Nhật Vy	2021	International Journal of Environmental Research and Public Health	Tác giả chính
98	Difference in virulence and composition of a cariogenic biofilm according to substratum direction	TS. Đặng Minh Huy	2018	Sci Rep. 8(1); 6244	Tác giả chính
99	Dentist Job Satisfaction: A Systematic Review and Meta-analysis	TS. Đặng Minh Huy	2021	Int Dent J., S0020-6539(20)36549-7. doi: 10.1016/j.identj.2020.12.018	Đồng tác giả
100	Huế dental students' use and perception of an online dental learning platform: A pilot study	TS. Nguyễn Gia Kiều Ngân	2022	Journal of Dental Education	Đồng tác giả
101	Community-based Interventions to Prevent Dental Caries among Kindergarten Children in Vietnam: A 12-month Study of Field Trial	TS. Nguyễn Gia Kiều Ngân	2022	Journal of Contemporary Dental Practice	Đồng tác giả

102	To investigate clinical manifestations of temporomandibular disorders in adult patients at Hue University of Medicine and Pharmacy hospital	TS. Nguyễn Gia Kiêu Ngân	2021	Journal of Medicine and Pharmacy, Hue UMP.	Tác giả chính
103	A rat model for inducing temporomandibular anterior disc displacement experimentally	TS. Nguyễn Gia Kiêu Ngân	2020	Journal of Oral Science	Tác giả chính
104	Prediction Model for Future Success of Early Orthopedic Treatment of Class III Malocclusion	TS. Lê Văn Nhật Thăng	2023	Children	Tác giả chính
105	Khảo sát tình hình bệnh nha chu ở trẻ độ tuổi mầm non tại thành phố Huế	TS. Lê Văn Nhật Thăng	2023	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
106	National Patterns and Characteristics in Pediatric Dental Emergency Visits for Dental Conditions	TS. Lê Văn Nhật Thăng	2022	Journal of the Korean Academy of Pediatric Dentistry	Đồng tác giả
107	Effectiveness of Human–Artificial Intelligence Collaboration in Cephalometric Landmark Detection	TS. Lê Văn Nhật Thăng	2022	Journal of Personalized Medicine	Tác giả chính
108	Estimating Cervical Vertebral Maturation with a Lateral Cephalogram Using the Convolutional Neural Network	TS. Lê Văn Nhật Thăng	2021	Journal of Clinical Medicine	Đồng tác giả

109	Evaluating the Checklist for Artificial Intelligence in Medical Imaging (CLAIM)-Based Quality of Reports Using Convolutional Neural Network for Odontogenic Cyst and Tumor Detection	TS. Lê Văn Nhật Thăng	2021	Applied Sciences	Tác giả chính
110	Dentist Job Satisfaction: A Systematic Review and Meta-analysis	TS. Lê Văn Nhật Thăng	2021	International Dental Journal	Tác giả chính
111	Identification of Mesiodens Using Machine Learning Application in Panoramic Images	TS. Lê Văn Nhật Thăng	2021	Journal of the Korean Academy of Pediatric Dentistry	Đồng tác giả
112	Risk Factors for Early Childhood Caries: An Umbrella Review	TS. Lê Văn Nhật Thăng	2021	Pediatric Dentistry	Tác giả chính
113	Deep Anatomical Context Feature Learning for Cephalometric Landmark Detection	TS. Lê Văn Nhật Thăng	2021	IEEE Journal of Biomedical and Health Informatics	Đồng tác giả
114	Treatment of pre-eruptive intracoronal resorption: A systematic review and case report	TS. Lê Văn Nhật Thăng	2020	Journal of Dental Sciences	Tác giả chính
115	Comparison of students' readiness from six health education programs for interprofessional learning in Vietnam: a cross-sectional study	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2023	BMC Medical Education	Đồng tác giả

116	Perceptions and experiences of primary healthcare providers toward interprofessional collaboration in chronic disease management in Hue, Vietnam	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2023	Journal of Interprofessional Care	Đồng tác giả
117	Orofacial dysfunction screening examinations in children with sleep-disordered breathing symptoms	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2023	Journal of Clinical Pediatric Dentistry	Đồng tác giả
118	Mental health and its determinants among adolescents living in families with separated or divorced parents in an urban area of Vietnam	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2023	Osong Public Health and Research Perspectives	Đồng tác giả
119	Association between continuity of primary care and health outcomes among people with type 2 diabetes and/or hypertension at primary care settings in Central Vietnam	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2023	Population Medicine (Special Issue 17th World Congress on Public Health Supplement/2023 vol. 5)	Đồng tác giả
120	Using virtual reality in a blended learning course of clinical reasoning competency in primary care: A case study in Central Vietnam	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2023	Population Medicine (Special Issue 17th World Congress on Public Health Supplement/2023 vol. 5)	Đồng tác giả

121	Undergraduate Medical Education Reform in Viet Nam for a Primary Health Care Workforce	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2022	Anuals of Global health	Đồng tác giả
122	Estimation of the cardiovascular risk using world health organization/ international society of hypertension risk prediction charts in Central Vietnam	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2020	PLoS ONE	Đồng tác giả
123	Primary care quality in Vietnam: Perceptions and opinions of primary care physicians in commune health centers - a mixed-methods study	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2020	PLoS ONE	Đồng tác giả
124	Development and validation of the Vietnamese Primary Care Assessment Tool version – Provider version	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2019	Primary Health Care Research & Development	Đồng tác giả
125	Patient experiences of primary care quality amongst different types of health care facilities in central Vietnam	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2019	BMC Health Services Research	Đồng tác giả
126	Development and validation of the Vietnamese primary care assessment tool	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2018	PLoS ONE	Đồng tác giả
127	Prevalence, Awareness, Treatment, and Control of	PGS.TS. Nguyễn	2018	International Journal of Hypertension	Đồng tác giả

	Hypertension and its risk factors in Central Vietnam	Minh Tâm			
128	Willingness-to-pay for family-based health insurance: Findings from household and health facility surveys in Central Vietnam	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2018	Global Journal of Health Science	Đồng tác giả
129	Risk screening, nutrition assessment and associated factors of malnutrition among elderly inpatients in Hue University of Medicine and Pharmacy Hospital	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2023	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
130	Đánh giá mức độ sẵn sàng của sinh viên về mô hình học tập hỗn hợp blended learning có sử dụng mô phỏng thực tại ảo	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2022	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
131	Peer assessment approach to promote clinical communication skills in a blended learning course of early clinical exposure	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2022	Journal of Medicine and Pharmacy, Hue University of Medicine and Pharmacy, Hue University	Đồng tác giả
132	Tình hình mắc bệnh glôcôm và các yếu tố liên quan của người trên 40 tuổi tại thành phố Huế	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2021	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
133	Xây dựng danh mục tương tác thuốc có ý nghĩa lâm sàng tại Phòng khám Bác sĩ gia đình	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2021	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả

134	Xây dựng hệ thống thông tin địa lý quản lý khám chữa bệnh ban đầu tỉnh Thừa Thiên Huế	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2021	Kỷ yếu HN sáng tạo KHKT tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2020, Kỷ yếu HN sáng tạo KHKT toàn quốc năm 2020-2021	Tác giả chính
135	Đánh giá nhận thức và thực hành của sinh viên trong chương trình thực hành lâm sàng sớm ở tuyến chăm sóc ban đầu tại trường Đại học Y Dược Huế	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2021	Kỷ yếu HN quốc gia về giáo dục y khoa lần thứ 5	
136	Tích hợp các phương pháp giảng dạy kỹ năng giao tiếp y khoa cho sinh viên trong bối cảnh chăm sóc ban đầu	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2021	Kỷ yếu HN quốc gia về giáo dục y khoa lần thứ 5	
137	Khảo sát nhận thức và thái độ của Bác sĩ Việt Nam về kỹ thuật theo dõi huyết áp tại nhà.	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2021	Tạp chí Tim mạch học Việt Nam	Tác giả chính
138	Đánh giá sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ khám chữa bệnh ngoại trú tại các cơ sở y tế tại tỉnh Thừa Thiên Huế	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2021	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
139	Khảo sát thái độ về việc học và tự lượng giá kỹ năng giao tiếp của sinh viên y đa khoa trường Đại Học Y-Dược, Đại Học Huế	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2021	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả

140	Khảo sát nhận thức về tính chuyên nghiệp trong thực hành y khoa của sinh viên y khoa tại trường Đại Học Y - Dược, Đại Học Huế	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2021	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
141	Khảo sát nhận thức và thái độ của Bác sĩ Việt Nam về kỹ thuật theo dõi huyết áp tại nhà	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2021	Tạp chí Tim mạch học Việt Nam	Tác giả chính
142	Đánh giá sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ khám chữa bệnh ngoại trú tại các cơ sở y tế tại tỉnh Thừa Thiên Huế	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2021	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
143	Các vấn đề sức khỏe thường gặp và xu hướng sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh ban đầu của người dân ở vùng nông thôn tỉnh T.T.Huế	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2020	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
144	Các vấn đề sức khỏe thường gặp và nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi tại Thành phố Huế	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2020	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
145	Khảo sát quan điểm và trải nghiệm của người dân về chăm sóc lấy người bệnh làm trung tâm tại một số xã, phường thuộc tỉnh T.T. Huế	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2020	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
146	Đánh giá kỹ năng giao tiếp lâm sàng trong đào tạo y	PGS.TS. Nguyễn	2019	Kỷ yếu HN quốc gia về giáo dục y khoa lần thứ 3	

	khoa: Phân tích từ phương pháp đánh giá đồng đẳng và đánh giá của giảng viên	Minh Tâm			
147	Thực trạng quản lý bệnh đái tháo đường tại các trạm y tế xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2019	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
148	Tính sẵn có và sẵn dụng của các dịch vụ quản lý bệnh tim mạch tại các trạm y tế thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2019	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
149	Đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân mắc bệnh đái tháo đường type 2 tại tuyến y tế cơ sở tỉnh Thừa Thiên Huế	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2019	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	
150	Giảng dạy tình huống lâm sàng thông qua câu truyền hình đa điểm trong các khoa đào tạo Y học gia đình tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên, Việt Nam	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2018	Kỷ yếu Hội nghị đổi mới giáo dục y khoa toàn quốc lần thứ 2	
151	Chương trình đào tạo đổi mới kết hợp phương pháp truyền thống và trực tuyến về Y học gia đình cho Bác sĩ khu vực miền Trung và Tây Nguyên, Việt Nam	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm	2018	Kỷ yếu Hội nghị đổi mới giáo dục y khoa toàn quốc lần thứ 2	
152	Case report: The first middle	TS. Lê	2019	Tạp chí Y Dược học,	Tác giả

	face reconstruction after mohs micrographic surgery of invasive basal cell carcinoma at Hue University of Medicine and Pharmacy Hospital	Hồng Phúc		Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	chính
153	Anterolateral thigh flap in lower limb reconstruction	TS. Lê Hồng Phúc	2019	Journal of Medicine and Pharmacy	Tác giả chính
154	Vạt Đùi trước ngoài phức hợp tự do trong tạo hình che phủ tổn khuyết phần mềm phức tạp cẳng bàn chân: Kết quả lâu dài vùng lấy vạt	TS. Lê Hồng Phúc	2020	Journal of Medicine and Pharmacy	Tác giả chính
155	Nghiên cứu đặc điểm giải phẫu phân nhánh động mạch mũ đùi ngoài ứng dụng trong xây dựng vạt phức hợp đùi trước ngoài	TS. Lê Hồng Phúc	2020	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả chính
156	One Stage reconstruction of the massive overlying skin and Achilles tendon defects using free chimeric anterolateral thigh flap with fascia lata	TS. Lê Hồng Phúc	2022	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
157	Case report: The first middle face reconstruction after mohs micrographic surgery of invasive basal cell carcinoma at Hue University of Medicine and Pharmacy Hospital	TS. Lê Hồng Phúc	2019	Microsurgery	Tác giả chính

158	Experience of Kapandji technique in treating Colles' fracture in central region of Vietnam	TS. Lê Hồng Phúc	2022	SICOT-J	Đồng tác giả
159	Map of perforators of the posterior tibial artery and peroneal artery using handheld doppler ultrasound evaluating clinical outcome of perforator flaps which cover soft tissue defects of the lower leg and foot	TS. Lê Hồng Phúc	2022	Journal of Medicine and Pharmacy	Tác giả chính
160	Complicated breast augmentation via self-injection of ultrasound gel and shoe glue: A case report	TS. Lê Hồng Phúc	2023	Radiology Case Report	Đồng tác giả
161	Cryopreservation of human spermatozoa by vitrification versus conventional rapid freezing: effects on motility, viability, morphology and cellular defects	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2019	European Journal of Obstetrics & Gynecology and Reproductive Biology	Đồng tác giả
162	Does polycystic ovary syndrome affect morphokinetics or abnormalities in early embryonic development	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2019	European Journal of Obstetrics and Gynecology and Reproductive Biology: X	Đồng tác giả
163	Does conventional freezing affect sperm DNA fragmentation?	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2019	Clinical and experimental reproductive medicine	Đồng tác giả

164	Prolonged post-thaw culture of embryos does not improve outcomes of frozen human embryo transfer cycles: A prospective randomized study	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2019	Asian Pacific Journal of Reproduction	Đồng tác giả
165	SIRT1 induces the adipogenic differentiation of mouse embryonic stem cells by regulating RA-induced RAR expression via NCOR1 acetylation	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2020	Stem Cell Research	Đồng tác giả
166	Correlation between HER2 Expression and Clinicopathological Features of Breast Cancer: A Cross-Sectional Study in Vietnam.	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2020	Asian Pacific Journal of Cancer Prevention	Đồng tác giả
167	Assessment of testis histopathological changes and spermatogenesis in male mice exposed to chronic scrotal heat stress	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2020	Journal of Animal Behaviour and Biometeorology	Tác giả chính
168	Đánh giá sự nhiễm màu thực phẩm lên men răng: Nghiên cứu <i>in vitro</i>	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2020	Tạp chí Y Dược học - Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
169	HER2Ile655Val Single Nucleotide Polymorphism Associated with Early-Onset Breast Cancer Susceptibility:	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2021	Asian Pacific Journal of Cancer Prevention	Tác giả chính

	A Systematic Review and Meta-Analysis				
170	Nghiên cứu khả năng tái tạo xương ở răng bằng bột xương nhân tạo <i>in vivo</i>	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2021	Tạp chí Y Dược học - Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
171	Establishment and Characterization of Rabbit Model for Alveolar Bone Regeneration	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2021	Journal of International Dental and Medical Research	Đồng tác giả
172	Identification of Five Hub Genes as Key Prognostic Biomarkers in Liver Cancer via Integrated Bioinformatics Analysis	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2021	Biology	Đồng tác giả
173	Biomass Accumulation of <i>Gynostemma Pentaphyllum</i> (Thunb.) Makino in Cell Suspension Cultures inhibiting Human Cancer Cell Growth	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2022	Research Journal of Biotechnology	Tác giả chính
174	Immune-related biomarkers shared by inflammatory bowel disease and liver cancer	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2022	PLoS ONE	Đồng tác giả
175	The Impact of High Ambient Temperature on Human Sperm Parameters: A Meta-Analysis	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2022	Iranian Journal of Public Health	Đồng tác giả

176	Nghiên cứu thành phần tế bào và cấu trúc mô học của fibrin giàu tiểu cầu	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2022	Tạp chí Y Dược học - Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả chính
177	A rabbit femoral trochlear defect model for chondral and osteochondral regeneration	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2022	Acta Veterinaria Brno	Tác giả chính
178	Chronic scrotal heat stress causes testicular interstitial inflammation and fibrosis: An experimental study in mice	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2022	International Journal of Reproductive BioMedicine	Tác giả chính
179	Identification of Potential Crucial Genes and Key Pathways Shared in Inflammatory Bowel Disease and Cervical Cancer by Machine Learning and Integrated Bioinformatics	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2022	Computers in Biology and Medicine	Đồng tác giả
180	Comparative Study on Clinicopathological Characteristics of Breast Cancer in Vietnam and Italy	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2022	Clinical and Experimental Obstetrics and Gynecology	Đồng tác giả
181	Nghiên cứu <i>in vitro</i> : so sánh hiệu quả tẩy trắng răng nhiễm màu do thức uống có màu khác nhau	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2022	Tạp chí Y Dược học - Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
182	Synchronous esophageal squamous cell carcinoma and	TS. Nguyễn	2022	Radiology Case Reports	Đồng tác giả

	hepatocellular carcinoma: A rare case report	Thanh Tùng			
183	Bước đầu phân loại u lympho dạ dày – ruột dựa trên mô bệnh học và hóa mô miễn dịch	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2023	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
184	Ảnh hưởng của dịch chiết cây Giảo cổ lam (<i>Gynostemma pentaphyllum</i>) lên quá trình phát sinh tinh ở chuột stress nhiệt độ cao	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2023	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả chính
185	Protective Effect of <i>Curculigo orchioides</i> Gaertn. Extract on Heat Stress-Induced Spermatogenesis Complications in Murine Model	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2023	Current Issues in Molecular Biology	Đồng tác giả
186	Investigating the Association Between Alcohol Intake and Male Reproductive Function: A current Meta-Analysis	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2023	Heliyon	Tác giả chính
187	Osteochondral Regeneration Ability of Uncultured Bone Mar-row Mononuclear Cells and Platelet-rich Fibrin Scaffold	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2023	Bioengineering	Tác giả chính
188	Gypenosides Production and Spermatogenesis Recovery Potentials of Extracts from	TS. Nguyễn Thanh	2023	Avicenna Journal of Medical Biotechnology	Tác giả chính

	Cell Suspension Cultures of <i>Gynostemma pentaphyllum</i>	Tùng			
189	Stem cell therapies for periodontal tissue regeneration: a meta-analysis of clinical trials	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2023	Journal of Oral Biology and Craniofacial Research	Đồng tác giả
190	Endoscopic and Histopathological Characteristics of Gastrointestinal Lymphoma: A Multicentric Study	TS. Nguyễn Thanh Tùng	2023	Diagnostics	Đồng tác giả
191	Cultural Sensitivity and Global Pharmacy Engagement in Asia: India, Indonesia, Malaysia, Philippines, and Vietnam ISI: ISSN , IF: 1,495, Q1 HI: 49	GS. TS. Võ Văn Thắng	2019	The American Journal of Pharmaceutical Education (AJPE) https://www.ajpe.org/doi/abs/10.5688/ajpe7215	Đồng tác giả
192	Mothers' experiences of settling infants in central Vietnam "through their eyes": A photo-elicitation study ISI, Scopus indexed Journal ISSN: 0739-9332 SCI, Q3 IF: 1,05	GS. TS. Võ Văn Thắng	2019	Health Care for Women International https://www.tandfonline.com/eprint/Vqea9DracRPz2fkvEZvj/full?target=10.1080/07399332.2019.1569014 https://doi.org/10.1080/07399332.2019.1569014	Đồng tác giả
193	Incidence of snakebites and medically relevant snakes in	GS. TS. Võ Văn Thắng	2019	Proceedings of the 19th World Congress of the	Đồng tác giả

	different regions in Laos and Vietnam Scopus indexed journal IF: 2,49			International Society on Toxinology (IST2017). https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0041010118310559 . Toxicon Journal https://doi.org/10.1016/j.toxicon.2018.11.326	
194	Assessment of the Validity of a Physical Activity Questionnaire for Vietnamese Children Using an Accelerometer ISSN 2455-7498. ESCI Indexed by: CROSSREF IF: 0,998 (2019)	GS. TS. Võ Văn Thắng	2019	International Journal of Physical Therapy & Rehabilitation Int J Phys Ther Rehab 5: 149. doi: https://doi.org/10.15344/2455-7498/2019/149 https://www.graphyonline.com/archives/IJPTR/2019/IJPTR-149/	Đồng tác giả
195	Assistance for parents with unsettled infants in Central Vietnam: a qualitative investigation of health professionals' perspectives HI=59, IF=1,983 SCI, Q1	GS. TS. Võ Văn Thắng	2019	BMC Pediatrics201919:160 https://doi.org/10.1186/s12887-019-1532-5 https://bmcpediatr.biomedcentral.com/articles/10.1186/s12887-019-1532-5	Đồng tác giả
196	Associated Factors of Hypertension in Women and Men in Vietnam: A Cross-	GS. TS. Võ Văn Thắng	2019	Int. J. Environ. Res. Public Health 2019, 16, 4714;	Đồng tác giả

	Sectional Study SCI, ISSN: 1660-4601 IF: 3,390 Q2			https://www.mdpi.com/1660-4601/16/23/4714	
197	Picky Eating and Nutritional Status among Vietnamese Children Under Five Years of Age in Hue, Central Vietnam ISSN: 2574 -1241	GS. TS. Võ Văn Thắng	2019	Biomed J Sci & Tech Res https://biomedres.us/ https://biomedres.us/fulltexts/BJSTR.MS.ID.002785.php DOI: 10.26717/BJSTR.2019.16.002785	Đồng tác giả
198	What research questions should the next generation of birth cohort studies address? An international Delphi study of experts	GS. TS. Võ Văn Thắng	2020	ACADEMIC PEDIATRICS Volume 000 XX 2020 https://www.academicpedsjnl.net/article/S1876-2859(20)30131-5/pdf https://doi.org/10.1016/j.acap.2020.03.011	Đồng tác giả
199	Fear of falling and cognitive impairment in elderly with different social support levels: findings from a community survey in Central Vietnam	GS. TS. Võ Văn Thắng	2020	BMC Geriatrics (2020) 20:141	Đồng tác giả
200	Relationships among cyberbullying, parental attitudes, self-harm and suicidal behavior among	GS. TS. Võ Văn Thắng	2020	BMC Public Health (2020) 20:476 https://bmcpublihealth.biomedcentral.com/arti	Đồng tác giả

	<p>adolescents: results from a school-based survey in Vietnam</p> <p>ISSN: 1471-2458</p> <p>Scopus indexed journal</p> <p>ISSN:1471-2458, IF=3,2, SCI, Q1</p>			<p>cles/10.1186/s12889-020-08500-3</p> <p>https://doi.org/10.1186/s12889-020-08500-3</p>	
201	<p>Incidence of snakebites in Can Tho Municipality, Mekong Delta, South Vietnam - Evaluation of the responsible snake species and treatment of snakebite envenoming</p> <p>ISSN: 1935-2735</p> <p>IF=4,40 SCI, Q1</p>	GS. TS. Võ Văn Thắng	2020	<p>PLOS Neglected Tropical Diseases</p> <p>PLoS Negl Trop Dis 14(6): e0008430.</p> <p>https://journals.plos.org/plosntds/article?id=10.1371/journal.pntd.0008430</p>	Tác giả chính
202	<p>Alcohol consumption and attributable harm in middle-income South-East Asian countries: epidemiology and policy options</p> <p>ISSN: 09553959, IF= 4.690 SCI, Q1</p>	GS. TS. Võ Văn Thắng	2020	<p>International Journal of Drug Policy</p> <p>Volume 83, September 2020, 102856</p> <p>https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0955395920301961?via%3Dihub</p> <p>https://doi.org/10.1016/j.drugpo.2020.102856</p>	Đồng tác giả
203	<p>Mass masking as a way to contain COVID-19 and exit lockdown in low- and middle-</p>	GS. TS. Võ Văn Thắng	2020	<p>Journal of Infection</p> <p>DOI:</p> <p>https://doi.org/10.1016/j.ji</p>	Đồng tác giả

	income countries ISSN: 0163-4453 IF= 4.842 SCI, Q1			nf.2020.07.015 https://www.journalofinfection.com/action/showPdf?pii=S0163-4453%2820%2930489-8	
204	Preventive behavior of Vietnamese people in response to the COVID-19 pandemic ISSN: 1932-6203 IF= 2.870 SCI, Q1	GS. TS. Võ Văn Thắng	2020	PLoS ONE 15(9): e0238830 DOI: https://doi.org/10.1371/journal.pone.0238830 https://journals.plos.org/plosone/article?id=10.1371/journal.pone.0238830	Đồng tác giả
205	Evidence for Better Lives Study: A comparative birth-cohort study on child exposure to violence and other adversities in eight low- and middle- income countries – Foundational Research (Study Protocol) ISSN: 935-2735, IF=2,42 SCI, Q1	GS. TS. Võ Văn Thắng	2020	BMJ Open 2020;10:e034986 https://bmjopen.bmj.com/content/bmjopen/10/10/e034986.full.pdf doi:10.1136/bmjopen-2019-034986	Đồng tác giả
206	Brief screening for maternal mental health in Vietnam: Measures of positive wellbeing and perceived stress predict prenatal and	GS. TS. Võ Văn Thắng	2020	Journal of Affective Disorders Reports, Available online 11 December 2020 2666-9153/© 2020	Đồng tác giả

	postnatal depression ISSN: 0165-0327, Scopus			https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S2666915320300470?via%3Dihub https://doi.org/10.1016/j.jadr.2020.100047	
207	Depression and its associated factors among pregnant women in central Vietnam ISSN: 2055 1029, IF=1,28 SCI, Q2	GS. TS. Võ Văn Thắng	2021	Health Psychology Open (HPO) - - SAGE Journals https://journals.sagepub.com/doi/pdf/10.1177/2055102920988445	Đồng tác giả
208	Do Communication Patterns Affect the Association between Cognitive Impairment and Hearing Loss among Older Adults in Vietnam? SCI, ISSN: 1660-4601 IF: 3,390 Q2	GS. TS. Võ Văn Thắng	2021	Environ. Res. Public Health 2021, 18, 1603 (MDPI) https://www.mdpi.com/1660-4601/18/4/1603	Đồng tác giả
209	Prenatal Attachment: Using Measurement Invariance to Test the Validity of Comparisons Across Eight Culturally Diverse Countries. ISSN: 14341816- 14351102, IF: 2,5, SCI, Q1	GS. TS. Võ Văn Thắng	2021	Archives of Women's Mental Health https://link.springer.com/article/10.1007%2Fs00737-021-01122-7 https://doi.org/10.1007/s00737-021-01105-8	Đồng tác giả
210	Well-being of healthcare workers and the general	GS. TS. Võ Văn Thắng	2021	Environ. Res. Public Health 2021, 18, 1603	Đồng tác giả

	public during the COVID-19 pandemic in Vietnam: an online survey SCI, ISSN: 1660-4601 IF: 3,390 Q2			(MDPI) https://www.mdpi.com/1660-4601/18/9/4737	
211	Stress and associated factors among frontline healthcare workers in the COVID-19 epicenter of Da Nang city, Vietnam SCI, ISSN: 1660-4601 IF: 3,390 Q2	GS. TS. Võ Văn Thắng	2021	Environ. Res. Public Health 2021, 18, 1603 (MDPI) ISSN: 1661-7827, 1660-4601 https://www.mdpi.com/1660-4601/18/14/7378 18 (14), 7378	Đồng tác giả
212	Comparative performance of WHO-5, PHQ-9 and PSS Scale for screening antenatal depression and suicide risk SCI, ISSN: 0300-5771 IF: 7.196 Q1	GS. TS. Võ Văn Thắng	2021	International Journal of Epidemiology, Volume 50, Issue Supplement_1, September 2021, dyab168.166, https://doi.org/10.1093/ije/dyab168.166	Đồng tác giả
213	Intergenerational Effects of Violence on Women's Perinatal Wellbeing and Infant Health Outcomes in Vietnam SCI, ISSN: 0300-5771 IF: 7.196 Q1	GS. TS. Võ Văn Thắng	2021	International Journal of Epidemiology, Volume 50, Issue Supplement_1, September 2021, dyab168.165, https://doi.org/10.1093/ije/dyab168.165	Đồng tác giả
214	The impact of maternal adverse childhood experiences and prenatal depressive symptoms on	GS. TS. Võ Văn Thắng	2021	Journal of Affective Disorders https://doi.org/10.1016/j.jad.2021.08.066	Đồng tác giả

	foetal attachment: Preliminary evidence from expectant mothers across eight middle-income countries SCI, ISSN: 01650327-15732517 IF: 4,839 Q1				
215	Overall survival rate of Vietnamese patients with colorectal cancer: A hospital-based cohort study in the Central region of Vietnam SCI, ISSN: 1513-7368 IF: 1,77 Q2	GS. TS. Võ Văn Thắng	2021	Asian Pacific Journal of Cancer Prevention APJCP, 01 Nov 2021, 22(11):3569-3575 DOI: 10.31557/apjcp.2021.22.11.3569	Đồng tác giả
216	Digital health literacy about COVID-19 as a factor mediating the association between the importance of online information search and psychological well-being among Vietnamese university students ISSN: 2673-253X Indexed in: Google Scholar, DOAJ, CrossRef, Digital Biography & Library Project (dblp), CLOCKSS, OpenAIRE	GS. TS. Võ Văn Thắng	2021	Front. Digit. Health, 27 September 2021 https://doi.org/10.3389/fdgh.2021.739476	Đồng tác giả

217	Intergenerational effects of violence on women's perinatal wellbeing and infant health outcomes: evidence from a birth cohort study in Central Vietnam HI=82, IF=2,239 SCI, Q1	GS. TS. Võ Văn Thắng	2021	BMC Pregnancy and Childbirth volume 21, Article number: 648 (2021) https://doi.org/10.1186/s12884-021-04097-6	Đồng tác giả
218	Pesticides use and health impacts on farmers in Thailand, Vietnam, and Lao PDR: Protocol for a survey of knowledge, behaviours and blood acetyl cholinesterase concentrations ISSN: 1932-6203 IF= 2.870 SCI, Q1	GS. TS. Võ Văn Thắng	2021	PLOS ONE https://doi.org/10.1371/journal.pone.0258134 September 30, 2021	Đồng tác giả
219	Greater Risk of Negative Health Outcomes of Older Adults Living Alone in Vietnam: A Community Survey SCI, ISSN: 1660-4601 IF: 3,390 Q2	GS. TS. Võ Văn Thắng	2021	Int. J. Environ. Res. Public Health 2021, Volume 18, Issue 21, 11115 https://doi.org/10.3390/ijerph182111115	Đồng tác giả
220	Adherence to COVID-19 Preventive Measures among Dental Care Workers in Vietnam: An Online Cross-Sectional Survey SCI, ISSN: 1660-4601 IF: 3,390 Q2	GS. TS. Võ Văn Thắng	2022	Int. J. Environ. Res. Public Health 2022, 19, 481. https://doi.org/10.3390/ijerph19010481	Đồng tác giả

221	Effect of intimate partner violence during pregnancy on maternal mental health: a cohort study in central Vietnam SCI, ISSN: 0363-0242, IF: 1,7 Q2	GS. TS. Võ Văn Thắng	2022	WOMEN & HEALTH https://doi.org/10.1080/03630242.2022.2043984	Đồng tác giả
222	Perceived stress during the prenatal period: assessing measurement invariance of the Perceived Stress Scale (PSS-10) across cultures and birth parity SCI, ISSN: 14341816-14351102, IF: 3,633 Q1	GS. TS. Võ Văn Thắng	2022	Archives of Women's Mental Health https://doi.org/10.1007/s00737-022-01229-5	Đồng tác giả
223	Intimate partner violence during pregnancy and maternal and child health outcomes: a scoping review of the literature from low-and-middle income countries from 2016 - 2021 ISSN:1471-2458, IF=3,2, SCI, Q1	GS. TS. Võ Văn Thắng	2022	BMC Pregnancy and Childbirth (2022) 22:315 https://doi.org/10.1186/s12884-022-04604-3	Đồng tác giả
224	Community-based Interventions to Prevent Dental Caries among Kindergarten Children in Vietnam: A 12-month Study of Field Trial ISSN: 15263711, IF=0,902, SCI, Q3	GS. TS. Võ Văn Thắng	2022	The Journal of Contemporary Dental Practice (2022): 10.5005/jp-journals-10024-3298	Đồng tác giả

225	Patterns of adverse childhood experiences and associations with prenatal substance use and poor infant outcomes in a multi-country cohort of mothers: a latent class analysis ISSN: 14712393, IF=2,938 SCI, Q1	GS. TS. Võ Văn Thắng	2022	BMC Pregnancy and Childbirth (2022) 22:505 https://doi.org/10.1186/s12884-022-04839-0	Đồng tác giả
226	The influence of childhood abuse and prenatal intimate partner violence on childbirth experiences and breastfeeding outcomes ISSN: 0145-2134, IF=4,863, SCI, Q1	GS. TS. Võ Văn Thắng	2022	Child Abuse & Neglect Volume 131, September 2022, 105743 https://doi.org/10.1016/j.chiabu.2022.105743	Đồng tác giả
227	Associations between ADHD symptoms and maternal and birth outcomes: An exploratory analysis in a multi-country cohort of expectant mothers	GS. TS. Võ Văn Thắng	2022	Journal of Attention Disorders Volume 26, Issue 14, December 2022, Pages 1882-1894 https://journals.sagepub.com/doi/epub/10.1177/10870547221105064	Đồng tác giả
228	In-service training programme for health and social care workers in the Philippines to strengthen interprofessional collaboration in caring for older adults: a mixed-methods study	GS. TS. Võ Văn Thắng	2022	Health Research Policy and Systems 2022, 20(Suppl 1):111 https://doi.org/10.1186/s12961-022-00914-2	Đồng tác giả

229	Measuring antenatal depressive symptoms across the world: A validation and cross-country invariance analysis of the Patient Health Questionnaire-9 (PHQ-9) in eight diverse low-resource settings ISSN: 1040-3590, IF=6,083, SCI, Q1	GS. TS. Võ Văn Thắng	2022	Psychological Assessment https://psycnet.apa.org/doiLanding?doi=10.1037%2Fpas0001154 https://doi.org/10.1037/pas0001154	Đồng tác giả
230	Nhận biết sớm trẻ có nguy cơ với rối loạn tăng động giảm chú ý dựa trên thang đo Vanderbilt ADHD cho giáo viên và bố mẹ	GS. TS. Võ Văn Thắng	2019	Tạp chí Y Dược học - Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế - Tập 9, số 4 - tháng 7/2019. Tr. 85-90	Đồng tác giả
231	Tình trạng chức năng và các yếu tố liên quan ở người cao tuổi tại tỉnh Thừa Thiên Huế	GS. TS. Võ Văn Thắng	2019	Tạp Chí Y học Thực Hành, số 10-1114, tháng 11,2019 Tr. 26-33	Đồng tác giả
232	Tỷ lệ và các yếu tố liên quan rối loạn tình dục ở phụ nữ đã kết hôn tại tỉnh Thừa Thiên Huế	GS. TS. Võ Văn Thắng	2019	Tạp Chí Y học Thực Hành, số 10-1114, tháng 11,2019 Tr. 59-64	Tác giả chính
233	Nghiên cứu tỷ lệ trầm cảm sau sinh và các yếu tố liên quan ở các bà mẹ tại Thành phố Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam năm 2018	GS. TS. Võ Văn Thắng	2019	Tạp Chí Y học Thực Hành, số 10-1114, tháng 11,2019 Tr. 65-68	Đồng tác giả
234	Nghiên cứu chất lượng sống và một số yếu tố liên quan ở	GS. TS. Võ Văn Thắng	2019	Tạp Chí Y học Thực Hành, số 10-1114, tháng	Đồng tác giả

	những người nhiễm HIV tỉnh Quảng Trị năm 2015			11,2019 Tr. 68-72	
235	Bạo lực học đường ở học sinh các trường Trung học cơ sở tại Thành phố Huế, Việt Nam	GS. TS. Võ Văn Thắng	2019	Tạp Chí Y học Thực Hành, số 10-1114, tháng 11,2029 Tr. 83-88	Đồng tác giả
236	Nghiên cứu chất lượng sống và yếu tố liên quan ở phụ nữ mắc ung thư vú điều trị tại Bệnh viện tỉnh Hà Tĩnh năm 2017	GS. TS. Võ Văn Thắng	2019	Tạp Chí Y học Thực Hành, số 10-1114, tháng 11,2019 Tr. 92-96	Đồng tác giả
237	Xây dựng thang đo đánh giá biếng ăn ở trẻ dưới 5 tuổi tại Thành phố Huế, Việt Nam	GS. TS. Võ Văn Thắng	2019	Tạp Chí Y học Thực Hành, số 10-1114, tháng 11,2019 Tr. 111-117	Đồng tác giả
238	Nghiên cứu chất lượng bệnh viện và kết quả mô hình can thiệp tại thành phố Cần Thơ	GS. TS. Võ Văn Thắng	2019	Tạp chí Y Dược học – Trường Đại học Y Dược Huế, tập 9, số 6+7 – tháng 12/2019, trang 127-136.	Đồng tác giả
239	Mức độ tuân thủ các biện pháp giãn cách xã hội trong ứng phó với đại dịch covid-19 của người đang sống cùng với trẻ em	GS. TS. Võ Văn Thắng	2020	Tạp Chí Y học Thực Hành, (1135) – số 6/2020 Tr. 118-121	Tác giả chính
240	Các yếu tố tác động đến sự tuân thủ các biện pháp giãn cách xã hội của người dân Việt Nam trong phòng chống covid-19	GS. TS. Võ Văn Thắng	2020	Tạp Chí Y học Thực Hành, (1135) – số 6/2020 Tr. 90-94	Tác giả chính

241	Đánh giá mức độ stress của cán bộ ngành y tế Đà Nẵng trong thời điểm dịch Covid-19 diễn biến phức tạp	GS. TS. Võ Văn Thắng	2020	Tạp chí Y học Việt Nam, tập 497, tháng 12, số đặc biệt, 2020, Tr. 5-12	
242	Đặc điểm dịch tễ, kiến thức, thái độ, thực hành và một số yếu tố liên quan về xử trí ban đầu của người dân khi bị rắn độc cắn tại tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2017.	GS. TS. Võ Văn Thắng	2020	Tạp Chí Y học Dự phòng, 30(2), 150–159. https://doi.org/10.51403/0868-2836/2020/291	Đồng tác giả
243	Đánh giá tình trạng và nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi tại tỉnh Thừa Thiên Huế	GS. TS. Võ Văn Thắng	2021	Tạp chí Y học Việt Nam, tập 498, tháng 1, số 2, 2021, Tr. 35-39 https://doi.org/10.51298/vmj.v498i2.166	Tác giả chính
244	Các yếu tố liên quan đến thực trạng bạo hành khi mang thai ở phụ nữ đã kết hôn: Một nghiên cứu mô tả cắt ngang tại huyện Phú Ninh tỉnh Quảng Nam	GS. TS. Võ Văn Thắng	2021	Tạp chí Y học Việt Nam, tập 501, tháng 4, số 2, 2021, Tr. 181-186 https://doi.org/10.51298/vmj.v501i2.526	Tác giả liên hệ
245	Information searching behaviors among Vietnamese students during first wave of the COVID-19 pandemic	GS. TS. Võ Văn Thắng	2021	Journal of Health and Development Studies (Vol.05, No.02-2021) https://doi.org/10.38148/JHDS.0502SKPT20-094	Đồng tác giả
246	Thực trạng sức khỏe tâm thần và một số yếu tố liên quan ở sinh viên trong làn sóng đại	GS. TS. Võ Văn Thắng	2021	Tạp chí Y học dự phòng ISSN 0868-2836 Tập 31, số 6 - 2021	Đồng tác giả

	dịch COVID – 19 lần thứ nhất tại một số trường Đại học khoa học sức khỏe Việt Nam năm 2020			https://doi.org/10.51403/0868-2836/2021/382	
247	Đánh giá mức độ lo âu của cán bộ y tế tuyến đầu chống dịch trong thời gian dịch covid-19 diễn biến phức tạp tại đà nẵng	GS. TS. Võ Văn Thắng	2021	Tạp chí Y học Việt Nam, tập 505- tháng 8, số 1, 2021, Tr. 174-178 https://doi.org/10.51298/vmj.v505i1.1051	Đồng tác giả
248	Chất lượng giấc ngủ và một số yếu tố liên quan đến chất lượng giấc ngủ của người cao tuổi tại quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng	GS. TS. Võ Văn Thắng	2022	Tạp chí Y học dự phòng ISSN 0868-2836 Tập 32, S. 8 (2022): SỐ THƯỜNG KÌ https://doi.org/10.51403/0868-2836/2022/865	Đồng tác giả
249	Nghiên cứu chất lượng cuộc sống của người khuyết tật vận động từ 18 tuổi trở lên tại huyện Phú Vang, tỉnh Thừa thiên Huế	GS. TS. Võ Văn Thắng	2023	Tạp chí Y học lâm sàng Bệnh viện Trung ương Huế - Số 85/2023 https://jcmhch.com.vn/upload/files/Tapchi/85/Bai%208_%20V%C3%B5%20Th%C3%A0nh%20Trung.pdf DOI: 10.38103/jcmhch.85.8	Đồng tác giả
250	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị nấm tai	PGS. TS. Lê Thanh Thái	2019	Hội nghị khoa học Tai Mũi Họng và phẫu thuật đầu cổ toàn quốc lần thứ XXII, Hà Nội 6-8/10/2017	

251	Đánh giá kết quả điều trị vá nhĩ đơn thuần bằng mảnh ghép màng sụn bình tai ở bệnh nhân viêm tai giữa mạn tính có thủng nhĩ	PGS. TS. Lê Thanh Thái	2019	Hội nghị khoa học Tai Mũi Họng và phẫu thuật đầu cổ toàn quốc lần thứ XXII, Hà Nội 6- 8/10/2017	Đồng tác giả
252	The Migration of a Fish Bone into Posterior Cervical Space. Scholarly Journal of Otolaryngology	PGS. TS. Lê Thanh Thái	2021	Scholarly Journal of Otolaryngology	Đồng tác giả
253	Tổng quan xử trí chảy máu sau cắt amidan	PGS. TS. Lê Thanh Thái	2022	Tạp chí Tai mũi Họng Việt Nam, tháng 12/2022	Đồng tác giả
254	Risk factors of otitis media with effusion in children: A case-control study	PGS. TS. Lê Thanh Thái	2022	Tạp chí Tai mũi Họng Việt Nam	Đồng tác giả
255	Endoscopic transcanal myringoplasty with anterior tab flap underlay technique: An analysis of 35 cases	PGS. TS. Lê Thanh Thái	2021	Annals of Medecine and Surgery	Tác giả chính
256	Nghiên cứu giá trị cộng hưởng từ trong đánh giá giai đoạn T và di căn hạch vùng ung thư trực tràng	PGS. TS. Nguyễn Thanh Thảo	2019	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
257	Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh cộng hưởng từ và giá trị phối hợp của x quang, siêu âm trong chẩn đoán bệnh lý gân cơ trên gai.	PGS. TS. Nguyễn Thanh Thảo	2020	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả

258	Vai trò của các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh trong hội chứng ống cổ tay	PGS. TS. Nguyễn Thanh Thảo	2021	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
259	Extragastrointestinal stromal tumor presenting as an exophytic prostatic mass	PGS. TS. Nguyễn Thanh Thảo	2020	Radiology Case Reports ISSN: 1930-0433	Tác giả chính
260	Retroperitoneal gastrointestinal stromal tumor: A case report and literature review	PGS. TS. Nguyễn Thanh Thảo	2020	Radiology Case Reports ISSN: 1930-0433	Tác giả liên hệ
261	Toothpick—a rare cause of bowel perforation: case report and literature review	PGS. TS. Nguyễn Thanh Thảo	2020	Radiology Case Reports ISSN: 1930-0433	Tác giả liên hệ
262	Detecting Lumbar Implant and Diagnosing Scoliosis from Vietnamese X-Ray Imaging Using the Pre-Trained API Models and Transfer Learning	PGS. TS. Nguyễn Thanh Thảo	2020	Computers, Materials & Continua ISSN: 1546-2218	Tác giả liên hệ
263	Generalized lymphangiomatosis-A rare manifestation of lymphatic malformation	PGS. TS. Nguyễn Thanh Thảo	2020	Radiology Case Reports ISSN: 1930-0433	Tác giả liên hệ
264	Pheochromocytoma of the organ of Zuckerkandl	PGS. TS. Nguyễn Thanh Thảo	2021	Radiology Case Reports ISSN: 1930-0433	Tác giả liên hệ

265	Fixel-Based Analysis of White Matter Degeneration in Patients With Progressive Supranuclear Palsy or Multiple System Atrophy, as Compared to Parkinson's Disease	PGS. TS. Nguyễn Thanh Thảo	2021	Frontiers in Aging Neuroscience ISSN: 1663-4365	Tác giả chính
266	Evaluation of the Insall-Salvati Ratio Among the Vietnamese Population: Application for Diagnosis of Patellar Malalignment	PGS. TS. Nguyễn Thanh Thảo	2021	Orthopedic Research and Reviews ISSN: 1179-1462	Đồng tác giả
267	Synchronous Renal Cell Carcinoma and Hepatocellular Carcinoma	PGS. TS. Nguyễn Thanh Thảo	2021	Research and Reports in Urology ISSN: 2253-2447	Đồng tác giả
268	An Interprofessional Approach to Assessing Research Ethics Capacity in Vietnam: Implications for Nursing Education	PGS. TS. Nguyễn Thanh Thảo	2021	Nursing Education Perspectives ISSN: 1536-5026	Tác giả chính
269	Giant lumbar spinal schwannoma: a case report and literature review	PGS. TS. Nguyễn Thanh Thảo	2021	Radiology Case Reports ISSN: 1930-0433	Tác giả liên hệ
270	Herlyn-Werner-Wunderlich syndrome: A report of three cases in adolescents and adult woman.	PGS. TS. Nguyễn Thanh Thảo	2021	Radiology Case Reports ISSN: 1930-0433	Đồng tác giả

271	Hereditary multiple exostoses: A case report and literature review	PGS. TS. Nguyễn Văn Mão	2022	SAGE Open Medical Case Reports	Đồng tác giả
272	Synchronous Renal Cell Carcinoma and Hepatocellular Carcinoma	PGS. TS. Nguyễn Văn Mão	2021	Research and Reports in Urology	Đồng tác giả
273	Extragastrintestinal stromal tumor presenting as an exophytic prostatic mass	PGS. TS. Nguyễn Văn Mão	2020	Radiology Case Reports, Elsevier	Đồng tác giả
274	Early Diagnosis and Treatment of a Small Gastric Stromal Tumor: A Case Report and Literature Review	PGS. TS. Nguyễn Văn Mão	2020	Asp Biomed Clin Case Rep	Đồng tác giả
275	A case report of anorectal malignant melanoma in the transitional zone	PGS. TS. Nguyễn Văn Mão	2020	International Journal of Surgery Case Reports	Đồng tác giả
276	Đặc điểm lâm sàng, chẩn đoán hình ảnh và phân loại mô bệnh học ung thư phổi	PGS. TS. Nguyễn Văn Mão	2019	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả chính
277	Ca lâm sàng: Nhân một trường hợp phù và thiếu máu nặng do dị ứng đạm sữa bò	PGS. TS. Nguyễn Văn Mão	2020	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
278	Childhood Sarcoidosis: a case report	PGS. TS. Nguyễn Văn Mão	2021	Journal of Clinical Medicine, Hue Central Hospital	Đồng tác giả
279	Ca lâm sàng: nhân một trường hợp lymphoma không - Hodgkin tuyến giáp nguyên phát	PGS. TS. Nguyễn Văn Mão	2021	Tạp chí Nội tiết & đái tháo đường, Hội nội tiết – đái tháo đường Việt Nam	Tác giả chính

280	Nghiên cứu một số đặc điểm lâm sàng, nội soi và phân loại mô bệnh học polyp ống tiêu hóa	PGS. TS. Nguyễn Văn Mão	2022	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Tác giả chính
281	Short - term effects of temperature on hospital admissions for acute myocardial infarction: a comparison between two neighboring climate zones in Vietnam. (English)	TS. Đặng Thị Anh Thư	2019	Environmental Research, 175, 2019, pp.167 – 177. doi: 10.1016/j.envres.2019.04.023.	Tác giả chính
282	Effect of intimate partner violence during pregnancy on maternal mental health: a cohort study in central Vietnam (English)	TS. Đặng Thị Anh Thư	2022	Women & Health, 62:3, 205-213. doi: https://doi.org/10.1080/03630242.2022.2043984	Tác giả chính
283	The impact of high ambient temperature on human sperm parameters: A meta-analysis. (English)	TS. Đặng Thị Anh Thư	2022	Iran J Public Health, 51 (4), pp.710-723. Available at: http://ijph.tums.ac.ir	Đồng tác giả
284	El Niño Southern Oscillation, monsoon anomaly, and childhood diarrheal disease morbidity in Nepal,	TS. Đặng Thị Anh Thư	2022	PNAS Nexus, 2022; 0, 1-7, doi: https://doi.org/10.1093/pnasnexus/pgac032	Đồng tác giả
285	Abnormal ambient temperature change increases the risk of out-of-hospital cardiac arrest: a systematic review and meta-analysis of	TS. Đặng Thị Anh Thư	2/2023	Science of the Total Environment, doi: https://doi.org/10.1016/j.scitotenv.2022.160554	Đồng tác giả

	exposure types, risk, and vulnerable populations				
286	Infrastructure and Software Skills in the Expanded Program on Immunization at Commune Health Centers in Central Vietnam: A Cross-Sectional Mixed-Methods Study (English).	TS. Đặng Thị Anh Thư	2023	Asia Pacific Journal of Public Health. 2023;0(0). doi: https://doi.org/10.1177/10105395231169084	Đồng tác giả
287	Investigating the association between alcohol intake and male reproductive function: A current meta-analysis (English).	TS. Đặng Thị Anh Thư	2023	Heliyon 9 (2023) e15723. doi: 10.1016/j.heliyon.2023.e15723	Đồng tác giả
288	Mối liên quan giữa nhiệt độ môi trường và sự nhập viện do nhồi máu cơ tim cấp ở Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam: Kết quả một nghiên cứu theo chuỗi thời gian	TS. Đặng Thị Anh Thư	2019	Tạp chí Y tế công cộng, số 50, 2019, tr. 54-62.	Tác giả chính
289	Rối loạn cơ xương khớp và các yếu tố liên quan ở điều dưỡng, nữ hộ sinh và hộ lý tại Bệnh viện trường Đại học Y Dược Huế năm 2019	TS. Đặng Thị Anh Thư	2020	Tạp chí Y học dự phòng Tập 30, số 4 2020, tr. 155-162.	Đồng tác giả
290	Thực trạng sử dụng đồ nhựa dùng một lần và một số yếu tố liên quan ở người dân thành phố Huế năm 2020	TS. Đặng Thị Anh Thư	2021	Tạp chí Y học dự phòng, Tập 31, số 6 – 2021, tr. 105-113.	Đồng tác giả

291	Tỷ lệ một số chứng bệnh liên quan đến nhiệt và một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ, thực hành ở nông dân tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2020	TS. Đặng Thị Anh Thư	2021	Tạp chí Y học dự phòng, Tập 31, số 7 – 2021, tr. 33-46.	Đồng tác giả
292	So sánh yếu tố nguy cơ bệnh không lây nhiễm ở ba vùng sinh thái tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019	TS. Đặng Thị Anh Thư	2021	Tạp chí Y Dược học - Trường Đại học Y - Dược Huế, Đại học Huế - Số 3, tập 11, tháng 6/2021, tr. 13-20.	Tác giả liên hệ
293	Willingness to pay for the vaccine in the COVID-19 pandemic: A lesson learned for future pandemic vaccine	TS. Đặng Thị Anh Thư	2022	Tạp chí Y học Lâm sàng - Bệnh viện Trung Ương Huế DOI: 10.38103/jcmhch.78.12	Đồng tác giả
294	Situation of plastic waste management and health conditions of people in Hai Duong coastal community of Thua Thien Hue province in 2020	TS. Đặng Thị Anh Thư	2022	Tạp chí Y Dược học, Vol 12, No. 07/2022	Tác giả liên hệ
295	Kiến thức, thái độ và thực hành vệ sinh lao động của công nhân tại các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp cỡ vừa trên địa bàn thành phố Huế	TS. Đặng Thị Anh Thư	2023	Tạp chí Y tế công cộng, số 61, 2022, tr. 6-22.	Tác giả liên hệ
296	Knowledge and practice in respect of medical solid waste management among	TS. Đặng Thị Anh Thư	2023	Tạp chí Y Dược học, Vol13, No.04, June-2023	Tác giả liên hệ

	healthcare workers at Quang Nam northern mountainous region general hospital.				
297	Nghiên cứu tỷ lệ, kiến thức, thái độ, và thực hành nuôi con bằng sữa mẹ ở sản phụ sinh thường tại Bệnh viện Hùng Vương, Thành phố Hồ Chí Minh	TS. Nguyễn Văn Hùng	2019	Tạp chí Y học Việt Nam 4/2019	Đồng tác giả
298	Attention Deficit Hyperactivity Disorder (ADHD) and associated factor among first year elementary school students	TS. Nguyễn Văn Hùng	2021	Journal of Multidisciplinary Healthcare, 2021 (14): 997-1005	Đồng tác giả
299	The value of malnutrition-inflammation-atherosclerosis (MIA) syndrome for predicting mortality in patients with end-stage renal disease at Hue Central Hospital	PGS. TS. Hoàng Bùi Bảo	2019	Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering 61 (2), 52-59 (Doi: 10.31276/VJSTE.61(2).52-59).	Tác giả liên hệ
300	Nghiên cứu vai trò chất chỉ điểm sinh học NGAL huyết tương trong chẩn đoán hội chứng tim thận cấp 1	PGS. TS. Hoàng Bùi Bảo	2019	Tạp chí Y Dược học - Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế - Tập 9, số 6+7	Đồng tác giả
301	Value of plasma NGAL in the 12-month all-cause mortality prognosis of acute heart failure or acute decompensated heart failure	PGS. TS. Hoàng Bùi Bảo	2020	Medical Science	Đồng tác giả
302	Value of plasma NGAL in the in-hospital all-cause mortality	PGS. TS. Hoàng Bùi	2020	Medical Science	Đồng

	prognosis of acute heart failure or acute decompensated heart failure	Bảo			tác giả
303	Value of Plasma NGAL and Creatinine on First Day of Admission in the Diagnosis of Cardiorenal Syndrome Type 1	PGS. TS. Hoàng Bùi Bảo	2020	Cardiol Res Pract	Đồng tác giả
304	Nghiên cứu vai trò NGAL huyết tương trong chẩn đoán và tiên lượng hội chứng tim thận cấp 1	PGS. TS. Hoàng Bùi Bảo	2021	Tạp chí y học TP.HCM- Tập 25, số 4, 2021	Đồng tác giả
305	Relationship Between Vitamin D Status and the Relevant parameters of Glucose in Patients with Type 2 Diabetes	PGS. TS. Hoàng Bùi Bảo	2021	Diabetes, Metabolic Syndrome and Obesity: Targets and Therapy 2021:14	Đồng tác giả
306	Nghiên cứu chức năng tuyến giáp ở bệnh nhân đang điều trị lọc màng bụng liên tục ngoại trú	PGS. TS. Hoàng Bùi Bảo	2021	Tạp chí Y Dược học – Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
307	Nghiên cứu mối liên quan giữa thiếu vitamin D với béo bụng và kháng insulin trên bệnh nhân đái tháo đường type 2 tại Huế - Việt Nam	PGS. TS. Hoàng Bùi Bảo	2021	Tạp chí Y Dược học – Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
308	Serum Levels of NT-Pro BNP in Patients with Preeclampsia	PGS. TS. Hoàng Bùi Bảo	2022	Intergrated Blood Pressure Control	Đồng tác giả
309	Nghiên cứu nồng độ glucose dịch màng bụng ở bệnh nhân	PGS. TS. Hoàng Bùi	2022	. Tạp chí Y Dược học – Trường Đại học Y -	Tác giả chính

	đang điều trị lọc màng bụng liên tục ngoại trú	Bảo		Dược, Đại học Huế	
310	Value of Serum Thrombomodulin as a Marker and Predictor in Patients with Sepsis-Associated Acute Kidney Injury	PGS. TS. Hoàng Bùi Bảo	2023	. International Journal of General Medicine	Đồng tác giả
311	Nghiên cứu sự biến đổi nồng độ phế nang của sevofuran dựa theo điện não số hoá trong gây mê ở bệnh nhân cao tuổi	PGS. TS. Nguyễn Văn Minh	2019	Kỷ yếu Hội nghị khoa học Gây mê hồi sức Miền Trung – Tây Nguyên năm 2019	
312	Đánh giá hiệu quả giảm đau trong chuyển dạ sinh thường bằng hỗn hợp levobupivacain – fentanyl ở khoang ngoài màng cứng do sản phụ tự kiểm soát	PGS. TS. Nguyễn Văn Minh	2019	Kỷ yếu Hội nghị khoa học Gây mê hồi sức Miền Trung – Tây Nguyên năm 2019	
313	Khảo sát tỷ lệ đau đầu và các yếu tố nguy cơ sau gây tê tuỷ sống ở bệnh nhân phẫu thuật lấy thai	PGS. TS. Nguyễn Văn Minh	2019	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
314	Nghiên cứu hiệu quả dự phòng tụt huyết áp của phenylephrin trong gây tê tuỷ sống để phẫu thuật lấy thai	PGS. TS. Nguyễn Văn Minh	2020	Kỷ yếu Hội nghị khoa học Gây mê hồi sức toàn quốc 2020, Tạp chí y học cộng đồng, số chuyên đề	
315	Nghiên cứu biến đổi nồng độ đích tại não của propofol dựa theo điện não số hoá entropy trong gây mê phẫu thuật van tim	PGS. TS. Nguyễn Văn Minh	2020	Tạp chí y học lâm sàng, BV TƯ Huế	Đồng tác giả

316	Nghiên cứu hiệu quả của gây tê khoang cơ vuông thắt lưng bằng levobupivacain 0,25% dưới hướng dẫn siêu âm trong gây tê tuỷ sống để phẫu thuật lấy thai	PGS. TS. Nguyễn Văn Minh	2020	Kỷ yếu Hội nghị khoa học Gây mê hồi sức toàn quốc 2020, Tạp chí y học cộng đồng, số chuyên đề	Đồng tác giả
317	Nghiên cứu sự biến đổi nồng độ hs-Troponin T huyết thanh sau phẫu thuật nội soi ổ bụng ở bệnh nhân cao tuổi	PGS. TS. Nguyễn Văn Minh	2021	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
318	Vietnamese anesthesiologists training about emergency front of neck access in the cannot intubate -cannot oxygenate crisis	PGS. TS. Nguyễn Văn Minh	2021	Journal of Medicine and Pharmacy	Đồng tác giả
319	So sánh hiệu quả sử dụng mặt nạ thanh quản Air-Q và cổ điển trong gây mê phẫu thuật ở trẻ em	PGS. TS. Nguyễn Văn Minh	2022	Journal of Community Medicine	Đồng tác giả
320	Giảm đau đa mô thức sau phẫu thuật ổ bụng mở: đường ngoài màng cứng so với tĩnh mạch do bệnh nhân tự kiểm soát	PGS. TS. Nguyễn Văn Minh	2022	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
321	Giảm đau đa mô thức bằng paracetamol kết hợp ketorolac sau các phẫu thuật lớn trong ổ bụng qua nội soi	PGS. TS. Nguyễn Văn Minh	2022	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
322	Nghiên cứu hiệu quả giảm đau đa mô thức bằng gây tê mặt phẳng cơ ngang bụng	PGS. TS. Nguyễn Văn Minh	2022	Tạp chí Y học Việt Nam	Tác giả chính

	dưới hướng dẫn siêu âm kết hợp các thuốc giảm đau đường toàn thân sau phẫu thuật lấy thai				
323	Nghiên cứu hiệu quả giảm đau của gâ y tê mặt phẳng cơ ngang bụng dưới hướng dẫn siêu âm kết hợp paracetamol sau phẫu thuật lấy thai	PGS. TS. Nguyễn Văn Minh	2022	Tạp chí Y học Việt Nam	Tác giả liên hệ
324	Nghiên cứu hiệu quả giảm đau đa mô thức sau phẫu thuật lấy thai	PGS. TS. Nguyễn Văn Minh	2022	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả
325	Nghiên cứu hiệu quả dự phòng tụt huyết áp của noradrenalin trong gâ y tê tủy sống để phẫu thuật lấy thai	PGS. TS. Nguyễn Văn Minh	2022	Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	Đồng tác giả

* Về hợp tác với các Trường Đại học nước ngoài trong hoạt động đào tạo và khoa học công nghệ:

Khoa RHM đã có những phát triển trong hợp tác quốc tế về đào tạo, nghiên cứu khoa học. Qua đó, đã tổ chức các hội thảo khoa học, chuyên giao công nghệ, đào tạo liên tục, các hoạt động đạt hiệu quả cao.

- Hợp tác đào tạo cán bộ:

+ Năm 2007, ký kết hợp tác (MOA) về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phẫu thuật khe hở môi - vòm miệng với Đại học Nha - Đại học Quốc gia Jeonbuk, Hàn Quốc vào tháng 7 hàng năm. Thông qua hợp tác, đến nay đã có 11 cán bộ được đào tạo Sau đại học (5 Thạc sĩ, 4 Tiến sĩ, 2 đang học Nghiên cứu sinh).

+ 3 giảng viên đã tốt nghiệp Thạc sĩ tại trường Đại học Queensland -Australia.

+ Hợp tác với Trường Đại học Y Nha Tokyo - Nhật Bản: năm 2011 tiếp nhận GS Sayaka Furukawa công tác và giảng dạy tại Khoa, từ đó có những hợp tác về đào tạo và nghiên cứu với Trường, đến nay đã có 5 cán bộ được đào tạo Tiến sĩ (4 cán bộ đã hoàn thành, 1 cán bộ đang theo học nghiên cứu sinh).

+ Hợp tác với Trường Đại học Tartu - Estonia đào tạo hoàn thành 1 Tiến sĩ và 1 cán bộ đang theo học Nghiên cứu sinh.

- Hợp tác đào tạo liên tục và báo cáo khoa học:

+ Phát triển các quan hệ hợp tác quốc tế với Trường Đại học Jeonbuk - Hàn Quốc, Đại học Tartu - Estonia, Đại học Y Nha Tokyo - Nhật Bản, Đại học Harvard - Hoa Kỳ, các tổ chức DEVIEMED - Đức, Global Care - Hàn Quốc để tổ chức các đợt giảng dạy về Chỉnh nha, Implant, Phẫu thuật Hàm Mặt, Nội nha, Rối loạn giấc ngủ.

+ Một số cán bộ đã được cử công tác, tham quan học tập ngắn hạn tại Thảm Quyển, Hồng Kông, ĐH Quốc gia Seoul - Hàn Quốc, Wuerzburg - CHLB Đức, ĐH Tartu - Estonia, Đại học Boston, Massachusetts - Hoa Kỳ.

- Hợp tác nghiên cứu khoa học: Các cán bộ Khoa RHM tạo các mối quan hệ với các Giáo sư ở các Trường Đại học nước ngoài (Đại học Antwerp, Bỉ) hoặc các cán bộ sau khi hoàn thành chương trình Tiến sĩ vẫn tiếp tục giữ liên hệ với các Giáo sư tại các Trường Đại học đã tốt nghiệp (Đại học Jeonbuk, Đại học Y Nha Tokyo), để triển khai nghiên cứu tại Việt Nam và thực hiện các công bố quốc tế.

PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo

1.1. Ngành đăng ký đào tạo

- Tên ngành đào tạo: Răng Hàm Mặt.
- Mã số: 9720501.
- Tên đơn vị đào tạo: Trường Đại học Y - Dược, Đại Học Huế.
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ.
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt.

1.2. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo

RHM là ngành đã có trong danh mục của Bộ giáo dục và Đào tạo, vì vậy, việc xây dựng chương trình đào tạo căn cứ trên các vấn đề sau:

- Căn cứ các văn bản pháp lý do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- Căn cứ trên nhu cầu thực tế của các đơn vị đóng trên địa bàn miền Trung thông qua khảo sát nhu cầu do chúng tôi thực hiện, kết quả khảo sát cho thấy nhu cầu về ngành RHM là đáng kể.
- Căn cứ trên năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học của đơn vị, kết hợp với đối chiếu, so sánh với các các chương trình đào tạo Sau đại học ngành RHM/Nha khoa trong nước và trên thế giới.

Các văn bản pháp lý:

- Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 06 năm 2012.
- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục Đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ.
- Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 về Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của Giáo dục Đại học.
- Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Đại học Huế, ban hành kèm Quyết định số 1528/QĐ-ĐHH ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế.

- Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

- Thông tư Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục Đại học số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ.

- Quyết định số 1279/QĐ-ĐHH ngày 05 tháng 09 năm 2022 của Giám đốc Đại học Huế ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ Đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Đại học Huế.

1.3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1.3.1. Mục tiêu

1.3.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo những chuyên gia RHM có học vị Tiến sĩ là nhà nghiên cứu và giảng viên có trình độ cao về lý thuyết và có đạo đức, liêm chính trong công việc, thể hiện qua các khả năng nghiên cứu độc lập, khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới dựa vào khoa học, khả năng áp dụng thành tựu khoa học vào thực tiễn lâm sàng, khả năng tham gia đào tạo Đại học và Sau đại học, và khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học cho sinh viên, học viên và các các đồng nghiệp khác.

1.3.1.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức:

+ Cung cấp các kiến thức cốt lõi và nền tảng thuộc lĩnh vực của ngành RHM.

+ Cung cấp các kiến thức tiên tiến và chuyên sâu về ứng dụng và nghiên cứu trong RHM.

+ Cung cấp kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới trong RHM.

+ Kiến thức về quản trị tổ chức các hoạt động liên quan ngành RHM.

- Kỹ năng:

+ Rèn luyện kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực RHM.

+ Rèn luyện kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn sâu trong RHM.

+ Rèn luyện kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo trong thực hành lâm sàng, đào tạo và nghiên cứu khoa học liên quan lĩnh vực RHM.

+ Kỹ năng quản lý, điều hành trong nghiên cứu và phát triển ngành RHM trong nước và khu vực.

+ Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế; phổ biến các kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực RHM.

- Mức tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện năng lực nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới; đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau liên quan lĩnh vực RHM.

+ Rèn luyện năng lực thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt đồng nghiệp phát triển, áp dụng những kiến thức RHM vào sự nghiệp chăm sóc sức khỏe và phát triển của đất nước.

+ Rèn luyện năng lực phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia, quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.

1.3.1.3. Về vị trí công tác của người học sau khi tốt nghiệp

Các học viên tốt nghiệp Tiến sĩ RHM có khả năng thực hiện tốt các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, giảng dạy và điều trị tại trường Đại học, Viện nghiên cứu trong lĩnh vực RHM và khoa học sức khỏe nói chung, các cơ sở khám chữa bệnh (bệnh viện, phòng khám, ...).

1.3.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Tiến sĩ Răng Hàm Mặt

Sau khi đã kết thúc chương trình đào tạo Tiến sĩ ngành RHM, học viên phải có kiến thức lý thuyết, kiến thức thực tế; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn đạt bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

*** Yêu cầu chung**

Học viên thực hiện đầy đủ chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ của Trường Đại học Y - Dược về ngành RHM; tuân thủ Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ), của Đại học Huế và của Trường Đại học Y - Dược; học viên tuân thủ quy định quản lý của Trường Đại học Y - Dược và Khoa RHM nơi học viên thực hiện luận án; có báo cáo định kỳ theo quy định của Trường Đại học Y - Dược.

Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Tiến sĩ Răng Hàm Mặt

LĨNH VỰC	CHUẨN ĐẦU RA	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ
I. Nghiên cứu khoa học	<p>1. Tổng hợp và ứng dụng được các kiến thức khoa học chuyên sâu trong lĩnh vực RHM.</p> <p>2. Nghiên cứu khoa học và công bố sản phẩm khoa học.</p>	<p>1.1. Tổng quan được tình hình nghiên cứu khoa học liên quan RHM.</p> <p>1.2. Áp dụng được kết quả, kỹ thuật từ công trình nghiên cứu để giải quyết các vấn đề mới nổi trong lĩnh vực RHM.</p> <p>2.1. Có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo trong lĩnh vực RHM.</p> <p>2.2. Thực hiện được hoạt động nghiên cứu độc lập hoặc phối hợp nghiên cứu có hiệu quả với đồng nghiệp ở trong nước và nước ngoài.</p> <p>2.3. Thực hiện được tra cứu, dịch tài liệu, viết bài báo trong lĩnh vực chuyên môn, báo cáo khoa học tại các hội nghị trong nước và quốc tế.</p> <p>2.4. Đề xuất và chủ trì hoặc thực hiện chính các đề tài, dự án khoa học về lĩnh vực RHM.</p> <p>2.5. Đảm bảo tính liêm chính trong nghiên cứu khoa học.</p>

<p>II. Ứng dụng khoa học vào thực tiễn điều trị RHM</p>	<p>3. Khám và điều trị RHM tiên tiến dựa trên bằng chứng khoa học.</p> <p>4. Phát hiện vấn đề, đề xuất được các cải tiến kỹ thuật có giá trị trong thực hành RHM.</p>	<p>3.1. Áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành để khám chữa bệnh và phát triển chuyên môn.</p> <p>3.2. Tổng hợp và ứng dụng được kiến thức y học để giải quyết các vấn đề RHM</p> <p>3.3. Thực hiện thành thạo khám và điều trị RHM ở trình độ cao.</p> <p>3.4. Tôn trọng luật pháp và chính sách y tế liên quan đến ngành RHM.</p> <p>4.1. Phát hiện, phân tích và giải quyết vấn đề mới nổi trong thực hành RHM.</p> <p>4.2. Đề xuất được những sáng kiến cải tiến kỹ thuật có giá trị.</p>
<p>III. Quản lý và lãnh đạo</p>	<p>5. Vận dụng các nguyên tắc quản lý và lãnh đạo hiệu quả trong thực hành chăm sóc, quản lý, đào tạo, và nghiên cứu.</p>	<p>5.1. Ứng dụng nguyên tắc quản lý và lãnh đạo trong định hướng phát triển chuyên môn của tập thể.</p> <p>5.2. Thực hiện được việc ra quyết định, quản lý hoạt động chuyên môn và nghiên cứu RHM.</p> <p>5.3. Hợp tác liên ngành và điều phối các hoạt động chăm sóc tại cơ sở y tế, cơ sở đào tạo và cộng đồng.</p>
<p>IV. Tự phát triển cá nhân và nghề nghiệp suốt đời.</p>	<p>6. Duy trì và phát triển năng lực tự đào tạo suốt đời.</p>	<p>6.1. Cập nhật được thường xuyên các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn.</p> <p>6.2. Có trách nhiệm, tận tụy với công việc được giao hay do bản thân phụ trách.</p> <p>6.3. Có năng lực sử dụng Tiếng Anh trong tìm kiếm tài liệu, viết báo cáo, bài báo và trao đổi chuyên môn.</p>

*** Yêu cầu cụ thể**

- Hoàn thành các học phần bổ sung (nếu có) theo yêu cầu của Trường Đại học Y - Dược.

- Hoàn thành các học phần ở trình độ tiến sĩ gồm: 01 tiểu luận tổng quan, 03 chuyên đề Tiến sĩ và các học phần Tiến sĩ (bắt buộc và tự chọn). Tổng số TC tối thiểu toàn khóa học: 90 TC đối với học viên tốt nghiệp Thạc sĩ, 148 TC đối với học viên tốt nghiệp Đại học.

- Có công bố tối thiểu 02 bài báo về các nội dung nghiên cứu của luận án với vai trò tác giả chính, với tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng GSNN quy định. Trong đó:

+ Học viên là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí Khoa học trong nước được Hội đồng GSNN quy định khung đánh giá 0,75 điểm trở lên.

+ Học viên có công bố tối thiểu 01 bài báo khoa học đăng trên số Tiếng Anh của Tạp chí Y Dược Huế với vai trò tác giả chính.

- Triển khai thí nghiệm và tham gia các hoạt động sinh hoạt học thuật đầy đủ tại Trường Đại học Y - Dược từ khi có quyết định công nhận học viên đến khi hoàn thành bảo vệ luận án cấp Đại học Huế.

- Được tập thể hoặc người hướng dẫn đồng ý cho học viên bảo vệ luận án.

- Học viên phải bảo vệ luận án của mình trước hội đồng cấp Đại học Huế.

*** Học viên đạt học vị Tiến sĩ ngành Răng Hàm Mặt có thể công tác trong các lĩnh vực sau:**

- Nghiên cứu và giảng dạy về lĩnh vực RHM tại các viện, trung tâm nghiên cứu, trường Đại học về khoa học sức khỏe.

- Cơ sở khám chữa bệnh có liên quan đến RHM.

- Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

1.4. Đối sánh khung chương trình đào tạo

1.4.1. Đối sánh khung chương trình đào tạo trong nước

Bảng 3.2. Đối sánh khung chương trình đào tạo trong nước

	Khung chương trình Tiến sĩ RHM Trường ĐH Y Dược, ĐH Huế		Khung chương trình Tiến sĩ RHM Trường ĐH Y Dược Cần Thơ		Khung chương trình Tiến sĩ RHM ĐH Y Dược TPHCM		Khung chương trình Tiến sĩ RHM Viện Nghiên cứu Khoa học Y Dược Lâm sàng 108	
	Học viên có trình độ Đại học	Học viên có trình độ Thạc sĩ/ BSCK II	Học viên có trình độ Đại học/ BSCKI	Học viên có trình độ Thạc sĩ/ BSCKI I / BSNT	Học viên có trình độ Đại học / BSCKI	Học viên có trình độ Thạc sĩ/ BSCKI I / BSNT	Học viên có trình độ Đại học / BSCKI	Học viên có trình độ Thạc sĩ / BSCKII / BSNT
Học phần bổ sung kiến thức	58 TC theo chương trình Thạc sĩ.	-	53 TC theo chương trình Thạc sĩ.	-	32 TC (gồm 30 TC theo chương trình Thạc sĩ, 2 TC khác).	2 TC Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao.	30 TC theo chương trình Thạc sĩ.	-
Học phần	10 TC (8 TC bắt buộc, 2 TC tự)		20 TC (10 TC bắt buộc, 10 TC tự)		8 TC (4 TC bắt buộc, 4 TC tự)		TC bắt buộc: gồm 5 học phần chuyên	

trình độ tiên sĩ	chọn) - 8 TC bắt buộc: gồm 3 học phần (Nghiên cứu khoa học ứng dụng trong RHM, Nha khoa hiện đại, Bệnh học miệng-hàm mặt nâng cao). - 2 TC tự chọn: chọn 1/8 học phần.		chọn) - 10 TC bắt buộc: gồm 2 học phần (Bệnh lý miệng và hàm mặt, Phẫu thuật miệng và hàm mặt). - 10 TC tự chọn: chọn 2/4 học phần.		chọn) - 4 TC bắt buộc: gồm 2 học phần (Nghiên cứu khoa học RHM nâng cao, Sinh học miệng - hàm mặt nâng cao). - 4 TC tự chọn: chọn 2/14 học phần.		sâu phù hợp với đề tài luận án.	
Chuyên đề tiên sĩ	6 TC (3 chuyên đề)		6 TC (3 chuyên đề)		4 TC (2 chuyên đề)		6 TC (3 chuyên đề)	
Tiểu luận tổng quan	2 TC		4 TC		2 TC		3 TC	
Luận án	72 TC		60 TC		74 TC		70 TC	
Tổng cộng	148 TC	90 TC	143 TC	90 TC	120 TC	90 TC	124 TC	94 TC

Khung chương trình tiên sĩ RHM Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế được thực hiện dựa trên sự tham khảo từ khung chương trình tiên sĩ RHM của các cơ sở đào tạo trong nước, để phù hợp với mô hình đào tạo tiên sĩ của Việt Nam hiện nay.

Các cơ sở đào tạo có khung chương trình tiến sĩ RHM được tham khảo gồm có Trường Đại Y Dược Cần Thơ, Đại học Y Dược TPHCM, Viện Nghiên cứu Khoa học Y Dược Lâm sàng 108.

Đối với "Học phần bổ sung kiến thức" dành cho học viên có trình độ Đại học, khung chương trình của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế gồm có các TC theo chương trình Thạc sĩ, tương tự như các cơ sở đào tạo khác. Điểm khác biệt là số lượng TC của học phần bổ sung. Trong khung chương trình của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế, số lượng TC đối với học phần bổ sung kiến thức là 58 TC, trong khi số lượng TC này ở Trường Đại Y Dược Cần Thơ, Đại học Y Dược TPHCM, Viện Nghiên cứu Khoa học Y Dược Lâm sàng 108 lần lượt là 53, 32, 30 TC.

Đối với "Học phần trình độ Tiến sĩ", khung chương trình của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế gồm có các TC bắt buộc và các TC tự chọn, tương tự như chương trình của Trường Đại Y Dược Cần Thơ, Đại học Y Dược TPHCM. Tuy nhiên, số lượng TC có sự khác nhau giữa ba cơ sở đào tạo. Số lượng TC ở học phần trình độ tiến sĩ trong khung chương trình của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế là 10 TC, trong đó có 8 TC bắt buộc (3 học phần) và 2 TC tự chọn (1 học phần). Số lượng TC của Trường Đại Y Dược Cần Thơ là 20 TC, gồm 10 TC bắt buộc (2 học phần) và 10 TC tự chọn (2 học phần). Số lượng TC của Đại học Y Dược TPHCM là 8 TC gồm 4 TC bắt buộc (2 học phần) và 4 TC tự chọn (2 học phần).

Đối với "Chuyên đề tiến sĩ", khung chương trình của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế gồm có 6 TC (3 chuyên đề), tương tự như chương trình của Trường Đại Y Dược Cần Thơ và Viện Nghiên cứu Khoa học Y Dược Lâm sàng 108.

Đối với "Tiểu luận tổng quan" và "Luận án", số lượng TC trong khung chương trình của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế tương tự như chương trình của Đại học Y Dược TPHCM. Số lượng TC của tiểu luận tổng quan là 2 TC. Số lượng TC của luận án là 72 TC.

Tổng cộng, trong khung chương trình Tiến sĩ RHM Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế, số lượng TC cho học viên có trình độ Đại học là 148 TC, và học viên có trình độ Thạc sĩ hoặc BSCKII là 90 TC.

1.4.2. Đối sánh khung chương trình đào tạo nước ngoài

Bảng 3.3. Đối sánh khung chương trình đào tạo nước ngoài

Khung chương trình Tiến sĩ Nha khoa Trường ĐH Yonsei, Hàn Quốc		Khung chương trình Tiến sĩ Nha khoa Trường ĐH Tohoku, Nhật Bản		Khung chương trình Tiến sĩ Nha khoa Trường ĐH McGill, Canada			Khung chương trình Tiến sĩ Nha khoa Trường ĐH Washington, Mỹ	
Học viên có trình độ Đại học	Học viên có trình độ Thạc sĩ	Khoa học sức khỏe miệng	CA+in D	Học viên có trình độ Đại học	Học viên đang theo học Thạc sĩ tại McGill	Học viên có trình độ Thạc sĩ	DDS/P hD (8 năm)	Học viên có trình độ Đại học (5 năm)
54 TC 9 TC chuyên ngành và 45 TC tự chọn (Không được vượt quá 12 TC/học	30 TC 6 TC chuyên ngành và 24 TC tự chọn (Không được vượt quá 12 TC/học	30 TC Bài giảng khoa học nha khoa: Ít nhất 9 TC Seminar khoa học nha khoa: Ít	30 TC Bài giảng khoa học nha khoa: Ít nhất 3 TC Seminar khoa học nha khoa: Ít	18-24 TC 12 TC bắt buộc 6-12 TC tự chọn 1 TC kỳ thi toàn diện			27 TC luận án	90 TC 27 TC luận án

kỳ)	kỳ)	nhất 6 TC Kỹ thuật khoa học nha khoa: Ít nhất 6 TC Chuẩn bị luận án: 9 TC	nhất 2 TC Kỹ thuật khoa học nha khoa: Ít nhất 6 TC Chuẩn bị luận án: 19 TC			
-----	-----	---	---	--	--	--

Khung chương trình tiến sĩ RHM của một số cơ sở đào tạo nước ngoài có sự khác nhau tùy theo mỗi quốc gia. Điểm tương đồng giữa khung chương trình của các cơ sở đào tạo này với khung chương trình tiến sĩ RHM Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế và các Trường, Viện khác ở Việt Nam là đều có các TC bắt buộc, các TC tự chọn và phân luận án. Nhìn chung, tổng số TC trong khung chương trình tiến sĩ RHM ở các cơ sở nước ngoài thấp hơn so với ở Việt Nam.

1.5. Chương trình đào tạo

1.5.1. Nội dung chương trình đào tạo

- Tổng số TC:
 - + 90 TC cho học viên có bằng ThS/BSCCKII ngành RHM.
 - + 148 TC cho học viên có bằng Bác sĩ ngành RHM loại Giỏi.
- Khung chương trình chung (Bảng 3.1).

**Bảng 3.4. Khối lượng kiến thức khung chương trình Tiến sĩ ngành
Răng Hàm Mặt**

	Học viên chưa có bằng Thạc sĩ hoặc tương đương	Học viên có bằng Thạc sĩ hoặc tương đương
Học phần bổ sung kiến thức	58 TC theo chương trình Thạc sĩ RHM	không
Học phần trình độ Tiến sĩ	10 TC (8 TC bắt buộc, 2 TC tự chọn)	
Chuyên đề Tiến sĩ	6 TC (3 chuyên đề)	
Tiểu luận tổng quan	2 TC	
Nghiên cứu khoa học	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai thí nghiệm và tham gia các hoạt động sinh hoạt học thuật đầy đủ tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế từ khi có quyết định công nhận học viên đến khi hoàn thành bảo vệ luận án cơ sở; - Có công bố tối thiểu 02 bài báo khoa học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. 	
Luận án	72 TC Luận án Tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của học viên, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.	
Tổng cộng	148 TC	90 TC

- Khung chương trình đào tạo bổ sung (dành cho ứng viên chưa có bằng Thạc sĩ hoặc tương đương):

Học viên phải hoàn thành các học phần bổ sung (58 TC) trong 2 năm đầu (Bảng 3.5) Theo chương trình Thạc sĩ RHM của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế. Học viên phải đáp ứng yêu cầu về trình độ ngoại ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Huế.

Bảng 3.5. Khối lượng kiến thức chương trình bổ sung dành cho học viên chưa có bằng Thạc sĩ hoặc tương đương

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	L T	TH
A	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG		3	2	1
1	KH.TH.501	Triết học	3	2	1
B	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ, CHUYÊN NGÀNH				
	1. Cơ sở và hỗ trợ		20	4	6
	* Học phần cơ sở				
2	YD.GP.503	Giải phẫu đầu mặt cổ	3	2	1
3	YD.HT.504	Hình thái học răng	3	2	1
4	YD.PN.505	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1
5	YD.CK.507	Cán khớp học	3	2	1
	* Học phần hỗ trợ				
6	YD.MH.506	Tai mũi họng	4	3	1
7	YD.NK.509	Hồi sức cấp cứu	4	3	1
	2. Chuyên ngành		35	1	14
8	YD.CĐ.511	Nha cộng đồng	5	3	2
9	YD.NN.512	Chữa răng - Nội nha	5	3	2
10	YD.NC.513	Nha chu	5	3	2
11	YD.BM.514	Bệnh lý miệng và hàm mặt	5	3	2
12	YD.NR.515	Nhổ răng - Tiểu phẫu	5	3	2
13	YD.PH.516	Phục hình	5	3	2
14	YD.CN.517	Chỉnh nha - Nha khoa trẻ em	5	3	2
	TỔNG SỐ TC		58		

1.5.2. Khối lượng kiến thức của các học phần

Các học phần ở trình độ Tiến sĩ giúp học viên cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của

lĩnh vực nghiên cứu. Mỗi học viên phải hoàn thành 4 học phần với khối lượng 10 TC thuộc trình độ Tiến sĩ, bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn. Trong đó các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những cốt lõi ở mức độ cao của ngành và chuyên ngành. Các học phần tự chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài nghiên cứu sinh.

Bảng 3.6 Các học phần trình độ Tiến sĩ ngành Răng Hàm Mặt

STT	Mã số		Tên học phần	Số TC		
	Bảng chữ	Bảng số		Tổng	LT	TH
			Các học phần bắt buộc (3 HP)			
1	HPTSRHM	01	Nghiên cứu khoa học ứng dụng trong RHM	3	3	
2	HPTSRHM	02	Nha khoa hiện đại	3	3	
3	HPTSRHM	03	Bệnh học miệng-hàm mặt nâng cao	2	2	
			Các học phần tự chọn (chọn 1/8 học phần)			
3	HPTSRHM	04	Tạo hình hàm mặt	2	1	1
4	HPTSRHM	05	Phục hình nâng cao	2	2	
5	HPTSRHM	06	Phẫu thuật miệng - Cấy ghép nha khoa	2	2	
6	HPTSRHM	07	Nha chu nâng cao	2	2	
7	HPTSRHM	08	Chữa răng - Nội nha nâng cao	2	2	
8	HPTSRHM	09	Nha khoa dự phòng và phát triển	2	2	

Bảng 3.7. Phân công giảng viên, nhà khoa học cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần và chuyên đề

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Giảng dạy các học phần, chuyên đề
1	Trần Tấn Tài	PGS, 2023	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	HPTSRHM 01 (Nghiên cứu khoa học trong RHM), HPTSRHM 02 (NKHĐ), HPTSRHM 07 (Nha chu nâng cao), HPTSRHM 09 (Nha khoa dự phòng và phát triển), HPTSRHM 06 (PTM - CGNK)
2	Võ Văn Thắng	GS, 2021	Tiến sĩ, Việt Nam, 2007	HPTSRHM 06 (Nghiên cứu khoa học trong RHM)
3	Hoàng Bùi Bảo	PGS, 2012	Tiến sĩ, Việt Nam, 2006	HPTSRHM 01 (Nghiên cứu khoa học trong RHM)
4	Đặng Thị Anh Thư		Tiến sĩ, Úc, 2019	HPTSRHM 01 (Nghiên cứu khoa học trong RHM)
5	Nguyễn Văn Hùng		Tiến sĩ, Thái Lan, 2014	HPTSRHM 01 (Nghiên cứu khoa học trong RHM)
6	Nguyễn Thị Thùy Dương		Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2017	HPTSRHM 01 (Nghiên cứu khoa học trong RHM), HPTSRHM 02 (NKHĐ), HPTSRHM 05 (Phục hình nâng cao), HPTSRHM 07 (Nha chu nâng cao), HPTSRHM 06 (PTM - CGNK)
7	Nguyễn Gia Kiều Ngân		Tiến sĩ, Nhật Bản, 2019	HPTSRHM 01 (Nghiên cứu khoa học trong RHM), HPTSRHM 02 (NKHĐ),

				HPTSRHM 05 (Phục hình nâng cao), HPTSRHM 09 (Nha khoa dự phòng và phát triển)
8	Nguyễn Thị Nhật Vy		Tiến sĩ, Nhật Bản, 2021	HPTSRHM 01 (Nghiên cứu khoa học trong RHM), HPTSRHM 09 (Nha khoa dự phòng và phát triển)
9	Nguyễn Toại	PGS, 2012	Tiến sĩ, Việt Nam, 2003	HPTSRHM 02 (NKHĐ), HPTSRHM 05 (Phục hình nâng cao), HPTSRHM 09 (Nha khoa dự phòng và phát triển)
10	Nguyễn Văn Minh		Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	HPTSRHM 02 (NKHĐ), HPTSRHM 03 (Bệnh học miệng - hàm mặt nâng cao), HPTSRHM 04 (Tạo hình hàm mặt), HPTSRHM 05 (Phục hình nâng cao), HPTSRHM 07 (Nha chu nâng cao), HPTSRHM 06 (PTM - CGNK)
11	Phan Anh Chi		Tiến sĩ, Pháp, 2016	HPTSRHM 02 (NKHĐ), HPTSRHM 08 (Chữa răng - nội nha nâng cao), HPTSRHM 09 (Nha khoa dự phòng và phát triển)
12	Nguyễn Thị Thanh Hoàng		Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2021	HPTSRHM 02 (NKHĐ), HPTSRHM 07 (Nha chu nâng cao), HPTSRHM 08 (Chữa răng - nội nha nâng cao)
13	Đặng Minh Huy		Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2019	HPTSRHM 02 (NKHĐ), HPTSRHM 05 (Phục hình nâng

				cao), HPTSRHM 08 (Chữa răng - nội nha nâng cao)
14	Lê Văn Nhật Thăng		Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2022	HPTSRHM 02 (NKHĐ), HPTSRHM 08 (Chữa răng - nội nha nâng cao), HPTSRHM 09 (Nha khoa dự phòng và phát triển)
15	Nguyễn Văn Mão	PGS, 2017	Tiến sĩ, Việt Nam, 2011	HPTSRHM 03 (Bệnh học miệng - hàm mặt nâng cao)
16	Nguyễn Thanh Thảo	PGS, 2022	Tiến sĩ, Đức, 2011	HPTSRHM 03 (Bệnh học miệng - hàm mặt nâng cao)
17	Trần Xuân Phương		Tiến sĩ, Nhật Bản, 2022	HPTSRHM 03 (Bệnh học miệng - hàm mặt nâng cao), HPTSRHM 06 (PTM - CGNK)
18	Lê Thanh Thái	PGS, 2017	Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	HPTSRHM 03 (Bệnh học miệng - hàm mặt nâng cao)
19	Lê Hồng Phúc		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	HPTSRHM 04 (Tạo hình hàm mặt)
20	Nguyễn Thanh Tùng		Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2017	HPTSRHM 06 (Nha chu nâng cao)
21	Nguyễn Văn Minh	PGS, 2017	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	HPTSRHM 06 (PTM - CGNK)
22	Nguyễn Minh Tâm	PGS, 2017	Tiến sĩ, Úc, 2010	HPTSRHM 01 (Nghiên cứu khoa học trong RHM)

4	Phương pháp nghiên cứu khoa học								X										
5	Cẩn khớp học								X										
6	Tai mũi họng								X							X			
7	Hồi sức cấp cứu								X							X			
Khối kiến thức chuyên ngành (35 TC)																			
8	Nha cộng đồng								X				X					X	
9	Chữa răng - Nội nha								X				X					X	
10	Nha chu								X				X					X	
11	Bệnh lý miệng và hàm mặt								X				X					X	
12	Nhổ răng - Tiểu phẫu								X				X					X	

CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ BÀI TIỂU LUẬN TỔNG QUAN: 08 TC																				
24	Chuyên đề 1	X				X												X		X
25	Chuyên đề 2	X				X												X		X
26	Chuyên đề 3	X				X												X		X
27	Tiểu luận tổng quan	X				X												X		X

CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ BÀI TIỂU LUẬN TỔNG QUAN: 08 TC																				
24	Chuyên đề 1	X				X												X		X
25	Chuyên đề 2	X				X												X		X
26	Chuyên đề 3	X				X												X		X
27	Tiểu luận tổng quan	X				X												X		X

1.5.3. Chuyên đề Tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

Chuyên đề Tiến sĩ

Các chuyên đề Tiến sĩ đòi hỏi học viên tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của học viên, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp học viên giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi học viên phải hoàn thành 3 chuyên đề Tiến sĩ với khối lượng 6 TC, được xây dựng theo trình tự sau: mục đích của chuyên đề, các nội dung cần đạt được khi viết chuyên đề này, cuối cùng là tài liệu tham khảo. Tùy từng đề tài luận án, hội đồng duyệt đề cương học viên sẽ đề nghị giao 3 chuyên đề phù hợp.

Tiểu luận tổng quan

- Bài Tiểu luận tổng quan có thời lượng tương đương 1 chuyên đề Tiến sĩ (2 TC).

- Bài Tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi học viên thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án.

- Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước: liệt kê kết quả các công trình nghiên cứu, rút ra các kết luận chung từ các đề tài, nêu được những kết luận đã thống nhất và chưa thống nhất.

- Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu ngoài nước: trình bày tóm tắt kết quả các công trình nghiên cứu, rút ra các kết luận chung từ các đề tài, nêu được những kết luận đã thống nhất và chưa thống nhất, phân tích, đánh giá ý nghĩa khoa học và thực tiễn của các kết luận này.

- Nêu ra các vấn đề còn tồn tại đang hoặc chưa được nghiên cứu trong nước và trên thế giới.

- Trình bày hướng nghiên cứu, mục tiêu cần nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu của đề tài học viên.

- Dự kiến các kết quả nghiên cứu của đề tài học viên, nhằm mục đích giải quyết được vấn đề gì.

1.5.4. Nghiên cứu khoa học và luận án Tiến sĩ

Học viên có nhiệm vụ phải tham gia và báo cáo các kết quả nghiên cứu tại các hội nghị, hội thảo chuyên ngành trong và ngoài nước. Kết quả nghiên cứu khoa học của học viên phải được đăng trên các tạp chí chuyên ngành.

Luận án Tiến sĩ phải là một công trình nghiên cứu khoa học độc đáo, sáng tạo trong lĩnh vực nghiên cứu, có đóng góp về mặt lí luận, chứa đựng những tri thức hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải quyết sáng tạo các vấn đề đang đặt ra với một ngành khoa học hoặc thực tiễn xã hội.

Luận án Tiến sĩ có khối lượng khoảng 180 trang A4, trong đó trên 50% là trình bày các kết quả nghiên cứu và thảo luận của riêng học viên.

Đóng góp mới của luận án có thể là:

- Những kết quả mới hay đề xuất mới có tác dụng bổ sung, phát triển hoặc làm phong phú thêm vốn kiến thức đã có của chuyên ngành.

- Những ứng dụng sáng tạo và phát triển có cơ sở khoa học dựa trên các thành tựu đã có nhằm giải quyết những yêu cầu thiết thực của khoa học - kỹ thuật, công nghệ, kinh tế - xã hội, đặc biệt là trong sự phát triển của ngành RHM.

2. Kế hoạch tuyển sinh và đào tạo

2.1. Kế hoạch tuyển sinh

2.1.1. Phương án tuyển sinh ngành đào tạo và chỉ tiêu đào tạo dự kiến 5 năm đầu

- Phương án tuyển sinh: tuyển sinh 6 đợt/năm theo các quy định chung của Đại học Huế.

- Chỉ tiêu đào tạo dự kiến:

- + Trong 2 năm đầu: 3 - 5 ứng viên/năm.

- + Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5: 4 - 6 ứng viên/năm.

2.1.2. Đối tượng tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh cho chương trình Tiến sĩ ngành RHM là những người đã tốt nghiệp ThS/BSCCKII hoặc Bác sĩ ngành RHM loại Giỏi.

- Người dự tuyển phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện về văn bằng, ngoại ngữ và các điều kiện khác do Đại học Huế thông báo cụ thể trong thông báo tuyển sinh hằng năm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.1.3. Danh mục chuyên ngành đăng ký đào tạo

* Đối tượng tuyển sinh có trình độ Thạc sĩ

Bảng 3.10 là danh mục chuyên ngành đăng ký đào tạo cho đối tượng tuyển sinh có trình độ Thạc sĩ. Bảng 3.11. là danh mục chuyên ngành đăng ký cho đối tượng tuyển sinh có trình độ BSCCKII RHM, tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Bảng 3.10. Danh mục chuyên ngành (theo Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ Thạc sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Ngành	Mã số
1	Thạc sĩ RHM	8720501

Trong từng trường hợp cụ thể, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế sẽ xem xét xác định cho các đối tượng dự tuyển có bằng Thạc sĩ không nằm trong danh mục ở Bảng 3.10, đặc biệt là các đối tượng tốt nghiệp Thạc sĩ ở nước ngoài.

Bảng 3.11. Danh mục chuyên ngành tương đương bậc 7 (theo Công văn 1274/YT-K2ĐT ngày 25 tháng 02 năm 2005 của Bộ Y tế)

STT	Ngành	Mã số
1	Bác sĩ chuyên khoa II RHM	CK 62 72 28 15

* Đối tượng tuyển sinh có trình độ Đại học

Bảng 3.12. là danh mục chuyên ngành đăng ký đào tạo cho đối tượng tuyển sinh có trình độ Đại học.

Bảng 3.12. Danh mục chuyên ngành (theo Danh mục Giáo dục, Đào tạo cấp IV trình độ Cao đẳng, Đại học ban hành theo 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Chuyên ngành	Mã số
1	Bác sĩ RHM	7720501

2.1.4. Danh mục các môn học bổ sung kiến thức

* Đối với học viên chưa có bằng Thạc sĩ

Học viên phải hoàn thành các học phần bổ sung (58 TC) trong 2 năm đầu (Bảng 3.2) theo chương trình Thạc sĩ RHM của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế. Học viên phải đáp ứng yêu cầu về trình độ ngoại ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Huế.

2.2. Kế hoạch đào tạo

2.2.1. Thời gian đào tạo toàn khóa

Đối với người có bằng Thạc sĩ là 3 năm tập trung liên tục; đối với người có bằng Bác sĩ RHM là 4 năm tập trung liên tục.

Học viên được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận học viên có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho Đại học Huế, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án của Đại học Huế.

Đào tạo trình độ Tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy; nghiên cứu sinh phải dành đủ thời học tập, nghiên cứu tại cơ sở đào tạo theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó khi đăng ký đủ 30 TC trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

2.2.2. Kế hoạch đào tạo

Đối với học viên chưa có bằng Thạc sĩ, kế hoạch đào tạo các học phần bổ sung kiến thức theo chương trình Thạc sĩ RHM của Trường Đại học Y - Dược, trong đó tập trung vào 4 học kỳ đầu tiên của khóa học.

2.2.3. Phân công cán bộ giảng dạy

Các học phần ở cả trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ đều do các giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Y - Dược hoặc các giảng viên thỉnh giảng đến từ các đơn vị thành viên trong Đại học Huế đảm nhiệm.

2.2.4. Mức học phí

Mức học phí của chương trình đào tạo được áp dụng theo quy định chung của Đại học Huế và Bộ Giáo dục và Đào tạo, mức tăng học phí hằng năm phù hợp với thông lệ chung.

2.2.5. Kế hoạch đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo

Lộ trình đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo Tiến sĩ ngành RHM được xây dựng theo Thông tư 17/2021 TT-BGDĐT của Bộ GDĐT về Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục Đại học và QĐ 1279/QĐ-ĐHH của Đại học Huế về ban hành Quy

định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ tại Đại học Huế.

Bảng 3.13. Lộ trình đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo Tiến sĩ ngành Răng Hàm Mặt

Năm	Công việc
2023	Thẩm định thông qua chương trình
2024	Tuyển sinh khoá đầu tiên
2026	Kiểm định nội bộ theo tiêu chuẩn AUN-QA
2029	Đánh giá ngoài chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA
Mỗi 5 năm	Rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo

3. Đề nghị và cam kết thực hiện

1. Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2. Đề nghị của cơ sở đào tạo.

Căn cứ vào năng lực của Trường, căn cứ vào nhu cầu nguồn nhân lực, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế được mở mã ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ ngành RHM.

3. Cam kết triển khai thực hiện.

Trường cam kết đầu tư mang tính chiến lược và chú trọng đến hiệu quả để đảm bảo chất lượng đối với những ngành đang đào tạo nói chung và ngành đăng ký mở ngành RHM nói riêng.

Công tác xây dựng kế hoạch, đầu tư nhân lực và cơ sở vật chất đều được căn cứ vào nhu cầu và tình hình thực tiễn của nhà trường, địa phương và phù hợp với xu hướng chung của đất nước trong bối cảnh hiện nay.

PHẦN 4. CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN

1. Nội dung chi tiết các học phần bắt buộc

ĐẠI HỌC HUẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Ngành: Răng Hàm Mặt

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

1.1. Thông tin chung

1.1.1. Tên học phần: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ỨNG DỤNG TRONG RĂNG HÀM MẶT

1.1.2. Mã học phần: HPTSRHM 01

1.1.3. Số tín chỉ: 03 TC (Lý thuyết)

1.1.4. Loại học phần: Bắt buộc

1.1.5. Các học phần tiên quyết (nếu có): các học phần bắt buộc

1.1.6. Các yêu cầu đối với học phần:

Học viên đã học chương trình đào tạo Thạc sĩ RHM hoặc tương đương (BSCKII RHM). Học viên chưa có bằng Thạc sĩ hoặc tương đương, đã hoàn thành chương trình bổ sung.

1.2. Mục tiêu của học phần

1.2.1. Kiến thức

- Trình bày được các phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học, RHM.
- Phân tích được ưu và nhược điểm của các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học trong y học, RHM.
- Mô tả được các bước xây dựng một đề cương nghiên cứu khoa học trên vấn đề sức khỏe đã xác định.
- Hiểu rõ giá trị của công bố tạp chí khoa học từ các nghiên cứu trong y học, RHM.

1.2.2. Kỹ năng

- Xây dựng và phát triển 1 đề cương nghiên cứu khoa học trong y học, RHM.
- Tính toán được cỡ mẫu nghiên cứu trong y học, RHM.
- Lựa chọn test thống kê thích hợp trong nghiên cứu định lượng và kỹ thuật phân tích số liệu của nghiên cứu định tính.
- Viết được 1 bài báo để công bố khoa học từ kết quả nghiên cứu y học, RHM.

1.2.3. Thái độ

- Nhận thức được tầm quan trọng của việc ứng dụng dịch tễ học và thống kê trong nghiên cứu khoa học trong y học lâm sàng.

1.3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Nghiên cứu khoa học ứng dụng trong RHM bao gồm nội dung áp dụng các thiết kế nghiên cứu phù hợp và sử dụng các phương pháp đo lường biến số, thuật toán thống kê liên quan đến các vấn đề y học, RHM trên cơ sở lựa chọn các chủ đề nghiên cứu ưu tiên có giá trị khoa học và thực tiễn.

1.4. Nội dung chi tiết học phần

STT	Nội dung	LT	Giảng viên
1	Xây dựng đề cương nghiên cứu sức khỏe y học, RHM	4	PGS.TS. Trần Tấn Tài
2	Phát triển câu hỏi nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu	4	PGS.TS. Nguyễn Minh Tâm
3	Giới thiệu một số thiết kế nghiên cứu định lượng	4	GS.TS. Võ Văn Thắng
4	Tổng quan một số thiết kế nghiên cứu dịch tễ học	4	TS. Đặng Thị Anh Thư
5	Tổng quan hệ thống và phân tích gộp trong nghiên cứu khoa học	4	GS.TS. Võ Văn Thắng
6	Khung lý thuyết trong nghiên cứu khoa học	4	TS. Nguyễn Văn Hùng

7	Tính cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu can thiệp	5	PGS.TS. Trần Tấn Tài
8	Chọn test thống kê trong nghiên cứu khoa học	4	TS. Nguyễn Thị Nhật Vy
9	Đạo đức trong nghiên cứu y học	4	PGS.TS. Hoàng Bùi Bảo
10	Kế hoạch phân tích và diễn giải số liệu	4	TS. Nguyễn Gia Kiều Ngân
11	Viết và công bố bài báo khoa học quốc tế	4	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương
	Tổng	45	

2. THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Các giảng viên có thể giảng dạy học phần này gồm:

2.1. Giảng viên 1

Họ và tên: TRẦN TẤN TÀI

Chức danh, học vị: *Phó Giáo sư, Giảng viên cao cấp, Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa II*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

- + Cơ quan: 06 Ngô Quyền, Thành phố Huế
- + Nhà riêng: 33 Ông Ích Khiêm, Thành phố Huế
- + Điện thoại liên lạc: 0913431184
- + E-Mail: tttai@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Phẫu thuật miệng - Cấy ghép nha khoa, Nha cộng đồng, Phẫu thuật nha chu, Nha chu và bệnh lý toàn thân.*

2.2. Giảng viên 2

Họ và tên: VÕ VĂN THẮNG

Chức danh, học vị: *Giáo sư, Giảng viên cao cấp, Tiến sĩ*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền, Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 44 Trần Thái Tông, Thành phố Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0913465298

+ E-Mail: vovanthang147@hueuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Dân số - Sức khỏe sinh sản, Quản lý y tế, Chính sách y tế ở Việt Nam.*

2.3. Giảng viên 3

Họ và tên: HOÀNG BÙI BẢO

Chức danh, học vị: *Phó Giáo sư, Giảng viên cao cấp, Tiến sĩ*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế

+ Nhà riêng: Thành phố Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0905405005

+ E-Mail: hbbao@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Nội thận - Tiết niệu.*

2.4. Giảng viên 4

Họ và tên: ĐẶNG THỊ ANH THU

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên chính*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 45/5 Duy Tân, Thành phố Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0914481212

+ E-Mail: dtathu@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Sức khỏe cộng đồng, Sức khỏe môi trường, Sức khỏe nghề nghiệp, Đánh giá tác động môi trường và sức khỏe.*

2.5. Giảng viên 5

Họ và tên: NGUYỄN VĂN HÙNG

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên chính*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 03/51/69 kiệt 131 Trần Phú, Thành phố Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0914312951

+ E-Mail: nvhung@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Y tế công cộng.*

2.6. Giảng viên 6

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên chính*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 45A Phùng Lưu, Thành phố Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0904181688

+ E-Mail: nttduong@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Điều trị nha chu không phẫu thuật, Tái tạo mô có hướng dẫn, Đánh giá nguy cơ nha chu.*

2.7. Giảng viên 7

Họ và tên: NGUYỄN GIA KIỀU NGÂN

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 11/18 Đào Tấn, Thành phố Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0976283058

+ E-Mail: ngkngan@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Đau miệng mắt, Rối loạn thái dương hàm, Nghiến răng, Rối loạn giấc ngủ liên quan đến nha khoa.*

2.8. Giảng viên 8

Họ và tên: NGUYỄN THỊ NHẬT VY

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 172 Bùi Thị Xuân, Thành phố Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0374713799

+ E-Mail: ntnvy@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Dịch tễ bệnh răng miệng, Khoa học hành vi, Chất lượng cuộc sống liên quan đến sức khỏe răng miệng, Giáo dục sức khỏe và hiểu biết về sức khỏe.*

3. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

Thuyết trình/báo cáo chủ đề, thảo luận nhóm, dịch thuật.

4. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN VÀ PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

4.1. Chính sách đối với học phần

Giảng viên của mỗi chủ đề học tập sẽ cung cấp tài liệu, hướng dẫn các nội dung chính của chủ đề cho học viên cần phải đọc và tự học.

Các buổi học có thể tổ chức dưới hình thức seminar trong đó nội dung của chủ đề được giới thiệu cho học viên chuẩn bị và trình bày trước tập thể. Các cán bộ giảng dạy, học viên trả lời các thắc mắc của các cán bộ tham dự.

4.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học phần

4.2.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- Học viên phải có mặt tại đơn vị giảng dạy trong thời gian nội dung học được lên kế hoạch và làm việc với giảng viên phụ trách môn học.

- Hình thức kiểm tra: Đánh giá thông qua các báo cáo chủ đề, vấn đáp, trả lời câu hỏi ngắn.

4.2.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ

- **Hình thức thi:** Hình thức thi sẽ được phổ biến vào đầu chương trình học.

- **Thi cuối kỳ:** viết tiểu luận nghiên cứu sinh trình bày trước tiểu ban chấm thi.

+ Mỗi học viên phải viết một bài tiểu luận, tên của tiểu luận do giảng viên giao. Học viên phải trình bày trước tiểu ban chấm thi và giảng viên hướng dẫn bài tiểu luận của mình và trả lời các câu hỏi trong quá trình thảo luận.

+ Học viên tự sửa chữa các vấn đề đã được góp ý trong quá trình thảo luận, sau đó nộp tiểu luận cho giảng viên chấm.

+ Bài tiểu luận được đánh giá dựa trên hình thức trình bày và nội dung.

* **Lịch thi, kiểm tra:**

- Lịch kiểm tra: Khoa sẽ lên kế hoạch.

- Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau đại học.

5. TÀI LIỆU HỌC TẬP

5.1. Tài liệu học tập bắt buộc (tại Trung tâm thư viện Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế và do giảng viên cung cấp)

Tiếng Việt

1. *Võ Văn Thắng, Lưu Ngọc Hoạt (2022), Phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học, Nhà xuất bản Y học.*

2. *Lưu Ngọc Hoạt, Võ Văn Thắng (2011), Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng, Nhà xuất bản Đại học Huế.*

Tiếng Anh

3. *J. Anthony von Fraunhofer (2010), Research Writing in Dentistry, Wiley-Blackwell Ltd.*

4. *Peter H. Buschang & Ana M. Wintergerst (2016), Clinical Research Methodology & Design For Dentists: Practical Guidelines and Applications, Linus Learning Ltd.*

5. Fahimeh Tabatabaei, Lobat Tayebi (2022), *Research Methods in Dentistry*, Springer Ltd.

5.2. Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

1. Beaglehole T., Bonita R., Kjellstrom T., Lê Vũ Anh, Lê Ngọc Quang, Lê Thanh Hà (2004), *Dịch tễ học cơ bản (Basic epidemiology) - Bản dịch tiếng Việt*, Nhà xuất bản Y học.

2. Bộ Y tế (2018), *Thông tư 29/2018/TT-BYT quy định về thử thuốc trên lâm sàng*.

3. Graham K. (2004), *Giới thiệu chọn mẫu trong điều tra (Bản dịch tiếng Việt)*, Nhà xuất bản Y học.

4. Klaus Krickeberg, Phan Vũ Diễm Hằng, Hoàng Đình Huệ (2017), *Toán học và Thống kê trong khoa học y tế - Mathematics and Statistics in the Health Sciences*, sách song ngữ Anh – Việt, Nhà xuất bản Y học, Hà nội.

5. Lưu Ngọc Hoạt (2016), *Phương pháp viết đề cương nghiên cứu*, Nhà xuất bản Y học.

6. Hoàng Văn Minh, Lưu Ngọc Hoạt, Võ Văn Thắng, Đỗ Văn Dũng và cộng sự (2018), *Khái niệm và thuật ngữ cơ bản sử dụng trong các nghiên cứu khoa học sức khoẻ định lượng*, Nhà xuất bản Hồng Đức.

7. Hoàng Văn Minh và cộng sự (2019), *Phương pháp nghiên cứu can thiệp: Thiết kế và phân tích thống kê*, Nhà xuất bản Giáo dục.

8. Võ Văn Thắng, Hoàng Đình Huệ (2018), *Sử dụng phần mềm thống kê SPSS*, Nhà xuất bản Đại học Huế.

9. Võ Văn Thắng, Lưu Ngọc Hoạt (2020), *Thống kê y sinh học*, Nhà xuất bản Đại học Huế.

Tiếng Anh

10. Abramson J.H., Abramson Z.H. (2008), *Research Methods in Community Medicine: Surveys, Epidemiological Research, Programme Evaluation, Clinical Trials*, John Wiley and Sons Ltd.

11. Daniel S. (1992), *Methodes Statistiques*, MedS.

12. Douglas G. A. (1994), *Practical statistics for medical research*, Chapman.

13. John W. C. (2009), *Research Design: Qualitative, Quantitative, and Mixed Methods Approaches*, Sage Publication Inc.
14. Lawrence K. (2008), *Communication research*, SAGE Publications.
15. Marshall C. & Rossan G.B. (1989), *Qualitative research design*, Newbury Park, CA: Sage.
16. McLeroy K.R, Norton B.L, Kegler M.C, Burdine J.N, Sumaya C.V. (2003), *Community-Based Interventions*, *American Journal of Public Health*, 93(4), pp.529-533.
17. Pranee L. (2009), *Qualitative Research Methods*, Oxford University Press.

Duyệt Trưởng tiểu ban

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Ngành: Răng Hàm Mặt

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

1.1. Thông tin chung

1.1.1. Tên học phần: NHA KHOA HIỆN ĐẠI

1.1.2. Mã học phần: HPTSRHM 02

1.1.3. Số tín chỉ: 03 TC (Lý thuyết: 03 TC)

1.1.4. Loại học phần: Bắt buộc

1.1.5. Các học phần tiên quyết (nếu có): Không

1.1.6. Các yêu cầu đối với học phần:

Học viên đã học chương trình đào tạo Thạc sĩ RHM hoặc tương đương (BSCKII RHM). Học viên chưa có bằng Thạc sĩ hoặc tương đương, đã hoàn thành chương trình bổ sung.

1.2. Mục tiêu của học phần

1.2.1. Kiến thức

- Trình bày các vấn đề cập nhật liên quan đến nha khoa hiện đại.
- Trình bày vai trò, cơ chế hoạt động của nha khoa kỹ thuật số, trí tuệ nhân tạo, laser diode và các tiến bộ kỹ thuật khác trong chẩn đoán và điều trị các bệnh lý nha khoa.
- Trình bày ứng dụng của các tiến bộ khoa học công nghệ và quan điểm hiện đại trong điều trị phục hình và phẫu thuật miệng.
- Phân tích được nguyên lý kiểm soát các cơn đau vùng hàm mặt và các phương pháp sử dụng để giảm đau vùng mặt.

1.2.2. Kỹ năng

- Thực hiện được thành thạo kỹ năng tra cứu, xây dựng tổng quan tài liệu khi tìm kiếm các vấn đề cập nhật trong nha khoa.

- Áp dụng được các kết quả và quy trình từ các công trình nghiên cứu để giải quyết các vấn đề mới nổi trong lĩnh vực Nha khoa, ứng dụng hiệu quả điều trị dựa trên bằng chứng.

- Thực hiện được chỉ định áp dụng các phương pháp và các tiến bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ trong chẩn đoán và điều trị phục hình, phẫu thuật miệng và điều trị đau nha trong nha khoa.

1.2.3. Thái độ, chuyên cần

- Có ý thức nghiêm túc tự học, tự bồi dưỡng, rèn luyện kiến thức, kỹ năng chuyên môn.

- Có thái độ cầu thị, hợp tác tốt với đồng nghiệp.

1.3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này đề cập đến các vấn đề cập nhật trong Nha Khoa, các ứng dụng của kỹ thuật và công nghệ mới vào điều trị Nha khoa, cung cấp các kiến thức và kỹ năng để học viên nâng cao năng lực tìm kiếm, tổng hợp và báo cáo các chủ đề Nha khoa đương đại.

1.4. Nội dung chi tiết học phần

STT	Nội dung	LT	Giảng viên
1	Ứng dụng laser diode trong điều trị nha khoa	6	TS. Nguyễn Văn Minh
2	Quan niệm OCTA trong ứng dụng cấy khớp vào phục hình	6	TS. Phan Anh Chi
3	Ứng dụng nha khoa kỹ thuật số trong Phục hình	6	PGS.TS. Nguyễn Toại
4	Ứng dụng nhiếp ảnh kỹ thuật số trong thực hành nha khoa đương đại	3	TS. Đặng Minh Huy
5	Các phương pháp chẩn đoán bệnh nguyên rối loạn thái dương hàm	6	TS. Nguyễn Gia Kiều Ngân

6	Kiểm soát đau trong nha khoa hiện đại	3	TS. Nguyễn Thị Thanh Hoàng
7	Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong chẩn đoán các bệnh lý Răng Hàm Mặt	6	TS. Lê Văn Nhật Thăng
8	Ứng dụng vật liệu sinh học trong tái tạo mô	3	TS. Nguyễn Thị Thuỳ Dương
9	Các biện pháp cải thiện lành thương trong phẫu thuật miệng	6	PGS.TS. Trần Tấn Tài
	Tổng	45	

2. THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Các giảng viên có thể giảng dạy học phần này gồm:

2.1. Giảng viên 1

Họ và tên: NGUYỄN TOẠI

Chức danh, học vị: *Phó giáo sư, Giảng viên cao cấp, Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa II*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 280 Ngự Bình, Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0913412228

+ E-Mail: ntoai@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Hình thái học răng mặt, Nha cộng đồng và Phục hình.*

2.2. Giảng viên 2

Họ và tên: TRẦN TẤN TÀI

Chức danh, học vị: *Phó Giáo sư, Giảng viên cao cấp, Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa II*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

- + Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế
- + Nhà riêng: 33 Ông Ích Khiêm, Thành phố Huế
- + Điện thoại liên lạc: 0913431184
- + E-Mail: tttai@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Phẫu thuật miệng - Cấy ghép nha khoa, Nha cộng đồng, Phẫu thuật nha chu, Nha chu và bệnh lý toàn thân.*

2.3. Giảng viên 3

Họ và tên: NGUYỄN VĂN MINH

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên chính*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định.

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

- + Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế
- + Nhà riêng: 9/31 Ngô Gia Tự, Thành phố Huế
- + Điện thoại liên lạc: 0988619557
- + E-Mail: nvminh.rhm@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Bệnh lý miệng, Phẫu thuật hàm mặt, Cấy ghép nha khoa (Implant), Nha chu, Laser nha khoa.*

2.4. Giảng viên 4

Họ và tên: PHAN ANH CHI

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên chính*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định.

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

- + Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế
- + Nhà riêng: 155 Huỳnh Thúc Kháng, Thành phố Huế
- + Điện thoại liên lạc: 0973618248
- + E-Mail: pachi@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Rối loạn thái dương hàm, Các đặc tính của vật liệu trong nha khoa, Chữa răng nội nha, Chính nha.*

2.5. Giảng viên 5

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên chính*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định.

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 45A Phùng Lũu, Thành phố Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0904181688

+ E-Mail: nttduong@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Vật liệu sinh học, Nha chu.*

2.6. Giảng viên 6

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THANH HOÀNG

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 1/27 Chế Lan Viên, Thành phố Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0363563881

+ E-Mail: ntthoang@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Nha chu, Kiểm soát đau trong nha khoa.*

2.7. Giảng viên 7

Họ và tên: NGUYỄN GIA KIỀU NGÂN

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 11 Kiệt 18 Đào Tấn, Phường Trường An, Thành phố Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0976283058

+ E-Mail: ngkngan@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Đau miệng mắt, Rối loạn thái dương hàm, Nghiến răng, Rối loạn giấc ngủ liên quan đến nha khoa.*

2.8. Giảng viên 8

Họ và tên: ĐẶNG MINH HUY

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế

+ Nhà riêng: LKV3-32 Khu đô thị Royal Park, Thành phố Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0935757093

+ E-Mail: dmhuy@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Phục hình, Nha khoa kỹ thuật số, Vật liệu phục hồi, Vi khuẩn.*

2.9. Giảng viên 9

Họ và tên: LÊ VĂN NHẬT THẮNG

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 38 Đoàn Thị Điểm, Thành phố Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0931199077

+ E-Mail: lvnthang@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Nha khoa trẻ em, Trí tuệ nhân tạo.*

3. HÌNH THỨC TỒ CHỨC DẠY HỌC

Thuyết trình/báo cáo chủ đề, thảo luận nhóm, dịch thuật.

4. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN VÀ PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

4.1. Chính sách đối với học phần

Giảng viên của mỗi chủ đề học tập sẽ cung cấp tài liệu, hướng dẫn các nội dung chính của chủ đề cho học viên cần phải đọc và tự học.

Các buổi học có thể tổ chức dưới hình thức seminar trong đó nội dung của chủ đề được giới thiệu cho học viên chuẩn bị và trình bày trước tập thể. Các cán bộ giảng dạy, học viên trả lời các thắc mắc của các cán bộ tham dự.

4.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học phần

4.2.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- Học viên phải có mặt tại đơn vị giảng dạy trong thời gian nội dung học được lên kế hoạch và làm việc với giảng viên phụ trách môn học.

- Hình thức kiểm tra: đánh giá thông qua các báo cáo chủ đề, vấn đáp, trả lời câu hỏi ngắn.

4.2.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ

- **Hình thức thi:** Hình thức thi sẽ được phổ biến vào đầu chương trình học.

- **Thi cuối kỳ:** viết tiểu luận nghiên cứu sinh trình bày trước tiểu ban chấm thi.

+ Mỗi học viên phải viết một bài tiểu luận, tên của tiểu luận do giảng viên giao. Học viên phải trình bày trước tiểu ban chấm thi và giảng viên hướng dẫn bài tiểu luận của mình và trả lời các câu hỏi trong quá trình thảo luận.

+ Học viên tự sửa chữa các vấn đề đã được góp ý trong quá trình thảo luận, sau đó nộp tiểu luận cho giảng viên chấm.

+ Bài tiểu luận được đánh giá dựa trên hình thức trình bày và nội dung.

* **Lịch thi, kiểm tra:**

- Lịch kiểm tra: Khoa sẽ lên kế hoạch.

- Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau đại học.

5. TÀI LIỆU HỌC TẬP

5.1. Tài liệu học tập bắt buộc (tại Trung tâm thư viện Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế và do giảng viên cung cấp)

1. Nguyễn Văn Minh (2022), *Miễn dịch học bệnh viêm nha chu - đại tháo đường và laser diode trong điều trị viêm nha chu*, sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Đại học Huế.

2. Kino K., Sato F., Yoshitake H., Wake H., Nguyen GKN (2019), *TCH Management and Rehabilitation Training Methods for TMD, Japanese Medicine and Pharmacy Publishing.*

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Thùy Dương, Nguyễn Thanh Tùng, Bae Tae Sung (2021), *Biomimetic nanomaterials for guided bone regeneration, sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Đại học Huế.*

2. Trần Tấn Tài (2022), *Các biện pháp cải thiện lành thương trong phẫu thuật răng khôn, Nhà xuất bản Đại học Huế.*

3. Chanchai Gupta, Anil Mittal (2022), *Role of Digital Technology in Prosthodontics, A step toward improving dental care, Indian Journal of Oral Health and Research, Wolters Kluwer Medknow*

4. Ching - Chang Ko, Dinggang Shen, Li Wang (2021), *Machine Learning in Dentistry, Springer.*

5. Joda T, Ferrari M, Wittneben JG, Bragger U (2017), *Digital Technology in Fixed Implant Prosthodontics, Digital Implant Prosthodontics, School of Dental Medicine, University of Bern Switzerland.*

6. Kumar S. (2015), “Newer delivery systems for local anesthesia in dentistry”, *Journal of Pharmaceutical Sciences Research*, 7(5), pp, 252-255.

7. Miguel A. Ortiz (2019), *LIT: The Simple Protocol for Dental Photography in the Age of Social Media, Quintessence Publishing Company.*

8. Okeson J. (2020), *Management of Temporomandibular Disorders and Occlusion, 8th Edition, Elsevier.*

9. J.P Orthlieb (2017), *Dysfonctionnements temporo- mandibulaire compendre- Identifier- Traiter, Medecine Bucale.*

10. Tharani Kumar S, Ashok Prasanna R, et al, (2020), *Postoperative Healing after Surgical Removal of Mandibular Third Molar: A Comparative Study between Two Proteolytic Enzyme, J Pharm Bioallied Sci; 12(1):S289-S294.*

Duyệt Trưởng tiểu ban

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
Chuyên ngành: Răng Hàm Mặt

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

1.1. Thông tin chung

1.1.1. Tên học phần: BỆNH HỌC MIỆNG - HÀM MẶT NÂNG CAO

1.1.2. Mã học phần: HPTSRHM 03

1.1.3. Số tín chỉ: 2 (LT: 2)

1.1.4. Loại học phần: Bắt buộc

1.1.5. Các yêu cầu đối với học phần:

Học viên đã học chương trình đào tạo Thạc sĩ RHM hoặc tương đương (BSCKII RHM). Học viên chưa có bằng Thạc sĩ hoặc tương đương, đã hoàn thành chương trình bổ sung.

1.2. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần này, học viên có khả năng:

1.2.1. Kiến thức

- Mô tả được giải phẫu định khu khoang miệng - hàm mặt.
- Trình bày được thay đổi tế bào, mô học do bệnh lý miệng - hàm mặt.
- Trình bày được thay đổi trên chẩn đoán hình ảnh do bệnh lý miệng - hàm mặt.
- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, mô bệnh học của các bệnh lý toàn thân biểu hiện ở khoang miệng - hàm mặt.
- Áp dụng được nguyên tắc điều trị phẫu thuật để điều trị bệnh lý miệng - hàm mặt.
- Áp dụng được nguyên tắc điều trị nội khoa để điều trị bệnh lý miệng - hàm mặt
- Tổng hợp được bằng chứng khoa học để chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh.

1.2.2. Kỹ năng

- Ứng dụng được các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh, xét nghiệm mô bệnh học trong chẩn đoán bệnh.

- Điều trị nội khoa được các bệnh lý miệng - hàm mặt hay gặp.
- Áp dụng được các phương pháp điều trị tiên tiến u, nang, ung thư khoang miệng - hàm mặt.
- Phối hợp được liên ngành trong điều trị bệnh lý miệng - hàm mặt.
- Tự nghiên cứu, tìm tài liệu, soạn thảo và trình bày được chuyên đề về bệnh lý miệng - hàm mặt trước hội đồng.

1.2.3. Thái độ, chuyên cần

- Có thái độ học tập nghiêm túc.
- Thường xuyên nghiên cứu, cập nhật được những kiến thức mới về bệnh lý, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc tốt bệnh nhân, học tập suốt đời.
- Luôn có thái độ đúng đắn trước bệnh nhân và người nhà bệnh nhân. Điều trị lấy bệnh nhân làm trung tâm.
- Tôn trọng và hợp tác tốt được với Thầy/Cô, đồng nghiệp.

1.3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức nâng cao về bệnh học ở khoang miệng - hàm mặt, và mối liên quan giữa bệnh lý toàn thân và bệnh lý miệng - hàm mặt. Đi sâu phân tích những thay đổi về bệnh học trên chẩn đoán hình ảnh và mô bệnh học. Ngoài ra, học phần còn cập nhật những kiến thức mới trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý miệng - hàm mặt.

1.4. Nội dung chi tiết học phần

STT	Nội dung	LT	Giảng viên
1	Tế bào học, mô bệnh học trong chẩn đoán bệnh lý miệng - hàm mặt.	5	PGS.TS. Nguyễn Văn Mão
2	Chẩn đoán hình ảnh trong chẩn đoán bệnh lý miệng - hàm mặt	5	PGS.TS. Nguyễn Thanh Thảo
3	Cập nhật tiến bộ trong chẩn đoán, điều trị ung thư biểu mô khoang miệng	5	TS. Nguyễn Văn Minh, TS. Trần Xuân Phương
4	Cập nhật tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý u, nang mô mềm hàm mặt	5	TS. Nguyễn Văn Minh

5	Cập nhật tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý u, nang xương hàm	5	TS. Nguyễn Văn Minh
6	Liên quan bệnh lý toàn thân và bệnh lý khoang miệng - hàm mặt	5	PGS.TS. Lê Thanh Thái, TS. Nguyễn Văn Minh
	Tổng	30	

2. THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

2.1. Giảng viên 1

Họ và tên: NGUYỄN VĂN MINH

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên chính*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Đơn vị công tác: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền, TP Huế

+ Nhà riêng: 9/31 Ngô Gia Tự, TP Huế

+ Số điện thoại: 0988619557

+ E-Mail: nvminh.rhm@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Bệnh lý miệng, Phẫu thuật hàm mặt, Cấy ghép nha khoa (implant), Nha chu, Laser nha khoa.*

2.2. Giảng viên 2

Họ và tên: NGUYỄN VĂN MÃO

Chức danh, học vị: *Phó Giáo sư, Giảng viên cao cấp, Tiến sĩ*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Đơn vị công tác: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan; 06 Ngô Quyền, TP Huế

+ Nhà riêng: 15/23 Văn Cao, TP Huế

+ Số điện thoại: 0914145432

+ E-Mail: nvmao@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Giải phẫu bệnh.*

2.3. Giảng viên 3

Họ và tên: NGUYỄN THANH THẢO

Chức danh, học vị: *Phó Giáo sư, Giảng viên cao cấp, Tiến sĩ*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Đơn vị công tác: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền, Thành phố Huế

+ Nhà riêng: TP Huế

+ Số điện thoại: 0906449964

+ E-Mail: ntthao@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Chẩn đoán hình ảnh.*

2.4. Giảng viên 4

Họ và tên: TRẦN XUÂN PHƯƠNG

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Đơn vị công tác: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền, Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 302 Phan Bội Châu, Thành phố Huế

+ Số điện thoại: 0987100237

+ E-Mail: txphuong@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Ứng dụng các phương pháp hỗ trợ trong nhổ răng tiểu phẫu, Nghiên cứu một số dấu ấn sinh học (biomarker) trong ung thư miệng.*

2.5. Giảng viên 5

Họ và tên: LÊ THANH THÁI

Chức danh, học vị: *Phó Giáo sư, Giảng viên cao cấp, Tiến sĩ*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Đơn vị công tác: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền, Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 60B Tôn Thất Thiệp, Thành phố Huế

+ Số điện thoại: 0914156248

+ E-Mail: ltthai@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Tai mũi họng*.

3. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

- Thuyết trình, giảng chuyên đề, thảo luận nhóm.
- Tự nghiên cứu tài liệu, viết và trình bày chuyên đề.

4. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN, PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

4.1. Chính sách đối với học phần

Giảng viên của mỗi chủ đề học tập sẽ cung cấp tài liệu, hướng dẫn các nội dung chính của chủ đề cho học viên cần phải đọc và tự học.

Các buổi học có thể tổ chức dưới hình thức seminar trong đó nội dung của chủ đề được giới thiệu cho học viên chuẩn bị và trình bày trước tập thể. Các cán bộ giảng dạy, học viên trả lời các thắc mắc của các cán bộ tham dự.

4.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học phần

4.2.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- Học viên phải có mặt tại đơn vị giảng dạy trong thời gian nội dung học được lên kế hoạch và làm việc với giảng viên phụ trách môn học.

- Hình thức kiểm tra: đánh giá thông qua các báo cáo chủ đề, vấn đáp, trả lời câu hỏi ngắn.

4.2.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ

- **Hình thức thi:** Hình thức thi sẽ được phổ biến vào đầu chương trình học.

- **Thi cuối kỳ:** viết tiểu luận nghiên cứu sinh trình bày trước tiểu ban chấm thi.

+ Mỗi học viên phải viết một bài tiểu luận, tên của tiểu luận do giảng viên giao. Học viên phải trình bày trước tiểu ban chấm thi và giảng viên hướng dẫn bài tiểu luận của mình và trả lời các câu hỏi trong quá trình thảo luận.

+ Học viên tự sửa chữa các vấn đề đã được góp ý trong quá trình thảo luận, sau đó nộp tiểu luận cho giảng viên chấm.

+ Bài tiểu luận được đánh giá dựa trên hình thức trình bày và nội dung.

* **Lịch thi, kiểm tra:**

- Lịch kiểm tra: Khoa sẽ lên kế hoạch.

- Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau đại học.

5. TÀI LIỆU HỌC TẬP

5.1. Tài liệu học tập bắt buộc (tại Trung tâm thư viện Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế và do giảng viên cung cấp)

1. Nguyễn Văn Minh (2023) *Giáo trình Sau đại học Bệnh lý miệng - Phẫu thuật hàm mặt*, Khoa RHM, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

2. Nguyễn Văn Minh (2022), *Miễn dịch học bệnh viêm nha chu-đái tháo đường và laser diode trong điều trị viêm nha chu*, Nhà xuất bản Đại học Huế.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Trần Văn Trường (2001), *U Lành Tính Vùng Mặt*, Nhà xuất bản Y Học.
2. Trần Văn Trường (2001), *Ung Thư Vùng Mặt*.
3. Nguyễn Văn Hiếu (2010), *Điều trị phẫu thuật bệnh ung thư*.
4. Michael Mirolo (2004), *Peterson's Principles of Oral and Maxillofacial Surgery*, 2nd edition, BC Decker Inc.
5. James Hupp (2019), *Contemporary Oral and Maxillofacial Surgery*, Elsevier.
6. Brad W. Neville (2019), *Colour Atlas of Oral and Maxillofacial Diseases*, 4th edition, Elsevier.
7. Eugene N. Myers (2007), *Salivary Gland Disorder*, Elsevier.
8. Kevin Chung (2020), *Grabb Smiths Plastic Surgery*, 8th edition, Wolter Kluwer.
9. Fonseca (2013), *Oral and Maxillofacial Trauma*, 4Ed, Elsevier.

Duyệt Trưởng tiểu ban

2. Nội dung chi tiết các học phần tự chọn

ĐẠI HỌC HUẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Chuyên ngành: Răng Hàm Mặt

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

1.1. Thông tin chung

1.1.1. Tên học phần: TẠO HÌNH HÀM MẶT

1.1.2. Mã học phần: HPTSRHM04

1.1.3. Số tín chỉ: 02 TC (Lý thuyết: 01 – Thực hành: 01)

1.1.4. Loại học phần: Tự chọn

1.1.5. Các học phần tiên quyết (nếu có):

1.1.6. Các yêu cầu đối với học phần:

Học viên đã học chương trình đào tạo Thạc sĩ RHM hoặc tương đương (BSCCKII RHM). Học viên chưa có bằng Thạc sĩ hoặc tương đương, đã hoàn thành chương trình bổ sung.

1.2. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần này, học viên có khả năng:

1.2.1. Kiến thức

- Mô tả được giải phẫu ứng dụng vùng hàm mặt và toàn thân trong tạo hình.
- Áp dụng được những nguyên tắc về tạo hình hàm mặt.
- Tổng hợp được bằng chứng khoa học để chẩn đoán, lập kế hoạch và tiên lượng kết quả tạo hình.

1.2.2. Kỹ năng

- Xử trí tạo hình được các tình huống khuyết hỏng phần mềm do chấn thương.
- Phẫu thuật tạo hình được các trường hợp khuyết hỏng sau cắt các khối u và ung thư.
- Phẫu thuật tạo hình được các trường hợp khe hở môi - vòm miệng.
- Phối hợp được với các chuyên khoa phẫu thuật tạo hình trong điều trị bệnh nhân, nghiên cứu khoa học.

- Tự nghiên cứu, tìm tài liệu, soạn thảo và trình bày được chuyên đề về tạo hình hàm mặt trước hội đồng.

1.2.3. Thái độ, chuyên cần

- Có thái độ học tập nghiêm túc.
- Thường xuyên nghiên cứu, cập nhật và áp dụng được những kiến thức mới về tạo hình hàm mặt, học tập suốt đời
- Luôn có thái độ đúng đắn trước bệnh nhân và người nhà bệnh nhân. Điều trị lấy bệnh nhân làm trung tâm.
- Tôn trọng, hợp tác tốt được với Thầy/Cô, phối hợp đồng nghiệp trong lĩnh vực tạo hình.

1.3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức nâng cao, cập nhật trong lĩnh vực tạo hình hàm mặt. Áp dụng kiến thức tạo hình vào điều trị những trường hợp khuyết hồng do chấn thương, sau phẫu thuật cắt bỏ các khối u, khối ung thư, tạo hình cho trẻ bị ảnh hưởng do khe hở môi - vòm miệng. Biết phối hợp với các chuyên khoa phẫu thuật tạo hình trong điều trị bệnh nhân, nghiên cứu khoa học.

1.4. Nội dung chi tiết học phần

STT	Nội dung	LT	TH	Tổng	Giảng viên
1	Tạo hình bằng vật tại chỗ trong PTHM	4	5	9	TS. Nguyễn Văn Minh
2	Tạo hình bằng vật lân cận trong PTHM	4	10	14	TS. Nguyễn Văn Minh
3	Tạo hình bằng vật vi phẫu trong PTHM	3	5	8	TS. Lê Hồng Phúc
4	Tạo hình ở trẻ khe hở môi - vòm miệng	4	10	14	TS. Nguyễn Văn Minh
	Tổng	15	30	45	

2. THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

2.1. Giảng viên 1

Họ và tên: NGUYỄN VĂN MINH

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên chính*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Đơn vị công tác: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền, Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 9/31 Ngô Gia Tự, Thành phố Huế

+ Số điện thoại: 0988619557

+ E-Mail: nvminh.rhm@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Bệnh lý miệng, Phẫu thuật hàm mặt, Cấy ghép nha khoa (implant), Nha chu, Laser nha khoa.*

2.2. Giảng viên 2

Họ và tên: LÊ HỒNG PHÚC

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên chính*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Đơn vị công tác: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền, Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 302 Phan Bội Châu, Thành phố Huế

+ Số điện thoại: 0913498549

Các hướng nghiên cứu chính: *Chấn thương chỉnh hình, Can thiệp tối thiểu.*

3. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

- Thuyết trình, giảng chuyên đề, thảo luận nhóm
- Tự nghiên cứu tài liệu, viết và trình bày chuyên đề.

4. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN, PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

4.1. Chính sách đối với học phần

Giảng viên của mỗi chủ đề học tập sẽ cung cấp tài liệu, hướng dẫn các nội dung chính của chủ đề cho học viên cần phải đọc và tự học.

Các buổi học có thể tổ chức dưới hình thức seminar trong đó nội dung của chủ đề được giới thiệu cho học viên chuẩn bị và trình bày trước tập thể. Các cán bộ giảng dạy, học viên trả lời các thắc mắc của các cán bộ tham dự.

4.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học phần

4.2.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- Học viên phải có mặt tại đơn vị giảng dạy trong thời gian nội dung học được lên kế hoạch và làm việc với giảng viên phụ trách môn học.

- Hình thức kiểm tra: đánh giá thông qua các báo cáo chủ đề, vấn đáp, trả lời câu hỏi ngắn.

4.2.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ

- **Hình thức thi:** Hình thức thi sẽ được phổ biến vào đầu chương trình học.

- **Thi cuối kỳ:** viết tiểu luận nghiên cứu sinh trình bày trước tiểu ban chấm thi.

+ Mỗi học viên phải viết một bài tiểu luận, tên của tiểu luận do giảng viên giao. Học viên phải trình bày trước tiểu ban chấm thi và giảng viên hướng dẫn bài tiểu luận của mình và trả lời các câu hỏi trong quá trình thảo luận.

+ Học viên tự sửa chữa các vấn đề đã được góp ý trong quá trình thảo luận, sau đó nộp tiểu luận cho giảng viên chấm.

+ Bài tiểu luận được đánh giá dựa trên hình thức trình bày và nội dung.

+ Thực hành: đánh giá kỹ năng tay nghề.

*** Lịch thi, kiểm tra:**

- Lịch kiểm tra: Khoa sẽ lên kế hoạch.

- Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau ại học.

5. TÀI LIỆU HỌC TẬP

5.1. Tài liệu học tập bắt buộc (tại Trung tâm thư viện Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế và do giảng viên cung cấp)

1. Nguyễn Văn Minh (2023), *Giáo trình Sau đại học Bệnh lý miệng - Phẫu thuật hàm mặt*, Khoa RHM, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Trần Văn Trường (2001), *U Lành Tinh Vùng Mặt*, Nhà xuất bản Y Học.

2. Trần Văn Trường (2001), *Ung Thư Vùng Mặt*.

3. Nguyễn Văn Minh, Trần Xuân Thịnh, Đặng lê Hoàng Nam (2022), *Giáo trình M22 Bệnh học hàm mắt*, Nhà xuất bản Đại học Huế.
4. Michael Mirolo (2004), *Peterson's Principles of Oral and Maxillofacial Surgery*, 2nd edition, BC Decker Inc.
5. James Hupp (2019), *Contemporary Oral and Maxillofacial Surgery*, Elsevier.
6. Brad W. Neville (2019), *Colour Atlas of Oral and Maxillofacial Diseases*, 4th edition. Elsevier.
7. Kevin Chung (2020), *Grabb Smiths Plastic Surgery*, 8th edition, Wolter Kluger.
8. Fonseca (2013), *Oral and Maxillofacial Trauma*, 4Ed, Elsevier.
9. Rui Fernandes (2015), *Local and Regional flap in Head and Neck Reconstruction: A clinical Approach*, Wiley Blackwell.

Duyệt Trưởng tiểu ban

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
Chuyên ngành: Răng Hàm Mặt

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

1.1. Thông tin chung

1.1.1. Tên học phần: PHỤC HÌNH NÂNG CAO

1.1.2. Mã học phần: HPTSRHM05

1.1.3. Số tín chỉ: 02 TC (Lý thuyết: 02 TC)

1.1.4. Loại học phần: Tự chọn

1.1.5. Các học phần tiên quyết (nếu có): Không

1.1.6. Các yêu cầu đối với học phần:

Học viên đã học chương trình đào tạo Thạc sĩ RHM hoặc tương đương (BSCKII RHM). Học viên chưa có bằng Thạc sĩ hoặc tương đương, đã hoàn thành chương trình bổ sung.

1.2. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

1.2.1. Kiến thức

- Phân tích được các thương tổn ở vùng răng sau và chỉ định điều trị cho từng loại.
- Trình bày được các phương pháp điều trị xâm lấn tối thiểu cho vùng răng trước.
- Phân tích được đáp ứng của mô mềm với các loại vật liệu phục hình khác nhau.
- Trình bày được kỹ thuật phục hình bán phần, toàn hàm trên Implant.
- Trình bày được các đặc điểm của khớp cắn tại các vị trí lồng múi tối đa và tương quan trung tâm.

1.2.2. Kỹ năng

- Chỉ định được các phương pháp phục hình các khuyết hổng vùng hàm mặt chính xác.
- Thực hiện được độc lập hoặc phối hợp nghiên cứu có hiệu quả các hoạt động nghiên cứu liên quan lĩnh vực Phục hình.

- Thực hiện được thành thạo kỹ năng tra cứu, dịch và tổng quan tài liệu; viết báo cáo hoặc bài báo trong lĩnh vực Phục hình.

- Áp dụng được các kết quả và quy trình từ các công trình nghiên cứu để giải quyết các vấn đề mới nổi trong lĩnh vực Phục hình, ứng dụng hiệu quả điều trị dựa trên bằng chứng.

- Đề xuất, chủ trì, thực hiện được các đề tài, dự án về lĩnh vực Phục hình.

1.2.3. Thái độ, chuyên cần

- Có ý thức nghiêm túc tự học, tự bồi dưỡng, rèn luyện kiến thức, kỹ năng chuyên môn.

- Có thái độ cầu thị, hợp tác tốt với đồng nghiệp.

1.3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này đề cập đến các vấn đề Phục hình nâng cao trong nha khoa, các ứng dụng của kỹ thuật và công nghệ mới vào điều trị nha khoa xâm lấn tối thiểu, phục hình các khuyết hổng do di chứng chấn thương và dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt, phục hồi mất răng toàn hàm trên Implant, cung cấp bổ sung các kiến thức về nha chu và khớp cắn liên quan đến phục hình và nâng cao kỹ năng thực hành phối hợp trên lâm sàng để học viên cải thiện năng lực tìm kiếm, tổng hợp và báo cáo các chủ đề liên quan đến Phục hình nâng cao.

1.4. Nội dung chi tiết học phần

STT	Nội dung	LT	Giảng viên
1	Phục hình các khuyết hổng do di chứng chấn thương và dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt	6	PGS. TS Nguyễn Toại
2	Phục hình thẩm mỹ nhóm răng cửa trên Implant	4	TS. Nguyễn Văn Minh
3	Phục hình bán phần, toàn hàm trên Implant	4	TS. Nguyễn Văn Minh
4	Đáp ứng của mô mềm với vật liệu phục hình	4	TS. Nguyễn Thị Thủy Dương
5	Tương quan trung tâm và lồng mũi tối đa trong phục hồi khớp cắn	4	TS. Nguyễn Gia Kiều Ngân
6	Quan điểm về điều trị phục hồi thẩm mỹ cho nhóm răng sau	4	TS. Đặng Minh Huy
7	Xu hướng tiếp cận mới trong điều trị xâm lấn tối thiểu cho vùng răng trước	4	TS. Đặng Minh Huy
	Tổng	30	

2. THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Các giảng viên có thể giảng dạy học phần này gồm:

2.1. Giảng viên 1

Họ và tên: NGUYỄN TOẠI

Chức danh, học vị: *Phó giáo sư, Giảng viên cao cấp, Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa II*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 280 Ngự Bình, Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0913412228

+ E-Mail: ntoai@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Hình thái học răng mặt, Nha cộng đồng và phục hình toàn hàm.*

2.2. Giảng viên 2

Họ và tên: NGUYỄN VĂN MINH

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên chính*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 9/31 Ngô gia Tự, Thành phố Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0988619557

+ E-Mail: nvminh.rhm@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Bệnh lý miệng, Phẫu thuật hàm mặt, Cấy ghép nha khoa (Implant), Nha chu, Laser nha khoa.*

2.3. Giảng viên 3

Họ và tên: ĐẶNG MINH HUY

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

- + Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế
- + Nhà riêng: LKV3-32 Khu đô thị Royal Park, Thành phố Huế
- + Điện thoại liên lạc: 0935757093
- + E-Mail: dmhuy@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Phục hình, Nha khoa kỹ thuật số, Vật liệu phục hồi, Vi khuẩn.*

2.4. Giảng viên 4

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên chính*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Khoa RHM, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

- + Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế
- + Nhà riêng: 45A Phùng Luru, Phường Thủy Dương, Thành phố Huế
- + Điện thoại liên lạc: 0904181688
- + E-Mail: nttduong@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Nha chu, Tái tạo mô.*

2.5. Giảng viên 5

Họ và tên: NGUYỄN GIA KIỀU NGÂN

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

- + Cơ quan: 06 Ngô Quyền, Thành phố Huế
- + Nhà riêng: 11/18 Đào Tấn, Thành phố Huế
- + Điện thoại liên lạc: 0976283058
- + E-Mail: ngkngan@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Đau miệng mắt, Rối loạn thái dương hàm, Nghiến răng, Rối loạn giấc ngủ liên quan đến nha khoa.*

3. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

Thuyết trình/báo cáo chủ đề, thảo luận nhóm, dịch thuật.

4. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN VÀ PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

4.1. Chính sách đối với học phần

Giảng viên của mỗi chủ đề học tập sẽ cung cấp tài liệu, hướng dẫn các nội dung chính của chủ đề cho học viên cần phải đọc và tự học.

Các buổi học có thể tổ chức dưới hình thức seminar trong đó nội dung của chủ đề được giới thiệu cho học viên chuẩn bị và trình bày trước tập thể. Các cán bộ giảng dạy, học viên trả lời các thắc mắc của các cán bộ tham dự.

4.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học phần

4.2.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- Học viên phải có mặt tại đơn vị giảng dạy trong thời gian nội dung học được lên kế hoạch và làm việc với giảng viên phụ trách môn học.

- Hình thức kiểm tra: đánh giá thông qua các báo cáo chủ đề, vấn đáp, trả lời câu hỏi ngắn.

4.2.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ

- **Hình thức thi:** Hình thức thi sẽ được phổ biến vào đầu chương trình học.

- **Thi cuối kỳ:** viết tiểu luận nghiên cứu sinh trình bày trước tiểu ban chấm thi.

+ Mỗi học viên phải viết một bài tiểu luận, tên của tiểu luận do giảng viên giao. Học viên phải trình bày trước tiểu ban chấm thi và giảng viên hướng dẫn bài tiểu luận của mình và trả lời các câu hỏi trong quá trình thảo luận.

+ Học viên tự sửa chữa các vấn đề đã được góp ý trong quá trình thảo luận, sau đó nộp tiểu luận cho giảng viên chấm.

+ Bài tiểu luận được đánh giá dựa trên hình thức trình bày và nội dung.

*** Lịch thi, kiểm tra:**

- Lịch kiểm tra: Khoa sẽ lên kế hoạch.

- Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau đại học.

5. TÀI LIỆU HỌC TẬP

5.1. Tài liệu học tập bắt buộc

1. *Dinesh Rokaya, J. John Manapallil (2019), Maxillofacial Prosthodontics, Complete Denture Prosthodontics, Arya Medipublishing House, Third Edition, pp. 377-397.*

2. *Bottacchiari S (2016), Composite Inlays and Onlays: Structural, Periodontal, and Endodontic Aspects, Quintessence Publishing Company.*

5.2. Tài liệu tham khảo

1. *Okeson J. (2020), Management of Temporomandibular Disorders and Occlusion 8th Edition 8th.*

2. *Magne P. (2021), Biomimetic Restorative Dentistry, Quintessence Publishing Company.*

3. *Lê Đức Lánh (2014), Cây ghép nha khoa, NXB Y học.*

4. *Trần Thiên Lộc, Nguyễn Thị Bích Thủy, Nguyễn Thị Kim Dung (2015), Phục hình răng cố định, NXB Y học.*

5. *Lại Thanh Minh, Lê Văn Điềm, Nguyễn Thị Thùy Dương, Nguyễn Vạn Hội (2023), Ovate Pontic, Sự thay đổi của niêm mạc dưới nhíp cầu Ovate Pontic và phát hiện mới liên quan bám dính biểu mô, Nhà xuất bản Đại học Huế.*

6. *Enkling, N., Marder, M., Bayer, S., Götz, W., Stoilov, M., & Kraus, D. (2022), Soft tissue response to different abutment materials: A controlled and randomized human study using an experimental model. Clinical Oral Implants Research, 33, pp.667- 679.*

7. *Iinuma, Y.; Hirota, M.; Hayakawa, T.; Ohkubo, C. (2020), Surrounding Tissue Response to Surface-Treated Zirconia Implants. Materials, 13, 30. <https://doi.org/10.3390/ma13010030>.*

8. *Arun K Garg (2019), Full arch implant Rehabilitation, Quintessence.*

9. *Kattadiyil MT, Alzaid AA, Campbell SD. (2021) The Relationship Between Centric Occlusion and The Maximal Intercuspal Position and Their Use as Treatment Positions for Complete Mouth Rehabilitation: Best Evidence Consensus Statement, J Prosthodont, Apr; 30(S1), pp.26-33.*

Duyệt Trưởng tiêu ban

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
Chuyên ngành: Răng Hàm Mặt

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

1.1. Thông tin chung

1.1.1. Tên học phần: PHẪU THUẬT MIỆNG - CẮY GHÉP NHA KHOA

1.1.2. Mã học phần: HPTSRHM 06

1.1.3. Số tín chỉ: 02 TC (Lý thuyết: 02 TC)

1.1.4. Loại học phần: Tự chọn

1.1.5. Các học phần tiên quyết (nếu có): các học phần bắt buộc

1.1.6. Các yêu cầu đối với học phần:

Học viên đã học chương trình đào tạo Thạc sĩ RHM hoặc tương đương (BSCKII RHM). Học viên chưa có bằng Thạc sĩ hoặc tương đương, đã hoàn thành chương trình bổ sung.

1.2. Mục tiêu của học phần

1.2.1. Kiến thức

- Phân tích được các hoạt tính của các loại thuốc tê.
- Phân tích được hiệu quả của laser trong phẫu thuật miệng.
- Áp dụng được các biện pháp giảm đau đa mô thức sau nhổ răng - phẫu thuật.
- Áp dụng được các phương pháp phẫu thuật trước phục hình.
- Phân tích được vai trò của đặc tính bề mặt implant lên khả năng tích hợp xương.
- Đánh giá được tình trạng mô mềm và xương để xây dựng kế hoạch cho cấy ghép nha khoa thành công.

1.2.2. Kỹ năng

- Thực hiện được độc lập hoặc phối hợp nghiên cứu có hiệu quả các hoạt động nghiên cứu liên quan lĩnh vực Phẫu thuật miệng - Cấy ghép nha khoa.
- Thực hiện được thành thạo kỹ năng tra cứu, dịch và tổng quan tài liệu; viết báo cáo hoặc bài báo trong lĩnh vực Phẫu thuật miệng - Cấy ghép nha khoa.

- Áp dụng được các kết quả và quy trình từ các công trình nghiên cứu để giải quyết các vấn đề mới nổi trong lĩnh vực Phẫu thuật miệng - Cây ghép nha khoa, ứng dụng hiệu quả điều trị dựa trên bằng chứng.

- Đề xuất, chủ trì, thực hiện được các đề tài, dự án về lĩnh vực Phẫu thuật miệng - Cây ghép nha khoa.

1.2.3. Thái độ, chuyên cần

- Có ý thức nghiêm túc tự học, tự bồi dưỡng, rèn luyện kiến thức, kỹ năng chuyên môn

- Có thái độ cầu thị, hợp tác tốt với đồng nghiệp.

1.3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này đề cập đến các vấn đề cập nhật trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý miệng, cung cấp các kiến thức và kỹ năng để học viên nâng cao năng lực tìm kiếm, tổng hợp và báo cáo các chủ đề Phẫu thuật miệng - Cây ghép nha khoa.

1.4. Nội dung chi tiết học phần

STT	Nội dung	LT	Giảng viên
1	Phẫu thuật trước phục hình	3	PGS.TS. Trần Tấn Tài
2	Laser ứng dụng trong phẫu thuật miệng	3	PGS.TS. Trần Tấn Tài
3	U và nang lành tính vùng miệng	3	PGS.TS. Trần Tấn Tài
4	Cấy chuyển răng tự thân	3	TS. Trần Xuân Phương
5	Hoạt tính lâm sàng của các loại thuốc tê nha khoa	3	TS. Trần Xuân Phương
6	Giảm đau đa mô thức sau nhổ răng - phẫu thuật	3	PGS.TS. Nguyễn Văn Minh (GMHS)
7	Quản lý mô mềm và mô xương trong cấy ghép nha khoa	3	PGS.TS. Trần Tấn Tài
8	Ứng dụng các kỹ thuật hiện đại trong cấy ghép nha khoa	3	PGS.TS. Trần Tấn Tài

9	Những cải tiến trong bề mặt Implant để tăng khả năng tích hợp xương	3	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương
10	Tái tạo xương có hướng dẫn (GBR) trong cấy ghép nha khoa	3	TS. Nguyễn Văn Minh
	Tổng	30	

2. THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Các giảng viên có thể giảng dạy học phần này gồm:

2.1. Giảng viên 1

Họ và tên: TRẦN TẤN TÀI

Chức danh, học vị: *Phó Giáo sư, Giảng viên cao cấp, Tiến Sĩ, Bác sĩ chuyên khoa II*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

- + Cơ quan: 06 Ngô Quyền, Thành phố Huế
- + Nhà riêng: 33 Ông Ích Khiêm, Thành phố Huế
- + Điện thoại liên lạc: 0913431184
- + E-Mail: tttai@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Phẫu thuật miệng - Cấy ghép nha khoa, Nha cộng đồng, Phẫu thuật nha chu, Nha chu và bệnh lý toàn thân.*

2.2. Giảng viên 2

Họ và tên: NGUYỄN VĂN MINH

Chức danh, học vị: *Phó Giáo sư, Giảng viên cao cấp, Tiến sĩ*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định.

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

- + Cơ quan: 06 Ngô Quyền, Thành phố Huế
- + Nhà riêng: Thành phố Huế
- + Điện thoại liên lạc: 0914145075

+ E-Mail: nvminh@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Gây mê hồi sức.*

2.3. Giảng viên 3

Họ và tên: NGUYỄN VĂN MINH

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên chính*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định.

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 8/31 Ngô Gia Tự, Thành phố Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0988619557

+ E-Mail: nvminh.rhm@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Bệnh lý miệng, Phẫu thuật hàm mắt, Cấy ghép nha khoa (Implant), Nha chu, Laser nha khoa.*

2.4. Giảng viên 4

Họ và tên: TRẦN XUÂN PHƯƠNG

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 302 Phan Bội Châu, Thành phố Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0987100237

+ E-Mail: txphuong@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Ứng dụng các phương pháp hỗ trợ trong nhổ răng tiểu phẫu, Nghiên cứu một số dấu ấn sinh học (biomarker) trong ung thư miệng.*

2.5. Giảng viên 5

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên chính*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

- + Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế
- + Nhà riêng: 45A Phùng Luru, Thành phố Huế
- + Điện thoại liên lạc: 0904181688
- + E-Mail: nttduong@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Điều trị nha chu không phẫu thuật, Tái tạo mô có hướng dẫn, Đánh giá nguy cơ nha chu.*

3. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

Thuyết trình/báo cáo chủ đề, thảo luận nhóm, dịch thuật.

4. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN VÀ PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

4.1. Chính sách đối với học phần

Giảng viên của mỗi chủ đề học tập sẽ cung cấp tài liệu, hướng dẫn các nội dung chính của chủ đề cho học viên cần phải đọc và tự học.

Các buổi học có thể tổ chức dưới hình thức seminar trong đó nội dung của chủ đề được giới thiệu cho học viên chuẩn bị và trình bày trong tập thể các cán bộ giảng dạy, học viên trả lời các thắc mắc của các cán bộ tham dự.

4.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học phần

4.2.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- Học viên phải có mặt tại đơn vị giảng dạy trong thời gian nội dung học được lên kế hoạch và làm việc với giảng viên phụ trách môn học.

- Hình thức kiểm tra: đánh giá thông qua các báo cáo chủ đề, vấn đáp, trả lời câu hỏi ngắn.

4.2.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ

- **Hình thức thi:** Hình thức thi sẽ được phổ biến vào đầu chương trình học.

- **Thi cuối kỳ:** viết tiểu luận nghiên cứu sinh trình bày trước tiểu ban chấm thi.

+ Mỗi học viên phải viết một bài tiểu luận, tên của tiểu luận do giảng viên giao. Học viên phải trình bày trước tiểu ban chấm thi và giảng viên hướng dẫn bài tiểu luận của mình và trả lời các câu hỏi trong quá trình thảo luận.

+ Học viên tự sửa chữa các vấn đề đã được góp ý trong quá trình thảo luận, sau đó nộp tiểu luận cho giảng viên chấm.

+ Bài tiểu luận được đánh giá dựa trên hình thức trình bày và nội dung.

*** Lịch thi, kiểm tra:**

- Lịch kiểm tra: Khoa sẽ lên kế hoạch.
- Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau đại học.

5. TÀI LIỆU HỌC TẬP

5.1. Tài liệu học tập bắt buộc (tại Trung tâm thư viện Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế và do giảng viên cung cấp)

Tiếng Việt

1. Lê Đức Lánh (2015), *Phẫu thuật miệng, tập 1,2, Nhà xuất bản Y học.*
2. Lê Đức Lánh (2014), *Cấy ghép nha khoa, Nhà xuất bản Y học.*
3. Trần Giao Hòa (2015), *Ghép xương và Implant, từ lý thuyết đến lâm sàng, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.*

Tiếng Anh

4. Fragiskos D. Fragiskos (2007), *Oral Surgery, Springer.Ltd.*
5. Elie M. Ferneini, Michael T. Goupil (2019), *Evidence-Based Oral Surgery, A Clinical Guide for the General Dental Practitioner, Springer.Ltd.*
6. O Iocca (2016), *Evidence-Based Implant Dentistry, Springer.Ltd.*
7. Len Tolstunov (2023), *Essential Techniques of Alveolar Bone Augmentation in Implant Dentistry: A Surgical Manual. 2nd Edition, Wiley-Blackwell Ltd.*

5.2. Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

1. Trần Tấn Tài (2022), *Các biện pháp cải thiện lành thương trong phẫu thuật răng khôn, Nhà xuất bản Đại học Huế.*

Tiếng Anh

2. James R. Hupp , Myron R. Tucker, Edward Ellis (2018), *Contemporary Oral and Maxillofacial Surgery, Springer.Ltd.*
3. Christopher J. Haggerty, Robert M. Laughlin (2023), *Atlas of Operative Oral and Maxillofacial Surgery, Wiley-Blackwell Ltd.*

Duyệt Trưởng tiểu ban

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
Chuyên ngành: Răng Hàm Mặt

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

1.1. Thông tin chung

1.1.1. Tên học phần: NHA CHU NÂNG CAO

1.1.2. Mã học phần: HPTSRHM 07

1.1.3. Số tín chỉ: 02 TC (Lý thuyết: 02 TC)

1.1.4. Loại học phần: Tự chọn

1.1.5. Các học phần tiên quyết (nếu có): các học phần bắt buộc

1.1.6. Các yêu cầu đối với học phần:

Học viên đã học chương trình đào tạo Thạc sĩ RHM hoặc tương đương (BSCKII RHM). Học viên chưa có bằng Thạc sĩ hoặc tương đương, đã hoàn thành chương trình bổ sung.

1.2. Mục tiêu của học phần

1.2.1. Kiến thức

- Trình bày được các giai đoạn viêm nha chu theo mô học.
- Phân tích được vai trò của đáp ứng miễn dịch trong viêm nha chu.
- Trình bày được các thông tin cập nhật về mối liên hệ giữa stress và bệnh nha chu.
- Đánh giá được ảnh hưởng của các yếu tố nguy cơ lên bệnh nha chu.
- Đánh giá được tiềm năng ứng dụng của tế bào gốc trong tái tạo mô nha chu.
- Phân tích được mối liên hệ giữa sinh trắc học dấu vân tay và bệnh nha chu.
- Phân tích được tính chất và nguồn gốc phân lập của các loại tế bào gốc.
- Tổng hợp và phân tích được hiệu quả của các liệu pháp phân phối thuốc tại chỗ trong điều trị nha chu.
- Tổng hợp và phân tích được hiệu quả của phương pháp điều trị nha chu phẫu thuật mới.

- Tổng hợp được tình hình nghiên cứu và ứng dụng tế bào gốc trong tái tạo mô nha chu trên mô hình động vật và trên lâm sàng.

- Tổng hợp được các kiến thức cập nhật liên quan bệnh nha chu và bệnh toàn thân.

- Áp dụng được nguyên tắc điều trị viêm nha chu dựa trên thay đổi đáp ứng miễn dịch tại chỗ.

- Áp dụng được nguyên tắc kiểm soát yếu tố nguy cơ và điều trị viêm nha chu tại chỗ.

1.2.2. Kỹ năng

- Thực hiện được độc lập hoặc phối hợp nghiên cứu có hiệu quả các hoạt động nghiên cứu liên quan lĩnh vực Nha chu.

- Thực hiện được thành thạo kỹ năng tra cứu, dịch và tổng quan tài liệu; viết báo cáo hoặc bài báo trong lĩnh vực Nha chu.

- Áp dụng được các kết quả và quy trình từ các công trình nghiên cứu để giải quyết các vấn đề mới nổi trong lĩnh vực Nha chu, ứng dụng hiệu quả điều trị dựa trên bằng chứng.

- Đề xuất, chủ trì, thực hiện được các đề tài, dự án về lĩnh vực Nha chu.

1.2.3. Thái độ, chuyên cần

- Tham gia đầy đủ, báo cáo seminar các công trình khoa học liên quan.

- Có ý thức nghiêm túc tự học, tự bồi dưỡng, rèn luyện kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiên cứu khoa học.

- Có thái độ cầu thị, hợp tác tốt với đồng nghiệp.

1.3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này đề cập đến các vấn đề cập nhật trong chẩn đoán và điều trị bệnh nha chu, cung cấp các kiến thức và kỹ năng để học viên nâng cao năng lực tìm kiếm, tổng hợp, báo cáo và nghiên cứu các chủ đề Nha chu đương đại.

1.4. Nội dung chi tiết học phần

STT	Nội dung	LT	Giảng viên
1	Liệu pháp phân phối thuốc tại chỗ trong điều trị nha chu	4	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương

2	Đánh giá yếu tố nguy cơ trong bệnh nha chu	4	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương
3	Stress và bệnh nha chu	4	TS. Nguyễn Thị Thanh Hoàng
4	Sinh trắc học dấu vân tay và bệnh nha chu	4	TS. Nguyễn Thị Thanh Hoàng
5	Liên quan bệnh nha chu và bệnh toàn thân	4	PGS.TS. Trần Tấn Tài
6	Phẫu thuật nha chu	4	PGS.TS. Trần Tấn Tài
7	Miễn dịch học bệnh nha chu	4	TS. Nguyễn Văn Minh
8	Liệu pháp tế bào gốc trong tái tạo mô nha chu	2	TS. Nguyễn Thanh Tùng
	Tổng	30	

2. THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Các giảng viên có thể giảng dạy học phần này gồm:

2.1. Giảng viên 1

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên chính*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Khoa RHM, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền, Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 45A Phùng Lưu, Thành phố Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0904181688

+ E-Mail: nttduong@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Điều trị nha chu không phẫu thuật, Tái tạo mô có hướng dẫn, Đánh giá nguy cơ nha chu.*

2.2. Giảng viên 2

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THANH HOÀNG

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định.

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

- + Cơ quan: 06 Ngô Quyền, Thành phố Huế
- + Nhà riêng: 1/27 Chế Lan Viên, Thành phố Huế
- + Điện thoại liên lạc: 0363563881
- + E-Mail: ntthoang@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Nha chu.*

2.3. Giảng viên 3

Họ và tên: TRẦN TẤN TÀI

Chức danh, học vị: *Phó giáo sư, Giảng viên cao cấp, Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa II*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

- + Cơ quan: 06 Ngô Quyền, Thành phố Huế
- + Nhà riêng: 33 Ông Ích Khiêm, Thành phố Huế
- + Điện thoại liên lạc: 0913431184
- + E-Mail: tttai@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Phẫu thuật miệng - cấy ghép nha khoa, Nha cộng đồng, Phẫu thuật nha chu, Nha chu và bệnh lý toàn thân.*

2.4. Giảng viên 4

Họ và tên: NGUYỄN VĂN MINH

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên chính*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

- + Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế
- + Nhà riêng: 8/31 Ngô Gia Tự, Thành phố Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0988619557

+ E-Mail: nvminh.rhm@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Bệnh lý miệng, Phẫu thuật hàm mặt, Cấy ghép nha khoa (Implant), Nha chu, Laser nha khoa.*

2.5. Giảng viên 5

Họ và tên: NGUYỄN THANH TÙNG

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên chính*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 45A Phùng Lũu, Thành phố Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0905803725

+ E-Mail: nttung@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Y học tái tạo, Y sinh học phân tử.*

3. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

Thuyết trình/báo cáo chủ đề, thảo luận nhóm, dịch thuật.

4. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN VÀ PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

4.1. Chính sách đối với học phần

Giảng viên của mỗi chủ đề học tập sẽ cung cấp tài liệu, hướng dẫn các nội dung chính của chủ đề cho học viên cần phải đọc và tự học.

Các buổi học có thể tổ chức dưới hình thức seminar trong đó nội dung của chủ đề được giới thiệu cho học viên chuẩn bị và trình bày trước tập thể. Các cán bộ giảng dạy, học viên trả lời các thắc mắc của các cán bộ tham dự.

4.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học phần

4.2.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- Học viên phải có mặt tại đơn vị giảng dạy trong thời gian nội dung học được lên kế hoạch và làm việc với giảng viên phụ trách môn học.

- Hình thức kiểm tra: đánh giá thông qua các báo cáo chủ đề, vấn đáp, trả lời câu hỏi ngắn.

4.2.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ

- **Hình thức thi:** Hình thức thi sẽ được phổ biến vào đầu chương trình học.

- **Thi cuối kỳ:** viết tiểu luận nghiên cứu sinh trình bày trước tiêu ban chấm thi.

+ Mỗi học viên phải viết một bài tiểu luận, tên của tiểu luận do giảng viên giao. Học viên phải trình bày trước tiêu ban chấm thi và giảng viên hướng dẫn bài tiểu luận của mình và trả lời các câu hỏi trong quá trình thảo luận.

+ Học viên tự sửa chữa các vấn đề đã được góp ý trong quá trình thảo luận, sau đó nộp tiểu luận cho giảng viên chấm.

+ Bài tiểu luận được đánh giá dựa trên hình thức trình bày và nội dung.

* **Lịch thi, kiểm tra:**

- Lịch kiểm tra: Khoa sẽ lên kế hoạch.

- Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau đại học.

5. TÀI LIỆU HỌC TẬP

5.1. Tài liệu học tập bắt buộc (tại Trung tâm thư viện Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế và do giảng viên cung cấp)

1. Nguyễn Thị Thùy Dương, Nguyễn Thanh Tùng, Bae Tae Sung (2021), *Biomimetic nanomaterials for guided bone regeneration, sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Đại học Huế.*

2. Nguyễn Văn Minh (2022), *Miễn dịch học bệnh viêm nha chu-đái tháo đường và laser diode trong điều trị viêm nha chu, sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Đại học Huế.*

3. Newman M. G., Takei H., Klokkevold P. R., et al (2018), *Newman and Carranza's Clinical periodontology E-book, Elsevier Health Sciences.*

4. Laskaris G., Scully C. (2002), *Periodontal Manifestations of Local and Systemic Diseases, Springer.*

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Astekar S., Garg V., Astekar M. et al. (2017), "Genetic association in chronic periodontitis through dermatoglyphics: An unsolved link?", *Journal of Indian Academy of Oral Medicine Radiology*, 29(3), pp. 195.

2. Chatterjee G., Manohar B., Shetty N. et al. (2017), "Dermatoglyphic Patterns and Periodontal Diseases", *Journal of Nepalese Society of Periodontology Oral Implantology*, 1(2), pp. 55-59.

3. Akcali A., Huck O., Davideau J.L. et al (2013), "Periodontal Diseases and Stress: a breif review", *Journal of Oral Rehabilitation*", 40(1), pp. 60-68.
4. Douglass C. W. (2006), "Risk assessment and management of periodontal disease", *The Journal of the American Dental Association*, 137, pp. S27-S32.
5. Petsos H., Arendt S., Eickholz P. et al (2020), "Comparison of two different periodontal risk assessment methods with regard to their agreement: periodontal risk assessment versus periodontal risk calculator", *Journal of Clinical Periodontology*, 47(8), pp. 921-932.
6. Da Rocha H.A., Silva C.F., Santiago F.L., Martins L.G., Dias P.C., De Magalhães D. (2015), "Local Drug Delivery Systems in the Treatment of Periodontitis: A Literature Review". *J Int Acad Periodontol*, 17(3): pp. 82-90.
7. Ying W, Yaxin D., Shuting M. et al (2021), "Local drug delivery systems as therapeutic strategies against periodontitis: A systematic review". *Journal of Controlled Release*, 333: pp. 269-282.
8. Hala M. Gabr, Wael Abo El-Kheir (2022), *Stem Cell Therapy: Practical Considerations*. Academic Press.
9. Marek Los, Andrzej Hudecki, Emilia Wiechec (2018), *Stem Cells and Biomaterials for Regenerative Medicine*. Academic Press.
10. Phan Kim Ngọc, Phạm Văn Phúc, Trương Định (2008), *Công nghệ tế bào gốc*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
11. Bui F.Q. et al (2019), Association between periodontal pathogens and systemic disease, *Biomedical Journal*, 42(1), 27-35.
12. Albandar J.M., Susin C., Hughes F.J. (2018), Manifestations of systemic diseases and conditions that affect the periodontal attachment apparatus: Case definitions and diagnostic considerations. *J Periodontol*, 89(1), S183-S203.
13. Salvador Nares (2018), *Advances in Periodontal Surgery*, Springer International Publishing.

Duyệt Trưởng tiểu ban

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
Chuyên ngành: Răng Hàm Mặt

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

1.1. Thông tin chung

1.1.2. Tên học phần: CHỮA RĂNG - NỘI NHA NÂNG CAO

1.1.3. Mã học phần: HPTSRHM08

1.1.4. Số tín chỉ: 02 TC (Lý thuyết (LT) 02)

1.1.5. Loại học phần: Tự chọn

1.1.6. Các học phần tiên quyết (nếu có):

1.1.7. Các yêu cầu đối với học phần:

Học viên đã học chương trình đào tạo Thạc sĩ RHM hoặc tương đương (BSCCKII RHM). Học viên chưa có bằng Thạc sĩ hoặc tương đương, đã hoàn thành chương trình bổ sung.

1.2. Mục tiêu của học phần

1.2.1. Kiến thức

Sau khi học xong học phần này, học viên phải có được các kiến thức cơ bản sau:

- Phân tích tính cập nhật của các phương pháp mới trong chẩn đoán sâu răng, bệnh lý tủy và các bệnh lý quanh chóp.

- Phân tích được triết lí của nguyên lý can thiệp tối thiểu trong nha khoa phục hồi và quan điểm tái sinh trong nội nha.

- Phân tích được cơ chế tác dụng của các vật liệu sinh học dùng trong Chữa răng - Nội nha.

- Phân tích được nguyên lý của điều trị toàn diện trong nha khoa phục hồi.

1.2.2. Kỹ năng

- Thực hiện độc lập hoặc phối hợp nghiên cứu có hiệu quả các hoạt động nghiên cứu liên quan lĩnh vực Chữa Răng - Nội Nha.

- Thực hiện được thành thạo kỹ năng tra cứu, phân tích dữ liệu từ đó đưa ra được hướng nghiên cứu trong lĩnh vực Chữa răng - Nội nha.

- Đề xuất, chủ trì, thực hiện được các đề tài, dự án về lĩnh vực Chữa răng - Nội nha.

1.2.3. Thái độ, chuyên cần

- Có ý thức nghiêm túc tự học, bồi dưỡng, rèn luyện kiến thức, kỹ năng chuyên môn.

- Có thái độ cầu thị, hợp tác tốt với đồng nghiệp.

1.3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này đề cập đến các vấn đề cập nhật từ phương pháp chẩn đoán, đến các vật liệu, quan niệm điều trị cập nhật trong Chữa răng - Nội nha, cung cấp các kiến thức và kỹ năng để học viên nâng cao năng lực tìm kiếm, tổng hợp và báo cáo các chủ đề Chữa răng - Nội nha.

1.4. Nội dung chi tiết học phần

STT	Nội dung	LT	Giảng viên
1	Cập nhật về phương pháp chẩn đoán sâu răng, bệnh lý tuỷ và bệnh lý quanh chóp	5	TS. Nguyễn Thị Thanh Hoàng
2	Quản lí đau do răng: cập nhật	5	TS. Nguyễn Thị Thanh Hoàng
3	Cập nhật nguyên lý can thiệp tối thiểu trong nha khoa phục hồi	5	TS. Phan Anh Chi
4	Cập nhật về vật liệu sinh học trong nha khoa phục hồi	5	TS. Phan Anh Chi
5	Cập nhật về quan điểm tái sinh trong điều trị nội nha	5	TS. Lê Văn Nhật Thăng
6	Nguyên lý điều trị toàn diện trong nha khoa phục hồi	5	TS. Phan Anh Chi
	Tổng	30	

2. THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Các giảng viên có thể giảng dạy học phần này gồm:

2.1. Giảng viên 1

Họ và tên: PHAN ANH CHI

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên chính*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 155 Huỳnh Thúc Kháng, Thành phố Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0973618248

+ E-Mail: pachi@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Rối loạn thái dương hàm, Các đặc tính của vật liệu trong nha khoa, Chữa răng nội nha, Chính nha.*

2.2. Giảng viên 2

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THANH HOÀNG

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền, Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 1/27 Chế Lan Viên, Thành phố Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0363563881

+ E-Mail: ntthoang@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Kiểm soát đau trong nha khoa.*

2.3. Giảng viên 3

Họ và tên: LÊ VĂN NHẬT THẮNG

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

- + Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế
- + Nhà riêng: 38 Đoàn Thị Điểm, Thành phố Huế
- + Điện thoại liên lạc: 0931199077
- + E-Mail: lvnthang@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Nha khoa trẻ em, Trí tuệ nhân tạo.*

3. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm, dịch thuật
- Dạy học lâm sàng bằng phương pháp thảo luận tình huống, trình bệnh.

4. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN VÀ PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

4.1. Chính sách đối với học phần

- Giảng viên của mỗi chủ đề học tập sẽ cung cấp tài liệu, hướng dẫn các nội dung chính của chủ đề cho học viên cần phải đọc và tự học.

- Các buổi học có thể tổ chức dưới hình thức seminar trong đó nội dung của chủ đề được giới thiệu cho học viên chuẩn bị và trình bày trước tập thể. Các cán bộ giảng dạy, học viên trả lời các thắc mắc của các cán bộ tham dự.

4.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học phần

4.2.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- Học viên phải có mặt tại đơn vị giảng dạy trong thời gian nội dung học được lên kế hoạch và làm việc với giảng viên phụ trách môn học.

- Hình thức kiểm tra: đánh giá thông qua các báo cáo chủ đề, vấn đáp, trả lời câu hỏi ngắn.

4.2.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ

- **Hình thức thi:** Hình thức thi sẽ được phổ biến vào đầu chương trình học.

- **Thi cuối kỳ:** viết tiểu luận nghiên cứu sinh trình bày trước tiểu ban chấm thi.

+ Mỗi học viên phải viết một bài tiểu luận, tên của tiểu luận do giảng viên giao. Học viên phải trình bày trước tiểu ban chấm thi và giảng viên hướng dẫn bài tiểu luận của mình và trả lời các câu hỏi trong quá trình thảo luận.

+ Học viên tự sửa chữa các vấn đề đã được góp ý trong quá trình thảo luận, sau đó nộp tiểu luận cho giảng viên chấm.

+ Bài tiểu luận được đánh giá dựa trên hình thức trình bày và nội dung.

- **Viết tiểu luận:** Học viên trình bày trước tiểu ban chấm thi.

* **Lịch thi, kiểm tra:**

- Lịch kiểm tra: Khoa sẽ lên kế hoạch.

- Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau đại học.

5. TÀI LIỆU HỌC TẬP

5.1. Tài liệu học tập bắt buộc (tại Trung tâm thư viện Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế và do giảng viên cung cấp)

1. *Trịnh Thị Thái Hà (2018), “Chữa răng và nội nha”, Tập 1, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, Hà Nội.*

2. *Trần Ngọc Thành (2016), Nha khoa cơ sở tập 1: Nha khoa mô phỏng, thuốc và vật liệu nha khoa, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.*

3. *Louis H. Berman (2020), Cohen's Pathways of the Pulp, 12 th edition, Elsevier.*

5.2. Tài liệu tham khảo

1. *Nisha Garg and Amit Garg (2014), Textbook of Endodontics (3rd ed), Jaypee Brothers Medical Publishers, India.*

2. *Garg N., Garg A. (2015), Textbook of Operative Dentistry (3rd ed.), Jaypee Brothers Medical Publishers, New Delhi.*

3. *Syngcuk Kim, Samuel Kratchman (2017), Microsurgery in Endodontics, 1st Edition, Wiley-Blackwell.*

4. *John I. Ingle, Ilan Rotstein (2019), Ingle's Endodontics, 7th Edition, Jaypee Brothers Medical Publishers (P) Ltd.*

5. *Mahmoud Torabinejad, Ashraf F. Fouad, Shahrokh Shabahang (2020), Endodontics: Principles and Practice, 6th Edition, Elsevier.*

Duyệt Trưởng tiểu ban

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
Chuyên ngành: Răng Hàm Mặt

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

1.1. Thông tin chung

1.1.1. Tên học phần: NHA KHOA DỰ PHÒNG VÀ PHÁT TRIỂN

1.1.2. Mã học phần: HPTSRHM09

1.1.3. Số tín chỉ: 02 TC (Lý thuyết (LT) 02)

1.1.4. Loại học phần: Tự chọn

1.1.5. Các học phần tiên quyết (nếu có):

1.1.6. Các yêu cầu đối với học phần:

Học viên đã học chương trình đào tạo Thạc sĩ RHM hoặc tương đương (BSCKII RHM). Học viên chưa có bằng Thạc sĩ hoặc tương đương, đã hoàn thành chương trình bổ sung.

1.2. Mục tiêu của học phần

1.2.1. Kiến thức

- Mô tả được các nguyên tắc về sức khỏe cộng đồng và liên quan đến vấn đề răng miệng và Bác sĩ RHM.

- Mô tả được các xu hướng bệnh răng miệng trong các nhóm dân cư.

- Giải thích được vấn đề bất bình đẳng kinh tế - xã hội trong chăm sóc sức khỏe răng miệng.

- Phân tích được các xu hướng phát triển của bệnh sâu răng trên thế giới và ở nước ta.

- Mô tả được những tiến bộ công nghệ đang được nghiên cứu và ứng dụng trong chăm sóc sức khỏe răng miệng ban đầu.

- Phân tích được cơ chế bệnh sinh rối loạn thái dương hàm.

- Trình bày được các phương pháp dự phòng rối loạn thái dương hàm.

- Phân tích được các mức độ của rối loạn thái dương hàm.

- Trình bày được khái niệm và phân loại nghiến răng.
- Trình bày được các phương pháp chẩn đoán nghiến răng.
- Phân tích được các yếu tố để đưa ra chỉ định điều trị nghiến răng.
- Trình bày được một số điểm cần chú ý khi điều trị răng miệng cho trẻ em có nhu cầu chăm sóc sức khỏe đặc biệt.
- Mô tả được các biểu hiện răng miệng hay gặp ở trẻ em có nhu cầu chăm sóc sức khỏe đặc biệt.
- Trình bày được cách điều trị răng miệng ở trẻ em có nhu cầu chăm sóc sức khỏe đặc biệt.
- Trình bày được mục đích của việc chỉnh hình răng mặt trong giai đoạn bộ răng sữa và răng hỗn hợp.
- Trình bày được các chỉ định điều trị chỉnh hình răng mặt trong giai đoạn bộ răng sữa và răng hỗn hợp.
- Trình bày được các nguyên tắc điều trị cùng chỉ định các khí cụ chỉnh hình cho từng trường hợp cụ thể.

1.2.2. Kỹ năng

- Thực hiện được độc lập hoặc phối hợp nghiên cứu có hiệu quả các hoạt động nghiên cứu liên quan lĩnh vực dự phòng và nâng cao sức khỏe răng miệng.
- Thực hiện được thành thạo kỹ năng tra cứu, dịch và tổng quan tài liệu; viết báo cáo hoặc bài báo trong lĩnh vực nha chu.
- Áp dụng được các kết quả và quy trình từ các công trình nghiên cứu để giải quyết các vấn đề mới nổi trong lĩnh vực dự phòng và chăm sóc răng miệng, ứng dụng hiệu quả các can thiệp dựa trên bằng chứng.
- Đề xuất, chủ trì, thực hiện được các đề tài, dự án về dự phòng và nâng cao sức khỏe răng miệng.
- Đánh giá được các xu hướng toàn cầu về bệnh sâu răng dựa trên chỉ số SMT ở trẻ 12 tuổi.
- Phân loại được thành thạo các mức độ của rối loạn thái dương hàm và đưa ra kế hoạch điều trị phù hợp.
- Thực hiện được chỉ định điều trị chỉnh nha cơ chức năng.
- Áp dụng được các phương pháp chẩn đoán nghiến răng khi ngủ trong quá trình điều trị nha khoa.

- Thực hiện được chỉ định điều trị răng miệng cho trẻ em có nhu cầu chăm sóc sức khỏe đặc biệt.

- Thực hiện được các hoạt động nghiên cứu liên quan đến dự phòng và nâng cao sức khỏe răng miệng cho trẻ em đặc biệt.

- Phân loại được tình trạng sai lệch khớp cắn và lập kế hoạch điều trị chỉnh hình răng mặt phù hợp cho từng trường hợp cụ thể.

1.2.3. Thái độ, chuyên cần

- Có ý thức nghiêm túc tự học, tự bồi dưỡng, rèn luyện kiến thức, kỹ năng chuyên môn.

- Có thái độ cầu thị, hợp tác tốt với đồng nghiệp.

1.3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần “Nha khoa dự phòng và phát triển” cung cấp cho học viên kiến thức cập nhật quan điểm hiện đại về dự phòng và nâng cao sức khỏe răng miệng, các vấn đề chăm sóc dự phòng sức khỏe răng miệng cho trẻ em và dự phòng các vấn đề liên quan vùng hàm mặt khác (lệch lạc khớp cắn, loạn năng khớp thái dương hàm, hội chứng ngưng thở khi ngủ...). Ngoài ra, học phần này còn trang bị cho học viên những kỹ năng để nâng cao năng lực tìm kiếm, tổng hợp và báo cáo các chủ đề về dự phòng răng miệng trong thời đại mới.

1.4. Nội dung chi tiết học phần

STT	Nội dung	LT	Giảng viên
1	Cập nhật các nguyên tắc của sức khỏe răng miệng cộng đồng	2	TS. Nguyễn Thị Nhật Vy
2	Xu hướng phát triển của bệnh sâu răng	3	PGS. TS. Nguyễn Toại
3	Mô hình can thiệp cộng đồng dựa trên bằng chứng	3	PGS.TS. Trần Tấn Tài
4	Các tiến bộ công nghệ trong chăm sóc sức khỏe răng miệng ban đầu	2	TS. Nguyễn Thị Nhật Vy
5	Bệnh sinh và dự phòng rối loạn thái dương hàm	2	TS. Nguyễn Gia Kiều Ngân

6	Cập nhật về rối loạn thái dương hàm: phân loại và chỉ định điều trị	4	TS. Phan Anh Chi
7	Nghiến răng - chẩn đoán và điều trị	4	TS. Nguyễn Gia Kiều Ngân
8	Chăm sóc răng miệng ở trẻ em đặc biệt	4	TS. Lê Văn Nhật Thắng
9	Chỉnh hình răng mặt ở trẻ em	4	TS. Lê Văn Nhật Thắng
10	Chỉnh nha cơ chức năng	2	TS. Nguyễn Gia Kiều Ngân
	Tổng	30	

2. THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN

Các giảng viên có thể giảng dạy học phần này gồm:

2.1. Giảng viên 1

Họ và tên: NGUYỄN TOẠI

Chức danh, học vị: *Phó giáo sư, Giảng viên cao cấp, Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa II*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

- + Cơ quan: 06 Ngô Quyền, Thành phố Huế
- + Nhà riêng: 280 Ngự Bình, Thành phố Huế
- + Điện thoại liên lạc: 0913412228
- + E-Mail: ntoai@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Hình thái học răng mặt, Nha cộng đồng.*

2.2. Giảng viên 2

Họ và tên: TRẦN TẤN TÀI

Chức danh, học vị: *Phó giáo sư, Giảng viên cao cấp, Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa II*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

- + Cơ quan: 06 Ngô Quyền, Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 33 Ông Ích Khiêm, Thành phố Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0913431184

+ E-Mail: tttai@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Phẫu thuật miệng - cấy ghép nha khoa, Nha cộng đồng, Phẫu thuật nha chu, Nha chu và bệnh lý toàn thân.*

2.3. Giảng viên 3

Họ và tên: NGUYỄN THỊ NHẬT VY

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền, Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 172 Bùi Thị Xuân, Thành phố Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0374713799

+ E-Mail: ntnvy@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Dịch tễ bệnh răng miệng, Khoa học hành vi, Chất lượng cuộc sống liên quan đến sức khỏe răng miệng, Giáo dục sức khỏe và hiểu biết về sức khỏe.*

2.4. Giảng viên 4

Họ và tên: NGUYỄN GIA KIỀU NGÂN

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 11/18 Đào Tấn, Thành phố Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0976283058

+ E-Mail: ngkngan@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Đau miệng mắt, Rối loạn thái dương hàm, Nghiến răng, Rối loạn giấc ngủ liên quan đến nha khoa*

2.5. Giảng viên 5

Họ và tên: LÊ VĂN NHẬT THẮNG

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 38 Đoàn Thị Điểm, Thành phố Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0931199077

+ E-Mail: lvnthang@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Nha khoa trẻ em, Trí tuệ nhân tạo.*

2.6. Giảng viên 6

Họ và tên: PHAN ANH CHI

Chức danh, học vị: *Tiến sĩ, Giảng viên chính*

Thời gian, địa điểm làm việc: các ngày làm việc theo quy định.

Tại: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Địa chỉ liên hệ:

+ Cơ quan: 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế

+ Nhà riêng: 155 Huỳnh Thúc Kháng, Thành phố Huế

+ Điện thoại liên lạc: 0973618248

+ E-Mail: pachi@huemed-univ.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: *Rối loạn thái dương hàm, Các đặc tính của vật liệu trong nha khoa, Chữa răng nội nha, Chỉnh nha.*

3. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

- Thuyết trình, báo cáo chủ đề
- Thảo luận nhóm, dịch thuật

4. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN VÀ PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

4.1. Chính sách đối với học phần

- Tham dự tối thiểu 80% giờ giảng lý thuyết.
- Tham dự 100% các buổi học thực hành.

- Phải nghiên cứu trước giáo trình, thảo luận nhóm và soạn bài theo yêu cầu của giảng viên, chuẩn bị các ý kiến thảo luận, tham gia thảo luận trên lớp.

- Sưu tầm, nghiên cứu các báo cáo các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên.

- Tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành tại Khoa.

4.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học phần

4.2.1. Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- Học viên phải có mặt tại đơn vị giảng dạy trong thời gian nội dung học được lên kế hoạch và làm việc với giảng viên phụ trách môn học.

- Hình thức kiểm tra: đánh giá thông qua các báo cáo chủ đề, vấn đáp, trả lời câu hỏi ngắn.

4.2.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ

- **Hình thức thi:** Hình thức thi sẽ được phổ biến vào đầu chương trình học.

- **Thi cuối kỳ:** viết tiểu luận nghiên cứu sinh trình bày trước tiểu ban chấm thi.

+ Mỗi học viên phải viết một bài tiểu luận, tên của tiểu luận do giảng viên giao. Học viên phải trình bày trước tiểu ban chấm thi và giảng viên hướng dẫn bài tiểu luận của mình và trả lời các câu hỏi trong quá trình thảo luận.

+ Học viên tự sửa chữa các vấn đề đã được góp ý trong quá trình thảo luận, sau đó nộp tiểu luận cho giảng viên chấm.

+ Bài tiểu luận được đánh giá dựa trên hình thức trình bày và nội dung.

*** Lịch thi, kiểm tra:**

- Lịch kiểm tra: Khoa sẽ lên kế hoạch.

- Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau đại học.

5. TÀI LIỆU HỌC TẬP

5.1. Tài liệu học tập bắt buộc (tại Trung tâm thư viện Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế và do giảng viên cung cấp)

1. Okeson J. (2020), *Management of Temporomandibular Disorders and Occlusion 8th Edition*, Elsevier.

2. Peres (2021), *Oral Epidemiology: A Textbook on Oral Health Conditions, Research Topics and Methods*, Springer.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Trần Tấn Tài (2021), *Sâu răng trẻ em - Mô hình can thiệp cộng đồng dựa trên bằng chứng. Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Đại học Huế.*
2. Burt and Eklund (2018), *Dentistry, Dental Practice, and the Community. 8th edition, Elsevier.*
3. Jong (2012), *Community Dental Health, Mosby Company.*
4. P.Y.F Wen, M.X Chen, H.M Wong et al. (2021), “Global burden and inequality of dental caries, 1990 to 2019”, *Journal of Dental Research, Dec.*
5. Aradhya M.R Sankar (2021), “Global trends in dental caries among 12-year-old children”, *Journal of Indian Association of Public Health Dentistry 9(5).*
6. Arthur Nowak, John R. Christensen, Tad R. Mabry, Janice Alisa Townsend, Martha H. Wells (2019), *Pediatric Dentistry Infancy Through Adolescence, 6th edition, Elsevier.*
7. Jeffrey A. Dean (2022), *McDonald and Avery’s Dentistry for the Child and Adolescent, 11th edition, Elsevier.*
8. Lavigne, G., Cistulli, P., & Smith, M. (2020). *Sleep Medicine for Dentists (2nd ed.). Quintessence Publishing.*
9. J.P Orthlieb (2017), *Dysfonctionnements temporo- mandibulaire compendre- Identifier- Traiter, Medecine Bucale.*

Duyệt Trưởng tiểu ban